



1 • 2012

ĐẠI ĐẠO VẠN UYỂN

NXB TÔN GIÁO



ĐẠI ĐẠO VẠN UYỂN

TẬP NGUYÊN — NHÂM THÌN 2012 • 1 CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO



TG NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO



*Trên: VĨNH NGUYÊN TỰ (Cần Giuộc, Long An) - ảnh: Đạt Linh.
Dưới: thánh thất TRUNG HÒA (Tiên Phước, Quảng Nam)
ảnh: Hội Thánh Truyền Giáo. Xem bài của Đạt Truyền, trang 53-63.*



ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo

ĐẠI ĐẠO
VĂN UYỂN
大道文苑

Hiệp tuyển thơ văn đạo lý
Tập NGUYỄN - năm Nhâm Thìn

Nhà xuất bản TÔN GIÁO
Hà Nội 2012

MỤC LỤC

Giao Cầm – Văn Uyên	3
THÁNH GIÁO	
Tu Đi, Hãy Sớm Tu Đi! – Đức Đông Phương Chương Quân	5
Làm Những Việc Tâm Thường ... – Đức Điều Trì Kim Mẫu	11
Qua Cầu – Đức Vạn Hạnh Thiển Sư	17
Mười Điều Tâm Niệm – Sấm Giảng Huỳnh Đạo	19
SỬ LIỆU * KHẢO LUẬN * SÁNG TÁC	
Cao Triều Phát: Cha Tôi – Cao Bạch Liên	23
Thánh Tịnh Đại Thanh – Thanh Căn	43
Các Thánh Sở Cao Đài ... – Đạt Truyền	53
Sứ Mạng Giáo Hóa Của Người Chức Sắc – Phạm Văn Liêm	65
Ưu Đạo Bất Ưu Nhân – Đơn Tâm	75
Ý Nghĩa Chữ Tâm – Bạch Liên Hoa	79
Đề Thi Chỉ Có Tâm Và Cảnh – Diệu Nguyên	83
Chó Cắn Lũ Động Tân – Huệ Khải	103
Từ Nguyên Địa Danh Kim Biên – An Chi	117
Linh Tiêu Nhất Tháp – Nghệ Dũ Lan	121
Vì Sao Sư Tăng Mang Họ Thích? – Lê Anh Minh	123
Vấn Đề Tận Thế ... – Trần Văn Chánh	125
Hỏi – Thiên – Nguyễn Quốc Huân (thơ)	52, 102
Thuyền Thơ Lục Bát – Tâm Ca Áo Trắng – Kim Anh	64, 116
VÒNG TAY ĐẠI ĐẠO	
Liên Tôn Trong Tình Đại Đạo – Hòa Duyên	157
Xuân Đưa Bạn Đến – Linh Mục Tâm Giao	163
Tấm Lòng Bạc Liêu – Vân Quang	165
Gió Bốn Phương – Đạt Tịnh & Vân Quang	167
Kinh Sách Mới In	171
Phương Danh Ấn Tổng – Chú thích ảnh bìa	173, 175

GIAO CẢM

Quý đạo hữu, đạo tâm trọng kính,

Sau hơn ba năm rưỡi ấn tổng – đặc biệt với ba tập *Xuân Tri Ân* (2010), *Xuân Chung Tâm* (2011), *Xuân Hòa Đồng* (2012) – Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo vui mừng nhận được nhiều lời khích lệ của Quý tín hữu trong cộng đồng Đại Đạo. Phần đông đều nhận thấy hình thức *GIAI PHẨM* tạo ra được một “mảnh đất” sinh hoạt văn hóa đạo đức nhẹ nhàng, qua đó bà con nhà Đạo gần xa sẽ dễ dàng góp mặt, sẽ có điều kiện phát huy tiềm năng sáng tạo của những người con Áo Trắng.

Vì thế, kể từ nay, song song với việc ấn tổng kinh điển, sách biên khảo, v.v..., Ban Ấn Tổng cố gắng thực hiện mỗi năm bốn tập *ĐẠI ĐẠO VĂN UYÊN*, lần lượt phát hành vào khoảng các tháng 3, 6, 9, 12 dương lịch. Thứ tự bốn tập là *Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh* – mượn bốn đức của quê Cần.

Chúng tôi cố gắng duy trì kết cấu nội dung mỗi tập gồm các phần: thánh giáo (kèm chú giải); sử Đạo, biên khảo, nghiên cứu thuật ngữ Đạo học; sáng tác văn thơ đạo lý...

Chúng tôi đặc biệt chú trọng phần **học thuật** để giữ gìn đức trong sáng, tính chân xác của giáo lý Đại Đạo. Nhưng chúng tôi cũng rất quan tâm phát triển mảng **văn-thơ-nhạc**, vì đây chính là bằng chứng cho thấy *chất Đạo* một khi đã thấm thấu vào tình cảm con cái Thầy Mẹ, có dịp sẽ phát tiết trở ra, tạo nên những áng văn-thơ-nhạc mỹ miều, kết dệt nên khu vườn văn chương Đại Đạo. Vâng, *ĐẠI ĐẠO VĂN UYÊN* tức là khu vườn văn chương Đại Đạo của chúng ta.

Chúng tôi không muốn ấn định *chủ đề* cho từng tập. Tuy nhiên, là con nhà Đạo, chúng ta hằng nhớ trong mỗi quý đều có những “điểm mốc” đại đề như lễ Vía Trời, Thiên Quan Tứ Phước, Khánh Đản Đức Đạo Tổ, Phật Đản, Vu Lan, Khai Tịch Đạo, Khai Minh Đại Đạo, Chúa Giáng Sinh, v.v... Chúng ta cũng không quên trong mỗi quý còn có ngày kỷ niệm các Đấng, các vị Tiên Khai Đại Đạo, các Tiên Nhân đáng kính trong các Hội Thánh Cao Đài, Minh Lý... Đó là những gợi ý để chúng ta dễ chọn đề tài.

Riêng tháng 6-2012 tới đây, vừa tròn bốn năm hoằng pháp của cộng đồng tín hữu chúng ta qua phương tiện chung là *Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo*. Kỷ niệm bốn tuổi với biết bao tình cảm chan chứa trong đó, chắc chắn bà con tín hữu chúng ta sẽ có nhiều cách để giải bày, phô diễn thành ngôn từ ngỗ hầu góp mặt với *Văn Uyển Tập HANH*.

Mọi bài vở và mỹ ý xây dựng, xin Quý đạo hữu, đạo tâm hoan hỷ gửi về:

✉ Ông TRẦN VĂN QUANG: số 59/79 Trần Phú, phường 4, quận 5, TpHCM. ☎ 0913613653

E-mail: daidaovanuyen@gmail.com

Xin Quý đạo hữu, đạo tâm trong những lúc cúng thời, công phu hàng ngày, hãy dành thời gian cầu nguyện, hộ niệm giùm cho Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng để chúng ta nuôi bền phương tiện hoằng pháp Kỳ Ba, may ra có thể báo đáp Ôn Thầy, Ôn Mẹ trong muôn một.

Kính thành tri ân toàn thể Quý đạo hữu, đạo tâm.

Trọng Xuân Nhâm Thìn
VĂN UYÊN

TU ĐI, HÃY SỚM TU ĐI!

THI

Tu đi cho cạn nỗi căm hờn
Tu để giảm lần sự bất nhơn
Tu để đệ huynh như ruột thịt
Tu đi, siết chặt mối tình thương!

THI BÀI

Cuộc biến chuyển tuần hoàn đã định
Luật công bình điều chỉnh thế gian
Xuống lên địa ngục, thiên đàng
Thánh siêu phàm đạo, lẽ hằng ⁽¹⁾ xưa nay.

Thương người giữa trần ai bao phủ
Thương người cơn phong vũ ⁽²⁾ gian nguy
Thương người đạo đức tu trì ⁽³⁾
Thương nên khuyên nhủ hãy ghi vào lòng.

Đã trót sanh trong vòng thế tục
Lại gặp hồi khuynh phúc ⁽⁴⁾ nước non

⁽¹⁾ *Lẽ hằng*: Lẽ thường, nguyên lý bất di bất dịch tự nhiên của đất trời (*permanent principle*). Dù con người muốn hay không muốn thì nó vẫn diễn ra.

⁽²⁾ *Phong vũ* (vũ) 風雨: Gió và mưa, ám chỉ cảnh gian nan, khổ khổ, đầy thử thách (*trials and hardship*).

⁽³⁾ *Tu trì* 修持: Tu hành không lơ lửng. (*Trì*: Gìn giữ, nắm giữ.)

⁽⁴⁾ *Khuynh phúc* 傾覆: Nghiêng lật, nghiêng đổ (*to overturn*).

Hỡi ai! Ai xử sao tròn
Khi tình cốt nhục không còn thương yêu?

Kiếp nhơn sanh một chiều một sớm
Họa giống nòi ở ỡm ⁽⁵⁾ mưu mô
Điều ngoa mặt trái Hớn, Hồ
Cám thương kẻ gánh cơ đồ ⁽⁶⁾ ngày nay!

(...)

Kìa chánh đạo đang suy chánh pháp
Nợ giáo đồ ⁽⁷⁾ lung lạc ⁽⁸⁾ khách mê
Quanh chủ tướng, một lũ hề
Vẽ vờ rờn rã toan bề nhiều nhương.

Hỡi ai chán nghề vương nghiệp bá
Hỡi ai không vì bả lợi danh ⁽⁹⁾
Mà mong thiên hạ an bình
Hãy đem đạo đức gây tình chúng sanh.

Khắp vũ trụ Trời dành non nước
Chẳng phải tài với sức được đâu
Dù cho dân thứ, công hầu ⁽¹⁰⁾
Trong cơ tiền định ⁽¹¹⁾ chớ âu ⁽¹²⁾ lo lường.

⁽⁵⁾ *Ở ỡm*: Ỡm ờ, nói năng không nghiêm túc, không tin được.

⁽⁶⁾ *Cơ đồ* 基圖: Việc quốc gia đại sự (*state affairs*).

⁽⁷⁾ *Giáo đồ* 教徒: Tín đồ của một tôn giáo (*adherent, disciple*).

⁽⁸⁾ *Lung lạc*: Lôi kéo vào chỗ sai trái (*to entice, to tempt*).

⁽⁹⁾ *Bá*: Mồi độc để nhử (*poison bait*). *Bả lợi danh*: Danh lợi cám dỗ con người phạm lỗi, trái đạo lý, nên danh lợi giống như mồi độc.

⁽¹⁰⁾ *Dân thứ, công hầu*: Dân thường và quan chức lớn.

⁽¹¹⁾ *Cơ tiền định*: Thiên cơ (kế hoạch của Trời) đã sắp đặt sẵn.

Khuyên hãy giữ lập trường chánh đạo
Khuyên hãy gìn tiết tháo⁽¹³⁾ lương tri⁽¹⁴⁾
Thà cam ăn ngọn rau vi⁽¹⁵⁾
Đề nòi giống khỏi ai bi⁽¹⁶⁾ đoạn trường.⁽¹⁷⁾

Khuyên chư đệ trên đường tu niệm
Hằng ngày luôn kiểm điểm thân tâm
Đạo mẫu vô thượng⁽¹⁸⁾ thậm thâm⁽¹⁹⁾
Vui đâu chúc đó, lạc lắm bàng môn.⁽²⁰⁾

⁽¹²⁾ *Âu*: Lo toan, lo lắng, âu lo (*to worry*).

⁽¹³⁾ *Tiết tháo* 節操: Lòng trong sạch, ngay thẳng, không vì nguy khốn, danh lợi mà thay lòng đổi dạ (*integrity, moral principle*).

⁽¹⁴⁾ *Lương tri* 良知: Lương tâm, tánh thiện tự nhiên như bản năng (*conscience, instinctive moral sense*).

⁽¹⁵⁾ *Rau vi* 薇: *Osmunda regalis*.

Bá Di 伯夷 và Thúc Tề 叔齊 là con vua Á Vi 亞微 nước Cô Trúc (là chư hầu của vua Trụ nhà Thương). Khi Cơ Phát 姬發 mang quân đánh Trụ, hai anh em Bá Di và Thúc Tề cùng can gián, cho rằng Cơ Phát bất trung với nhà Thương (!). Cơ Phát lên ngôi thiên tử, lập ra nhà Chu, tức là Chu Vũ Vương. Bá Di và Thúc Tề xấu hổ vì đã can ngăn Cơ Phát diệt Trụ, nên thề không ăn thóc nhà Chu, bỏ lên núi Thù Dương ở ẩn, hái rau vi ăn. Có người bảo rau vi cũng mọc trên đất nhà Chu, hai ông bèn nhịn đói chịu chết trên núi Thù Dương. Văn học dùng hình tượng Bá Di, Thúc Tề để nói tới việc ở ẩn; và dùng hình tượng rau vi để nói tới tiết tháo của kẻ sĩ.

⁽¹⁶⁾ *Ai bi*: Bi ai 悲哀, buồn rầu thê thảm (*grieved, sorrowful*).

⁽¹⁷⁾ *Đoạn trường* 斷腸: Đứt ruột; cực kỳ đau thương (*heartbroken*).

⁽¹⁸⁾ *Vô thượng* 無上: Cao tột, không còn gì cao hơn (*supreme*).

⁽¹⁹⁾ *Thậm thâm* 甚深: Rất sâu (*extremely profound*).

Lẽ thành bại vong tồn⁽²¹⁾ thế sự
Cũng là điều lành dữ nghiệp duyên
Muốn về cảnh Phật nhà Tiên
Ngôi Thần vị Thánh, oan khiên⁽²²⁾ tránh chừa.

Nay trả nợ vì xưa vay nợ
Trước chưa tu, sau nhớ mà tu
Vượt ra bốn vách trần tù⁽²³⁾
Mặc đời tráo chác, trí ngu⁽²⁴⁾ mặc đời.

Một niềm tin Đạo Trời cứu thế
Giữ chánh truyền, luật lệ nghiêm minh
Vô vi đề cập hữu hình
Song tu tánh mạng⁽²⁵⁾ siêu sinh thoát phàm.
(...)

⁽²⁰⁾ *Bàng môn* [tả đạo] 旁門[左道]: Các môn phái không phải là chánh giáo (*heretical schools*).

⁽²¹⁾ *Vong tồn* 亡存: Mất còn (*dead or alive, to die or survive*)..

⁽²²⁾ *Oan khiên* 冤牽: Oan nghiệp 冤業, oan nghiệt 冤孽, những điều ngang trái dẫn dắt đến chỗ tội lỗi (*injustice leading to sin*).

⁽²³⁾ *Bốn vách trần tù*: Tứ đồ (tứ đồ tường) 四堵牆(牆); bốn thứ giam hãm con người, khiến con người mất tự do, giống như bị nhốt trong bốn vách (đổ và tường đều có nghĩa là vách tường). Đó là *Tửu, sắc, tài, khí* 酒色財氣 – rượu, sắc dục, tiền bạc, và ma túy (*alcohol, sex, money, drugs*).

⁽²⁴⁾ *Trí ngu*: Khôn dại (*wise or dull*).

⁽²⁵⁾ *Song tu tánh mạng*: Tánh mạng (tính mệnh) song tu 性命雙修, tu tánh (tính) luyện mạng (mệnh) 修性煉命. Tu tánh là tu tâm, bỏ thất tình lục dục, hành thiên (luyện thần), luyện mạng là dưỡng thân, đoạn trừ sắc dục (giữ gìn tinh, khí).

THI

Công quả dành cho các đạo tâm
Ráng lên lập đức khỏi sai lầm
Tiền đồ ⁽²⁶⁾ sẵn có người đưa đón
Một kiếp trau dồi hưởng vạn năm.

THI BÀI

Hãy hỷ lạc mà tâm chánh tín
Hít hà chi phú vịnh ca văn
Chấn hưng đạo đức tâm hằng ⁽²⁷⁾
Đạo Trời vạn đại ⁽²⁸⁾ công bằng chở che.

Hãy liên kết bạn bè học Đạo
Hãy sưu tầm thánh giáo nhủ khuyên
Đâu đâu thì cũng Phật Tiên
Hoặc mê hoặc tỉnh, linh thiêng bởi mình.

Cơ phổ độ muôn hình vạn trạng ⁽²⁹⁾
Đừng chấp nê ⁽³⁰⁾ ngao ngán dở hay
Đó là phương pháp cao dày
Tùy duyên hóa độ ⁽³¹⁾ ngày ngày sẽ nên.

⁽²⁶⁾ *Tiền đồ* 前途: Con đường phía trước, ở trước mặt; tương lai tốt đẹp (*good future, prospects*)..

⁽²⁷⁾ *Tâm hằng*: Bền lòng, không thay lòng đổi dạ (*consistent*).

⁽²⁸⁾ *Vạn đại* 萬代: Muôn đời, mãi mãi (*eternally, forever*).

⁽²⁹⁾ *Muôn hình vạn trạng*: Cũng như thiên hình vạn trạng 千形萬狀 – vô số hình dạng (*multitude of forms*).

⁽³⁰⁾ *Chấp nê* 執泥: Cố chấp, chấp nhất, câu nệ.

⁽³¹⁾ *Tùy duyên hóa độ* 隨緣化度: Tùy theo hoàn cảnh thích hợp mà giúp người bước vào đường tu hành (*to convert a person to a religion depending on appropriate circumstances*).



THI

Ơn Trời bủa khắp chẳng riêng ai
Tùy đức tùy công mông với dày
Nhắm bước thẳng đường đừng dục dục ⁽³²⁾
Không không mà có cảnh Tiên đài. ⁽³³⁾

NGÂM

Lời Tiên dạy bảo khá dài
Ban ơn từ giã, Tiên đài đây lui.

Đức **ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỞNG QUẢN**

Thiên Lý Đàn, 15-12 Giáp Thìn (17-01-1965)

⁽³²⁾ *Dục dục*: Do dự, chần chờ (*to hesitate*).

⁽³³⁾ *Tiên đài* 仙臺: Đài Tiên, ám chỉ cõi Tiên (*immortal heaven*).

HUỆ KHẢI & LÊ ANH MINH chú thích

LÀM NHỮNG VIỆC TÂM THƯỜNG ĐỂ TRỞ NÊN PHI THƯỜNG

TIẾP ĐIỀN

MẸ linh hồn các con.

Mẹ mừng các con lưỡng phái.

THI

DIỀU TRÌ KIM MẪU Mẹ lai cơ ⁽¹⁾
VÔ CỰC TỪ TÔN gọi trẻ khờ
Hợp sức chống chèo thuyền ⁽²⁾ Đại Đạo
Hầu đưa khách tục khỏi bờ vờ.

Mẹ cho phép các con an tọa nghe Mẹ dạy.

(...)

Kỷ nguyên ⁽³⁾ này là kỷ nguyên chót trong luật tuần hoàn
nguồn hạ. ⁽⁴⁾ Thời gian không còn cho phép các con diên

⁽¹⁾ Lai cơ: Đến đàn cơ.

⁽²⁾ Thuyền: Thuyền 船 (boat).

⁽³⁾ Kỷ nguyên 紀元: Thời đại (era).

⁽⁴⁾ Nguồn hạ: Hạ nguồn (nguyên) 下元, thời kỳ cuối cùng của một đại chu kỳ gồm có ① thượng nguồn (nguồn thượng đức, nguồn tạo hóa), ② trung nguồn (nguồn thượng lực, nguồn tranh đấu), ③ hạ nguồn (nguồn điều tàn, nguồn tái tạo).

trì ⁽⁵⁾ nữa. Một tắc quang âm, một tắc vàng. ⁽⁶⁾

(...)

Hỡi các con! Có phải các con đặt mình vào cửa Đạo, mong lập công bồi đức một kiếp này, chỉ một kiếp này thôi để trở về hiệp nhứt cùng Thầy Mẹ chăng? Mẹ trả lời thế các con rằng “Phải”, rằng “Đúng”. Nhưng các con tự vấn ⁽⁷⁾ cõi lòng, coi có thực hành công đức ⁽⁸⁾ để xứng với nguyện vọng ấy chưa, hay chỉ mới sử dụng những ngày giờ nhàn rỗi thừa thãi, cùng hơi rảnh một ít, vì một động lực thúc đẩy, vì một tự ái hoặc vì một danh hảo, để chen mình làm những việc đạo nghĩa nhứt thời nào đó.

Các con ôi! Một kiếp người chỉ lỗi năm bảy mươi năm. Khoảng thời gian này, những con người đó cố gắng giải trừ nghiệp cũ. Đó là hạng giác ngộ, không gây nghiệp mới, nhưng vô tình hay hữu ý, nghiệp cũ đã chưa mòn, nghiệp mới lại gây thêm!

Các con có muốn chỉ giữ bọc tâm thường là hiện nhân một kiếp này, để kiếp lai sanh ⁽⁹⁾ hưởng muôn điều vinh hoa phú quý? Thảng qua, thì có con thích làm như vậy,

⁽⁵⁾ Diên trì 遲延: Trì hoãn, kéo dài thời gian (to delay).

⁽⁶⁾ Quang âm 光陰: Thời gian (time). Có câu: Nhất thốn quang âm nhất thốn kim, thốn kim nan mãi thốn quang âm. 一寸光陰一寸金, 寸金難買寸光陰. (Một tắc thời gian một tắc vàng, tắc vàng khó mua được tắc thời gian.) Ý nói thời gian rất quý, thời gian đã mất đi không thể nào chuộc lại được.

⁽⁷⁾ Tự vấn 自問: Tự hỏi bản thân (to ask oneself).

⁽⁸⁾ Công đức 功德: Công lao và ơn đức (meritorious works, achievements and virtue).

⁽⁹⁾ Kiếp lai sanh: Kiếp sau.

nhưng biết kiếp lai sanh còn nhớ căn cội của mình mà tiếp tục sự nghiệp đạo đức ấy chăng?

Vậy thì đừng mong vọng điều đó, mà chỉ tận dụng mọi khả năng, mọi hoàn cảnh, dốc thực hành cho kỳ được một kiếp này mà thôi.

Các con hãy xem, rất đổi các Đấng Phật Tiên, Thánh Thần còn phải xuống trần bất luận ngày đêm, để lập thêm công bồi thêm đức, hướng hồ chỉ các con chỉ được công đức là bao. Vì vậy mà các con chớ nên tự mãn, hãy cố gắng thêm lên. Hãy thắng mọi sở thích của thể xác mới hành được nghĩa vụ trọng đại ấy.

Các con hãy tập làm những việc tầm thường để trở nên phi thường. Hãy thắng mọi sự lười biếng tập tục của dĩ vãng.

(...)

THI BÀI

1. Các con hãy xem vàng nhứt nguyệt
Lẽ khuyết tròn ai biết nay mai
Tắm thân trần cấu⁽¹⁰⁾ đọa đầy
Gian truân lắm lúc, mỏng dày bao phen.
2. Như châu châu bóng đèn lặn xả
Đời điêu tàn phúc họa biết đâu
Điêu linh⁽¹¹⁾ chán động hoàn cầu
Hỏi con tài đức đương đầu được không?

⁽¹⁰⁾ *Trần cấu* 塵垢: Những gì con người tập nhiễm trong cuộc sống thế gian. (*Trần*: bụi bặm; *cấu*: nhơ nhuốc.)

⁽¹¹⁾ *Điêu linh* 凋零: Héo rụng, suy bại, tàn tạ, xác xơ, rã rời (*withered, decayed*). Khổ sở cùng cực (*extreme suffering*).

3. Thời mạt kiếp trần hồng đã vậy
Buổi hạ nguon nhìn thấy càng hơn
Con đường đạo đức mau chơn
Ngàn năm một thuở chập chờn⁽¹²⁾ sao nên.
4. Con muốn được tuổi tên hậu thế
Con muốn châu Thầy Mẹ ngôi xưa
Bao nhiêu chênh mảng ráng chùa
Trên đường công quả phụng thừa⁽¹³⁾ hăng say.
5. Con biến loạn trả vay, vay trả
Sớm chiều trưa phúc họa liền tay
Hỡi con! Con có rõ hay
Hay còn trong giấc ngủ say mộng huỳnh?⁽¹⁴⁾
6. Tiếng giục thúc chuông linh cảnh tỉnh
Kêu con còn chưa định tâm trung
Lẽ đâu bước thẳng bước dùn
Rày đây mai đó ngại ngừng cho con.

⁽¹²⁾ *Chập chờn*: Nửa thức nửa ngủ, nửa tỉnh nửa mê.

⁽¹³⁾ *Phụng thừa* 奉承: Vâng lệnh trên mà làm theo lệnh.

⁽¹⁴⁾ *Mộng huỳnh*: Mộng hoàng lương, giấc kê vàng. *Hoàng lương mộng* 黃梁夢: Hoàng lương là hạt kê màu vàng. Theo *Chấm Trung Ký* của Thâm Ký Tế (đời Đường, Trung Quốc), ngày xưa có anh học trò nghèo tình cờ gặp đạo sĩ tại nhà trọ. Anh luôn miệng than thở về cảnh nghèo. Bấy giờ chủ quán đang nấu cháo kê. Đạo sĩ lấy trong tay áo ra một cái gói, bảo anh kê đầu lên, mọi việc sẽ như ý. Anh làm theo, liền ngủ say, rồi nằm mơ thấy cưới vợ giàu xinh đẹp, nét na. Anh làm quan, các con khôn lớn, thành đạt. Anh sống nhàn nhã, thọ hơn 80 tuổi. Khi tỉnh mộng, anh thấy vẫn đang ở trong nhà trọ, nồi cháo kê vẫn chưa chín. Giấc mộng huỳnh, mộng hoàng lương, giấc kê vàng có nghĩa là ảo mộng (*illusion*).

7. Nhìn vàng trắng đang tròn lại khuyết
Nước đang đầy ai biết rồi vơi
Sống trong kinh cù⁽¹⁵⁾ côi đòi
Lấy chi bảo đảm giữa thời hạ nguon.

8. Con hồi con! Mau chơn bước nhặt⁽¹⁶⁾
Con hồi con! Dịu dặt lẫn nhau
Đừng vì việc nhỏ đổi màu⁽¹⁷⁾
Phải vì việc lớn Đạo Cao cứu đời.

9. Năm bảy mươi tác hơi⁽¹⁸⁾ không hện
Đôi ba năm cũng vẹn một đời
Một hai tuần nhứt con ôi
Biết đâu số kiếp một đời nhân sanh.

10. Con đã có căn lành sớm giác⁽¹⁹⁾
Thiệt phúc ân bát ngát biết bao
Thương cho đám trẻ tiến sau
Còn trong lẩn quẩn máu đào tuôn rơi.⁽²⁰⁾

11. Cũng là con đất trời gầy dựng
Cũng là con một Đấng Thiêng Liêng
Bởi chưng⁽²¹⁾ đũa dữ đũa hiền
Căn nào nghiệp nấy triển miên đến bồi.

⁽¹⁵⁾ Kinh cù 驚懼: Sợ hãi, hoảng sợ (panic, fright).

⁽¹⁶⁾ Bước nhặt: Bước nhanh (to quicken one's pace).

⁽¹⁷⁾ Đổi màu: Đổi lòng thay dạ (to be unfaithful, to shift one's feelings).

⁽¹⁸⁾ Năm bảy mươi tác hơi: Kiếp sống 50-70 tuổi.

⁽¹⁹⁾ Con nhờ có căn lành nên sớm giác ngộ, sớm biết tu học.

⁽²⁰⁾ Thương cho những thanh niên trẻ tuổi còn phải hy sinh xương máu trong thời chiến.

⁽²¹⁾ Bởi chưng: Bởi vì, bởi lẽ (because).

12. Con đã hiểu Đạo rồi ránh bước
Đừng ngại điều xuôi ngược dò chơn⁽²²⁾
Có duyên lóng hiểu⁽²³⁾ giọng đồn
Canh khuya Mẹ khảy⁽²⁴⁾ thiệt hơn phù trầm.⁽²⁵⁾

THI

Vô Cực Từ Tôn dạy các con
Công phu, công quả ránh lo bòn⁽²⁶⁾
Tiên phạm tuy cách, lòng không cách
Xây dựng Đạo Trời cứu nước non.

*

(...)

Ban ơn con trẻ nhiệt tình
Thế gian hành đạo, Thiên Đình Mẹ lui.

Thăng.

Đức **ĐIỀU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC TỪ TÔN**
Thiên Lý Đàn, 01-4 Ất Tỵ (01-5-1965)

⁽²²⁾ Dò chơn: Dò dẫm từng bước chân cho chắc chắn.

⁽²³⁾ Lóng hiểu: Lắng nghe để hiểu.

⁽²⁴⁾ Khảy: Khảy đàn, đánh đàn (to twang a stringed instrument).

⁽²⁵⁾ Phù trầm: (Tiếng đàn) cao thấp. Thiệt hơn: Lời khuyên nhủ cho hiểu rõ lẽ đúng, sai.

⁽²⁶⁾ Bòn: Bòn mót, nhặt nhạnh từng chút một để tích lũy cho được nhiều.

Huệ Khải chú thích



THI

Kiếp người gắm lại có bao lâu
 Vừa thấy tóc đen kể bạc đầu
 Gội mỗi lưng dùn môi má hóp
 Trăm năm thử hỏi sẽ về đâu?

BÀI

1. Đâu phải chốn trần gian vĩnh cửu
 Của con người vạn hữu nhân sinh
 Rồi ra một kiếp thường tình
 Lo ăn lo ở quần quanh chưa rồi.
2. Một kiếp tạm, than ôi quá ngắn
 Sự vui buồn ngày tháng biết bao
 Những điều đủ thiếu ra vào
 Thăng trầm bĩ thối ai nào biết đâu!
3. Một hành khách qua cầu nhìn xuống
 Dòng nước trôi cuộn cuộn dưới chân
 Bóng người đầy nước dừng dừng
 Đây người đó bóng, ai chân ai tà?

4. Nước yên lặng hiện ra bóng rõ
 Nước dợn xao xúa bỏ bóng hình
 Buồn lòng khách mới lặng thinh
 Bỏ đi thì hắt bóng hình còn đâu!
5. Sanh ở thế qua cầu thế tục
 Hiện nguyên hình mấy chục năm trôi
 Buồn vui đắc thất mấy hồi
 Bóng này in vết để đời bao lâu.
6. Hay như khách qua cầu bóng mất
 Người đi rồi vật chất cùng đi
 Muôn năm để lại những gì
 Cho đời truyền tụng hoặc gì mĩa mai.
7. Nương cội tạm hằng ngày tu tánh
 Gội rửa lòng đức hạnh trau tria
 Sớm chiều sáng tối trưa khuya
 Một lòng chẳng đổi trau tria giữ gìn.
8. Tập thánh tâm cho mình thánh thiện
 Để tập làm công chuyện Thánh Nhơn
 Trên đường đạo đức chen chơn
 Quay về chốn cũ phục huân vị ngôi.
9. Đừng buông thả theo đời giả tạm
 Bị cuốn lôi theo đám lợi danh
 Kiến bờ miệng chậu quần quanh
 Suốt đời không khỏi cái vành chậu kia.
10. Hỏi ai Thánh triết ai kìa
 Đường xưa lối cũ mau về nghe chẳng
 Con đường đạo đức lẫn phăng...

Đức VẠN HẠNH THIÊN SƯ'

Minh Lý Thánh Hội, 22-7 Tân Hợi (11-9-1971)

MƯỜI ĐIỀU TÂM NIỆM

1. Điều thứ nhất Thầy khuyên nên nhớ

Lòng trung kiên muôn thuở còn nêu
Dầu ai nặng nhẹ trăm điều
Quyết không bỏ lý cao siêu của Thầy.
Nhiều thử thách đang vây con đó
Nếu ngã lòng công khó tiêu tan
Việc chi còn ở trần gian
Là điều huyễn hoặc ⁽¹⁾ chớ mang nơi lòng.

2. Điều thứ hai Thầy trông đệ tử

Tình bạn bè phải giữ thủy chung
Luôn luôn tha thứ khoan dung
Nhũ khuyên nhỏ nhẹ chớ dùng lời thô.
Dù dẫn nhau điếm tô công quả
Phải thật tình với cả chung quanh
Thiệt thòi cam chịu đã đành
Vô vi phẩm vị ⁽²⁾ Thầy dành cho con.

3. Điều thứ ba vẹn toàn hạnh đức

Tuy bán buôn cơ cực tảo tần ⁽³⁾
Đổi công nuôi lấy tấm thân
Đừng ham mến chuyện phi nhân ⁽⁴⁾ gạt lường.

⁽¹⁾ *Huyễn hoặc* 幻惑: Giả dối, không thật, lường gạt (*deceiving, deluding*).

⁽²⁾ *Vô vi phẩm vị*: Chức tước và địa vị trên cõi trời (*heavenly rank*).

⁽³⁾ *Tảo tần* 藻蘋: Vất vả, cực nhọc (*labourously*).

⁽⁴⁾ *Phi nhân* 非仁: Không có lòng thương người (*nonbenevolent*).

Dầu bạc vàng đầy rương tràn tủ
Cuộc trần này chưa đủ con ơi
Ác gian cũng chỉ một đời
Thà nghèo trong sạch thanh thoi linh hồn.

4. Điều thứ tư pháp môn quy luật

Lục, thập trai cố sức trau dồi
Thịt thà xương máu tanh hôi
Cỏ cây, rau cải cũng rồi bữa ăn. ⁽⁵⁾
Đức từ bi thường hằng thể hiện ⁽⁵⁾
Không sát sanh lòng thiện ta còn
Lạt chay tuy chẳng ngọt ngon
Còn hơn thú vị cơm chan máu hồng.

5. Điều thứ năm quyết không hờn giận

Ghét ganh chi cho bận lòng mình
Con xem vạn quyển thiên kinh ⁽⁶⁾
Hiền nhân quân tử rộng tình vô câu. ⁽⁷⁾
Muôn việc xảy bắt đầu sân nộ ⁽⁸⁾
Là nguyên nhân thống khổ ⁽⁹⁾ ly tan
Chơn truyền chánh pháp đạo vàng ⁽¹⁰⁾
Tập xong chữ nhẫn ⁽¹¹⁾ Niết Bàn ⁽¹²⁾ không xa.

⁽⁵⁾ *Thường hằng thể hiện*: Luôn luôn bày tỏ, thực hành.

⁽⁶⁾ *Vạn quyển thiên kinh*: Thiên kinh vạn quyển 千經萬卷: Rất nhiều kinh sách (*multitude of books and sutras*).

⁽⁷⁾ *Rộng tình vô câu*: Lòng khoáng đạt, không câu nệ, không chấp nhất (*broad-minded*).

⁽⁸⁾ *Sân nộ* 嗔怒: Tức giận (*sân và nộ cùng nghĩa: to get angry*).

⁽⁹⁾ *Thống khổ* 痛苦: Đau khổ (*suffering*).

⁽¹⁰⁾ *Đạo vàng*: Mỗi đạo quý báu.

⁽¹¹⁾ *Nhẫn* 忍: Chịu đựng nghịch cảnh (*to restrain oneself*).

⁽¹²⁾ *Niết Bàn* 涅槃: Cõi Phật (*Nirvana*).

- 6. Điều thứ sáu** thiết tha Thầy dạy
 Ngày hai thời lắng lặng công phu ⁽¹³⁾
 Việc chi dầu quá cần cù
 Cũng nhơn vài khắc ⁽¹⁴⁾ tập tu nguyện cầu.
 Khi rảnh việc đồng sâu chợ búa
 Đêm sấm, kinh, tụng của Thầy ban
 Học cho thông thuộc đôi hàng
 Ngâm nga trong lúc thanh nhàn bản khoản.
- 7. Điều thứ bảy** quyết tăng công quả ⁽¹⁵⁾
 An ủi người già cả ốm đau
 Tùy duyên ⁽¹⁶⁾ có thể giúp vào
 Lâm cơn hoạn nạn khi nào cần con.
 Phước đức đó vẫn còn muôn thuở
 Tuy vô hình đừng ngỡ rằng không
 Con ơi trong chốn trần hồng ⁽¹⁷⁾
 Mấy ai nghĩ đến cõi lòng thanh cao.
- 8. Điều thứ tám** lời nào Thầy dạy
 Dầu khổ lao chớ nại ⁽¹⁸⁾ công trình ⁽¹⁹⁾

⁽¹³⁾ *Công phu* 功夫: Ngồi thiền, tu tịnh (*to practice meditation*).

⁽¹⁴⁾ *Nhơn (nhân) vài khắc*: Dành ra vài khắc. Một khắc là mười lăm phút (*to spend some quarters*).

⁽¹⁵⁾ *Công quả* 功果: Việc thiện, phụng sự người khác (*meritorious deed or service*).

⁽¹⁶⁾ *Tùy duyên* 隨緣: Tùy theo hoàn cảnh thích hợp (*to depend on appropriate circumstances*).

⁽¹⁷⁾ *Trần hồng*: Hồng trần 紅塵 (bụi hồng), ám chỉ cõi thế gian, cõi người ta (*the world, human society*).

⁽¹⁸⁾ *Nại*: Nề hà, ngán ngại (*to mind doing something*).

⁽¹⁹⁾ *Công trình* 工程: Quá trình luyện kỹ tu thân, sửa tánh tình cho nên đức hạnh (*self-cultivating process*).

Biết rằng con phải hy sinh
 Phật Tiên đâu nỡ quên tình hay sao.
 Đừng chấp việc núi cao rừng thẳm
 Hay là đường muôn dặm xa trông
 Hề con thề giữ trọn lòng
 Đương nhiên đắc đạo thoát vòng tử sanh.

- 9. Điều thứ chín** đạo lành căn bản
 Giữ làm sao có bạn không thù
 Từ đây con nhớ rằng tu
 Hạ mình nhận lỗi mặc dù là không.
 Lời nói sao hòa trong hiệp ngoại
 Đừng hơn người nên phải ép lòng
 Không ham những chuyện mênh mông ⁽²⁰⁾
 Vừa no đủ ảm đèo bông mà chi.
- 10. Điều chót hết** mười ghi trăm nhớ
 Phật Pháp Tăng con chớ quên ơn
 Gia đình nghĩa trọng nhiều hơn
 Tình thương xã hội giúp cơn thiết cần. ⁽²¹⁾
 Ôn tổ tiên dành phần con cháu
 Đó những lời dạy bảo Thầy mong
 Con ơi hãy khá ghi lòng
 Bấy nhiêu tâm huyết mấy dòng thi văn.

Trích trong *Sấm Giảng Huỳnh Đạo*, tr. 18-21, của Hội Thánh Nhị Giang, Tòa Thánh Bửu Sơn, núi Cẩm, Tri Tôn, Châu Đốc. Không ghi rõ năm xuất bản (1965?).

⁽²⁰⁾ *Chuyện mênh mông*: Những điều viển vông, không thực tế (*chimeras*).

⁽²¹⁾ *Cơn thiết cần*: Lúc cần thiết (*in case of needs*).

HUỆ KHẢI & LÊ ANH MINH chú thích

CAO TRIỀU PHÁT – CHA TÔI

CAO BẠCH LIÊN

1. NGUỒN CỘI

Đất mới

Chiếc ghe bầu vừa cập bến. Đoàn người di cư sau mấy ngày vượt biển, sóng dập gió dồi, đói khát, họ lên bờ với vẻ mệt mỏi. Kẻ quảy bao cà ròn, người quảy đôi quang gánh, bước đi còn loạng choạng vì say sóng. Có người chỉ đường họ đến dừng chân nhà một người đồng hương Triều Châu sang đây lập nghiệp từ trước, nay đã giàu có. Chủ nhà đãi họ một bữa cơm ngon đầu tiên khi đặt chân lên đất liền. Ăn xong bỗng có một người lăn ra chết. Tội nghiệp! Vì đang đói quá, gắp cơm ngon nên ăn quá no rồi chết. Những người bạn còn lại đau lòng chôn người xấu số bên vệ đường, rồi họ lại tiếp những bước lang thang đi tìm nơi tá túc và lao động kiếm sống.

Họ đến các thị trấn gần đó làm nhiều nghề: mua bán ve chai, lông vịt, quảy gánh rau cải, hành họ đi khắp hang cùng ngõ hẻm, kiếm chút lời lãi tìm bát cơm manh áo. Có người đi làm phu khuân vác cho các chủ hàng chủ vựa.

Nơi đây xóm làng thưa thớt. Xa xa là những cánh rừng bạt ngàn, đất hoang chưa ai đặt chân tới. Người dân ở đây cho biết vùng rừng rậm này trên bờ nhiều cộp, beo, rấn, rít, muối mòng; dưới sông cá dữ lội hàng đàn. Sau khi cùng mấy người bạn bàn tính, với sức cường tráng và tính cần cù, ông Cao Cần Thiết chọn việc khai hoang để trồng tía, trước là nuôi sống bản thân, sau là có miếng đất cắm dùi. Tất nhiên phải có ý chí và nghị lực vượt qua nhiều thử

thách gian nan. Nhưng ông tin là mình sẽ vượt qua được, sẽ lập nghiệp trên mảnh đất này.

Tạo lập

Có mấy đồng vốn lặn lưng, ông Thiết sắm dao rựa và ít đồ dùng tối thiểu, xong bắt tay vào rừng khai hoang. Mốc lớm tới đâu ông tranh thủ tía hạt trồng rẫy tới đó, để rồi chẳng mấy chốc có chút sản phẩm đem đổi lấy gạo, muối và ít món đồ dùng thiết yếu cho cuộc sống thật tiện.

Sáng ngày ăn ba chén cháo trắng với chút *xái pấu*,⁽¹⁾ rồi đi làm tới tối mới về chòi ăn ba bát cháo hời sáng còn thừa lại. Sau đó leo lên cây có cháng ba, lấy khăn *ịch pậu*⁽²⁾ choàng qua người rồi cột chặt vào thân cây, đề phòng khi đang ngủ khò rớt xuống đất bị thú dữ ăn thịt.

Cuộc sống lao động cực nhọc, bán lưng cho trời bán mặt cho đất, ăn uống kham khổ, dè sẻn chất chiu thật là tội nghiệp. Một đêm vào tháng 8 âm lịch, đang ngủ say sau một ngày lao động mệt nhọc, bỗng ông choàng tỉnh giấc thấy như có hàng trăm ngọn gai đâm khắp người. Ông hoảng quá. Chừng nhìn kỹ, té ra có hàng trăm con cua nhỏ từ đâu leo lên bám kín vào cây cối và bám khắp người ông. Ông cời khăn *ịch pậu* hốt cua bỏ vào khăn cột túm lại, nhưng bắt không xuể và cũng không còn cái gì để nhốt nữa.

Sáng ra, ông luộc cua ăn thấy khá ngon. Con cua màu tím, trên mai có ba vạch, nên dân địa phương đặt cho nó cái tên cũng hay hay là con *ba khía*.

⁽¹⁾ *Xái pấu*: Củ cải trắng muối thật mặn, một loại thức ăn rất quen thuộc của người Hoa nghèo.

⁽²⁾ *Ich pậu*: Loại khăn choàng tắm rất tiện lợi vì đa dụng.

Trời giúp ta có cái ăn đây, nhưng phải nghĩ cách sao để dành làm thức ăn dự trữ ăn lâu được? Nhớ lại ở quê ông, nhờ muối mà củ cải trở thành xái pấu là món ăn dự trữ của người nghèo. Ông ra chợ Pò Léo mua vài cái khạp, mấy ký muối về chuẩn bị muối ba khía.

Tối đến, ba khía bỏ lên còn nhiều hơn hôm trước. Ông rửa mấy người bạn đồng hương cứ hốt ba khía bỏ vào giỏ tre, đem xuống rạch xóc rửa, rồi đổ vào khạp nước muối đã chuẩn bị sẵn và đậy nắp lại. Vài ba ngày sau, mở nắp khạp ra đã thấy mùi thơm khá hấp dẫn. Thế là từ nay ngoài món cháo trắng xái pấu còn có ba khía muối không những là món ăn đồng hành của những người khai hoang như ông, mà còn là món ăn hấp dẫn đối với con cháu họ và cả dân địa phương sau này nữa.

Con ba khía sống ở rừng ngập mặn ven sông, ven biển. Mùa ba khía nhiều, thịt chắc, ăn ngon là mùa mưa. Con nước rong ba khía hội. Chúng bu đặc trên cây đước, cây mắm. Nhìn vào không thấy gốc cây đâu nữa. Nhất là vào con nước 30 tháng 8, và 30 tháng 9 là ngày hội giao hoan của chúng.⁽³⁾ Người xưa gọi là ngày ba khía *chối rế*. Con ba khía cái ôm đầy trứng chín chuẩn bị đẻ đẻ. Những ngày này bắt ba khía rất dễ, mà trứng ba khía ăn béo ngậy, thật là ngon.

Ông Cao Cần Thiết đến đây khai hoang lập nghiệp lúc mười tám tuổi. Sau mười sáu năm cùng mấy người đồng hương làm việc cật lực, giờ đây phần đất của ông đã bạt ngàn. Từ trồng rẫy ông chuyển sang trồng lúa. Ông có được

một cơ ngơi mà trước đây ông không dám mơ tới.

Ông lập gia đình với bà Trình Thục Giang, con gái một phú hộ ở Bạc Liêu. Của hồi môn của bà cũng khá. Có vợ có chồng, việc làm ăn của ông bà càng phát đạt, trở thành một gia đình giàu có trong vùng. Ông bà sinh được năm người con: hai trai, ba gái.

Dòng họ Cao Triều

Người con trai lớn là Cao Minh Thanh, một thanh niên tuấn tú khôi ngô, thông minh và chịu khó học hành. Ông giỏi chữ Nho mà lao động cũng không kém ai trong làng. Từ nhỏ, ông thường được cha dạy rằng dù trong nhà có của ăn của để, nhưng đừng quên gia đình có được như ngày nay là nhờ phước đức ông bà để lại, và sự lao động cần cù chất chịu của cha mẹ tạo dựng nên, nếu không lao động và cần kiệm cứ ngồi không ăn, thì núi nào cũng lở.

Nhờ sự giáo dục của cha, sự chăm chút của mẹ nên ông sớm trưởng thành, ra giúp ích cho làng xóm.

Năm hai mươi tuổi ông được dân trong ấp bầu làm ấp trưởng ấp Vĩnh Hình, rồi hương chủ làng Vĩnh Lợi, sau vinh thăng lên Huyện, Phủ và Đốc Phủ Sứ hàm.

Việc quan ông rất thanh cần, chăm lo đào kinh, đắp lộ mở mang huyện Vĩnh Châu, tạo điều kiện cho dân đi lại dễ dàng. Nhờ vậy dân các nơi kéo tới làm ăn ngày càng đông, nền kinh tế nông nghiệp và giao lưu buôn bán của huyện Vĩnh Châu ngày càng phát triển.

Do công lao đóng góp cho sự phát triển nông nghiệp và giao thông, ông được tặng thưởng nhiều khuê bài về canh nông, về công cán, kim khánh bội tinh vàng và bạc, v.v...

⁽³⁾ Theo người dân địa phương, bây giờ ba khía còn rất ít, không còn ngày hội ba khía như thuở trước nữa.

Ngoài số ruộng đất cha mẹ để lại, ông khai khẩn thêm đất rừng hoang, khuếch trương sự nghiệp. Ông còn sắm đoàn ghe chài chở lúa đi Sài Gòn, Nam Vang, Philipin ... để giao lưu buôn bán.

Ông lập gia đình với bà Tào Thị Xút người ấp An Trạch, xã Vĩnh Lợi, tổng Thạnh Hòa, tỉnh Bạc Liêu. Ông bà sinh được tám người con: sáu trai, hai gái. Tuy bận việc quan, việc khuếch trương cơ nghiệp, nhưng ông rất quan tâm dạy dỗ các con chu đáo. Các con ông đều thành đạt.



Để kỷ niệm đất tổ quê cha là huyện Triều Dương (phủ Triều Châu), ông đặt chữ lót cho các con trai là *Triều*. Gia tộc Cao Triều ở Bạc Liêu hình thành và nối tiếp đến nay đã bảy tám thế hệ, lấy quốc tịch Việt Nam. Họ đã sống, lao động, chiến đấu trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Người con thứ năm của ông Cao Minh Thanh là Cao

Triều Phát, gọi theo trong Nam là Sáu Phát. Ngoài nghề canh nông, ông Phát đã chọn con đường hoạt động chính trị phục vụ cho đất nước Việt Nam, quê hương thứ hai của dòng họ, làm rạng danh cho tổ tiên dòng họ Cao Triều.

2. TỪ BẠC LIÊU ĐẾN KHÁNH HÒA

Khai phá

Sau một thời gian dài ở Pháp, ông Sáu Phát về nước, mong sẽ đem những điều hiểu biết thực hiện ở quê nhà. Ông nghĩ có thực mới vực được đạo, trước hết phải tạo dựng cơ sở vật chất, có cơm ăn áo mặc đảng hoàng rồi mới mong giúp ích cho đời từ việc nhỏ đến việc lớn.

Lúc cụ thân sinh của ông qua đời có để lại cho anh em ông mỗi người một mảnh đất. Những năm ông bôn ba nước ngoài, các anh em của ông đã khai phá và đưa vào canh tác mảnh đất của họ. Riêng mảnh đất của ông vẫn còn hoang hóa, rừng cây rậm rạp. Gốc cây nào cây nấy hai người ôm không xuể. Cây to rễ lớn ăn sâu vào đất, nếu dùng nhân công khai phá biết bao giờ cho xong.

Những điều này khi học canh nông ở Pháp ông đã nghĩ đến và rất chú ý phân cơ giới hóa nông nghiệp, đồng thời nghiên cứu kỹ tính năng kỹ thuật các loại máy móc khai hoang như máy chặt cây, đào gốc, máy ủi, máy xúc, máy cày... và đặt mua các máy này chở về nước.

Việc đầu tiên, ông tổ chức quy tụ dân quanh vùng Vĩnh Châu, chọn những người biết chữ, nhanh nhẹn, huấn luyện cho họ sử dụng máy móc thành thạo. Đồng thời với việc khai hoang, ông cho xáng mức một con kênh từ Trà Teo chạy tới sông Mỹ Thanh. Con kênh này cũng là ranh giới

giữa đất của ông và đất của ông Chủ Ba (Cao Triều Chánh). Con kênh này cộng với hệ thống kênh nhỏ dẫn nước phèn từ nội đồng ra sông Mỹ Thanh, lại nhờ hệ thống đê ngăn mặn, nên đất được rửa mặn rửa phèn, hứng nước mưa, đất dần được ngọt hóa. Máy ủi san đất trên bờ kênh bằng phẳng thành con lộ dọc bờ kênh và một dãy đất kề con đường để cư dân đến cất nhà, thành lập xóm làng.

Chẳng mấy chốc rừng hoang đã biến thành cánh đồng cò bay thẳng cánh. Vụ mùa thử nghiệm đầu tiên, những thảm lúa xanh rì lượn sóng theo làn gió nhẹ. Cánh đồng lúa đang thì con gái, rồi tiếp theo những bông lúa trĩu hạt vàng ươm trải dài trên cánh đồng, làm nức lòng người có công khó nhọc. Lúc này những cỗ máy khai hoang đã xong nhiệm vụ, được cất vào một ngôi nhà ở cuối khuôn viên, thường gọi là nhà máy cày, để giữ lại kỷ niệm ngày đầu khai sáng của chủ nhân.

Giờ đã đến lúc ông Sáu giao lại việc quản lý điều hành sản xuất cho những người bạn tin cậy như Hương Sư Cú, ông Tư Sến, Tư Cửa. Có Biện Sến lo phần sổ sách thu chi. Ông Chệt Diếc làm quản gia, vốn là người đồng hương độc thân đáng tin cậy, lo cai quản, chăm sóc trong khuôn viên. Cất đặt xong mọi việc, ông Sáu yên tâm đi đây đi đó giao thiệp với bên ngoài.

Điền thầy Sáu

Từ thị xã Bạc Liêu, xuôi con sông Bạc Liêu đến sông Cỏ Cò rồi tới sông Mỹ Thanh, sông cứ rộng dần rồi đổ ra cửa biển Mỹ Thanh. Gần ra cửa biển phía tay phải là xã Khánh Hòa có thánh thất Thái Dương Minh sùng sững uy nghi. Cạnh đó, ngay vòm kinh có tấm bảng đề chữ “Điền Cao Triều Phát”.

Con kênh này do ông Sáu Phát cho xáng mức thành. Để nhớ công khẩn đất lúc đầu của cha, ông đặt tên là kênh Cao Minh Thạnh. Về sau, con kênh Cao Minh Thạnh chính thức có trong bản đồ của huyện Vĩnh Châu.

Từ vàm kênh đi vào bên phải là điền của ông Cao Triều Chánh, người dân ở đây quen gọi là điền ông Chủ Ba. Bên tay trái là điền thầy Sáu tức là điền của ông Cao Triều Phát.

Cấp bờ kênh là con đường rải đất nung. Vùng này mưa xuống thì đất sét nhão nhoét, sinh lầy trơn trượt. Ông Sáu cho nung đất (như nung gạch), đập nhỏ rải trên mặt đường để người dân đi lại được sạch sẽ. Cấp con đường ông cho xe ủi vun đất thành một dải đất để dân cất nhà được cao ráo.

Từ vàm vào năm trăm mét thì tới khuôn viên nhà thầy Sáu. Mặt tiền có ba cái cổng. Cổng thứ nhất có sân gạch để phơi lúa và vào lẫm thứ nhất, thường gọi là lẫm đông, tiếp đến là cổng chính. Cổng thứ ba cũng như cổng thứ nhất thì dẫn vào lẫm tây. Hai cổng vào lẫm chỉ mở khi xuất nhập lúa. Cổng chính mở vào ban ngày, đến tối ông Chệt Diếc tự tay khóa lại.

Vào cổng chính gặp một vườn hoa khá rộng hình tròn. Khách đến đây không ai là không dừng chân ngắm nghía, trầm trồ vườn hoa của gia chủ, đủ các loại hoa vàng, điệp đỏ, nhất là vạn lý hương. Tất cả hương thơm hòa quyện vào nhau tạo thành mùi hương làm lữ khách ngất ngây.

Hai con đường vòng ôm lấy vườn hoa rồi dẫn tới cầu thang lên Huyền Linh Đàn. Gian tiền sảnh là nơi Biện Sến đặt chiếc bàn làm việc và đón khách. Vào gian trong là điện thờ có tấm màn nhung đỏ thẫm rủ xuống rất tôn nghiêm.

Ngày sóc vọng, hay khi có đàn cơ, màn được vén lên. Điện thờ sơn son thiếp vàng rực rỡ. Bàn chính giữa thờ Đức Chí Tôn có đèn Thái Cực luôn tỏa sáng. Bàn bên trái thờ Đức Quan Âm Như Lai. Bàn bên phải thờ Đức Quan Thánh Đế Quân.

Gian bên cạnh là nơi làm việc của ông Sáu, có cửa sổ trông xuống vườn hoa và quan sát bao quát cổng chính, đồng thời có cửa hậu xuống sân trong ra nhà sau. Hai con đường từ cổng vòng qua vườn hoa tiếp tục rẽ hai bên nhà lầu trước dẫn ra nhà sau, đi dưới bóng mát của các cây ăn quả sạpôchê, xoài, nhãn, vú sữa. Mùa nào trái ấy trĩu quả. Có một cây trâm cỏ thụ rất cao, quả tím và ngọt quýt rữ chim chóc đến hàng đàn hót líu lo.

Nhà lầu sau là nơi gia đình ông Sáu ở. Kế đến là nhà bếp, nhà ăn, nhà xay lúa, giã gạo.

Khu chăn nuôi gà vịt, ngan ngỗng hàng trăm con. Bò câu nhiều vô kể, tiếng kêu rừ rừ. Chúng tự do ăn thóc, tự do bay lượn, tự do làm tổ và sinh sản vì không ai được bắt ăn thịt, nên chúng ngày càng đông đúc.

Phía cuối khuôn viên có một vườn gòn. Các loại chim như cò, vạc, bồ nông, còng cộc đến làm tổ, đẻ trứng. Ngày chúng đi ăn, chiều bay về hàng đàn, kêu inh ỏi rất vui tai. Chủ nhân nghĩ rằng đất lành chim đậu nên cấm không cho ai săn bắt chúng.

Ở đây gần biển, nước mặn quanh năm. Ông cho xây một tháp nước chứa cả ngàn đôi nước, và hàng trăm chiếc mái vú chứa nước mưa để dùng quanh năm. Xa xa về phía sau khuôn viên, ông cho làm một cái giếng lớn có bờ cao, không cho nước dơ chảy vào, dùng hứng nước mưa cho

trâu uống, nên gọi là giếng Trâu.

Phía sau nhà bếp là một vườn rau đủ loại, từ ớt, hành, hẹ, rau thơm, cho tới bạc hà, cà tím, cà chua, các loại cải và những vật bắp ngô xanh mướt. Kế bên vườn rau là một cái giếng để lấy nước giặt, rửa và tưới vườn rau.

Việc đối nhân xử thế ông Sáu rất chu toàn. Những người cùng ông đồng cam cộng khổ lúc ban đầu khai hoang lập ấp như ông Hương Sư Cú, Tư Cửa, ông Tư Sên, là cùng họ Cao với ông, thì coi như ruột thịt. Ông cũng quý mến bác Tăng Công là già làng của một sóc người Khơme, đã vận động những người trong sóc của ông ở Trà Teo về đây làm ăn sinh sống. Bác là người chân thực và tốt bụng. Những người này được ông Sáu rất quý trọng, coi như anh em một nhà. Ông tin cậy giao phó công việc, đồng thời hết sức giúp đỡ để cuộc sống họ được khá giả, cất nhà ngói khang trang.

Nơi đây là vùng quê hẻo lánh, rất xa chợ búa, đời sống tá điền mới đến định cư rất khó khăn. Ông Sáu tổ chức một tủ thuốc từ thiện phát không cho người đau ốm. Ông mua vải vóc, quần áo, dầu đốt, muối ăn ... phát cho họ, giúp họ có một đời sống ban đầu ổn định, để an tâm làm ăn lâu dài ở đây.

Năm 1944-1945 dịch tả hoành hành khắp nơi. Ông lập tức cho người nhà đi Bạc Liêu bỏ thuốc Bắc trị bệnh thiên thời (dịch tả) và mua rượu về ngâm mấy ché rượu thuốc phòng khi nạn dịch lan tới. Ngoài vòm kênh xáng cũng như trước cổng chính, ông Sáu cho treo tấm bảng lớn: *“Ở đây có phát thuốc thiên thời”*.

Bây giờ dịch đã lan đến những vùng lân cận, người dân hết sức hoang mang. Những chiếc thuyền làm bằng bẹ

chuối đựng đồ cúng quan ôn (người dân nói dịch tả do quan ôn làm) còn gọi là tổng tiền quan ôn được thả trôi đầy sông.

Khôn nổi, thuyền này cứ theo con nước lớn nước ròng trôi ngược trôi xuôi, có khi tấp vào một xóm nào đó, người dân cho là quan ôn đã tới bắt người nên rất sợ hãi, lại tổ chức cúng tổng tiền tiếp.

Nhà nào nhà nấy đóng cửa im im. Không khí ảm đạm bao trùm xóm làng. Người đến nhà ông Sáu xin thuốc rượu thiên thời ban đầu còn lẻ tẻ, về sau quá đông, ông Sáu phải cất đặt thêm người phát thuốc cho kịp cứu người. Con đại dịch tràn qua miền Tây Nam Bộ năm đó đã cướp đi nhiều sinh mạng người dân, để lại nỗi kinh hoàng cho những người sống sót.

*

Sau đại dịch một thời gian, người dân mới vừa hoàn hồn thì giặc Pháp trở lại xâm chiếm nước ta một lần nữa. Chúng gây hấn ở Sài Gòn rồi đánh dần xuống các tỉnh miền Tây.

Sau cuộc bầu cử Quốc Hội ngày 6 tháng 1 năm 1946, ông Sáu đi kháng chiến đánh Tây. Lúc này các giáo phái nổi dậy, nhất là đảng Thổ dậy.⁽⁴⁾ Chúng *cáp Duôn* ⁽⁵⁾ bằng *phảng* ⁽⁶⁾ kéo ngay, rất dã man. Người Việt ở cùng xóm làng chúng cũng không tha. Những người dân không có ghe xuồng để chạy phải bồng bế con trẻ chui xuống biển có ô rô, cóc kèn um tùm mong che được mắt bọn Thổ. Chẳng may bị phát hiện, bị chúng dùng *phảng* kéo ngay băm nát. Máu thịt người lẫn lộn với cây cỏ, thật ghê rợn.

⁽⁴⁾ *Đàng Thổ*: Tiếng địa phương gọi người Khơme.

⁽⁵⁾ *Cáp Duôn*: Giết người Việt.

⁽⁶⁾ *Phảng*: Dụng cụ phát cỏ của nông dân Nam Bộ.

Sau biến cố, người Việt sống sót ở vùng này bồng bế nhau đi nơi khác làm ăn sinh sống. Gia đình ông Sáu từ lúc chạy giặc Thổ cũng không trở lại nơi này nữa. Và lại, ruộng đất ông đã hiến hết cho chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa nên trên thực tế nơi đây chẳng còn là điền của ông nữa.

*

Năm mươi năm đã trôi qua.⁽⁷⁾ Sau bao thăng trầm lịch sử, những người dân trước kia ở đây vì chiến tranh nên tản mác đi các nơi, còn một số ít trở về điền cũ của ông Sáu để làm ăn. Số người này lúc rời nơi đây lớn lắm là hai mươi tuổi, nay cũng đến tuổi cổ lai hy. Còn hàng lớn tuổi cỡ cha mẹ họ hầu hết đã qua đời. Tuy lúc đó lớp người này còn khá trẻ để hiểu biết về người chủ mảnh đất này, nhưng họ lại biết rất rành nhiều chuyện về ông Sáu chủ đất. Họ chỉ nơi kia là giếng Trâu, ngày xưa ông Sáu nuôi nhiều trâu nên làm giếng này chứa nước mưa để mùa nắng lấy nước cho trâu uống. Kia là giếng phục vụ sinh hoạt, còn nơi đám đậu đó là nền nhà của ông Sáu.

Họ nói: “Chúng tôi chỉ gieo đậu, trồng rau, chứ không dám cất nhà trên nền cũ của ông chủ. Chỉ dám cất nhà ở trước sân thôi. Ở đây là được rồi, không ai dám ở trên nền nhà ông Sáu đâu.”

Hỏi tại sao, họ nói không ở được, chỉ có thể thôi.

Một người Miên khoảng bảy mươi tuổi, xưng là cháu nội ông Tăng Công nói: “Ông nội tôi lúc còn sống nhắc ông Sáu hoài. Ông nói ngày xưa ông Sáu tốt bụng lắm, dân ở

⁽⁷⁾ Hồi ký này viết từ tháng 01-2000 đến tháng 12-2002.

đây được giúp đỡ nhiều lắm. Ông Sáu là ông Phật cứu đời.”

Năm mươi năm trôi qua, vật đổi sao dời, họ là lớp con cháu tá điền của ông Sáu. Họ vẫn yêu mến kính trọng ông.

Cách đây hơn năm mươi năm, cha ông của họ sống trên mảnh đất này của ông chủ, cuộc sống no đủ, nhà cửa khang trang, gặp khó khăn có chủ trợ giúp. Còn bây giờ con cháu họ sống trên mảnh đất đã thuộc về họ, nhưng họ quá nghèo, con cái nheo nhóc, nhà của họ là những mái lá xiêu vẹo. Họ than phiền bệnh hoạn không tiền chạy chữa.

Điền thầy Sáu xưa, nay có tên là xã Hòa Đông, nhưng người dân vùng này biết địa danh Điền Thầy Sáu hơn là tên mới. Xã Hòa Đông hiện nay xếp vào loại xã nghèo, được nhà nước đầu tư hộ trợ như một xã miền núi, vùng sâu vùng xa. Nhưng đến bao giờ người dân mới có được cuộc sống sung túc như ngày xưa đây?

Ngôi nhà ở Bạc Liêu

Từ quốc lộ 1 rẽ vào thị xã Bạc Liêu, nay là đại lộ Trần Phú, đi thẳng qua trung tâm thị xã, tới chiếc cầu quay bắc qua sông Bạc Liêu, nay được thay bằng cây cầu bê tông. Đi qua cầu nhìn về bên bờ trái nhà cửa nhập nhô, nổi bật một biệt thự lâu, nay đã rêu phong theo thời gian. Rẽ trái theo đường Đồng Đa cặp bờ sông tới số nhà 98 là nhà ông Cao Triều Phát. Cạnh đó là Phủ Thờ họ Cao Triều. Nhà tiếp theo là của ông Cao Triều Trục.

Năm 1943 ông Cao Triều Phát bị Pháp quản thúc trong tỉnh Bạc Liêu. Hàng tuần phải ra nhà việc ⁽⁸⁾ Bạc Liêu để

⁽⁸⁾ Nhà việc: Trụ sở cơ quan hành chính địa phương.

trình diện. Mọi cử chỉ, hành động của ông đều bị mật thám theo dõi. Không được đi đâu, ông ở nhà nghiên cứu triết học, thần học, giáo lý tôn giáo...

Ở nhà không có điều kiện giao tiếp, ông thấy bức bối. Ông nghĩ ra việc cất nhà. Bản vẽ đã nhờ họa đồ ⁽⁹⁾ Mui vẽ từ lâu, nhưng chưa được thực hiện. Đất do ông cụ thân sinh để lại còn chờ chủ nhân sử dụng. Hơn nữa ở thị xã Bạc Liêu cho đến lúc ấy ông chưa có một ngôi nhà đàng hoàng như các anh em của ông. Việc ông xây nhà nghe ra rất hợp lý.

Ngôi nhà được khởi công xây dựng. Hàng ngày ông chỉ dẫn cho thợ đào đất đóng cừ. Ông cho mua cừ cọc năm mét đóng thật kỹ rồi mới làm móng. Ông nói muốn cho cái nhà được bền vững thì nền móng phải vững chắc, cũng như con người phải có cái nền tảng đạo đức mới là con người có ích cho xã hội.

Bọn mật thám thấy ông chăm chỉ làm việc trên công trường xây dựng, theo dõi mãi rồi cũng chán. Tin rằng ông già này mãi xây nhà, đã chán hoạt động chính trị nên chúng có phần lơ là hơn trước. Chúng đâu có biết việc cất nhà tạo điều kiện thuận lợi để ông liên lạc với bên ngoài qua một vài người trà trộn trong số thợ này.

Hai ngôi biệt thự lâu: một nhìn ra bờ sông Bạc Liêu có hàng công cổ thụ luôn vươn những cánh tay dài mang vô số lá xanh che mát hết dọc bờ sông. Mùa hoa nở rộ màu hồng xen lẫn trắng, hình dáng như những chiếc trâm cài lên mái tóc của các nàng thiếu nữ thời xa xưa, thật đẹp và quyến rũ; một nhìn ra đường Thống Nhất, nhà sau nổi với nhà trước

⁽⁹⁾ Họa đồ: Kiến trúc sư.

bằng một sân trời có mái che mưa nắng và một bể chứa được năm trăm đôi nước, dùng để chứa nước mưa.



Nhà trước vừa xong, còn nhà sau chưa hoàn thiện phần nội thất thì tình hình trong nước diễn biến phức tạp. Ông cho ngừng việc làm nhà sau, để có thời gian chuẩn bị công việc quan trọng hơn.

Dọn về nhà mới được mấy tháng thì Nhật đảo chính Pháp. Thoát khỏi kềm kẹp của Pháp, ông bắt đầu cuộc viễn du, gặp gỡ bạn bè bàn tính lo toan việc lớn. Ông tham gia cướp chính quyền. Khi Cách Mạng tháng Tám thành công, ông lao vào công việc bận bịu của một chính quyền còn non trẻ. Rồi Pháp tái chiếm Nam Bộ. Ông từ biệt ngôi nhà mà ông bỏ công xây cất, mới ở được mấy tháng, rồi ra đi kháng chiến chống Pháp. Cho đến lúc qua đời, ông không trở lại ngôi nhà này, dù chỉ một lần.

Pháp tái chiếm Bạc Liêu, ngôi nhà của ông bị Pháp sung công làm bót cò. Thời kỳ đất nước còn chia đôi, ngôi nhà của ông bị cảnh sát Bạc Liêu chiếm ở. Rồi sau tháng 4 năm 1975, tỉnh Bạc Liêu mượn luôn nhà này vẫn chưa trả lại. Phần ngôi nhà ở Khánh Hòa đã bị giặc Miên phá tan, nay chỉ còn cái nền. Dân địa phương thương ông Sáu, chỉ mượn đất trồng rau tía đậu, chứ không cất nhà ở trên đó.

Cái số của ông là đi cất nhà cho người khác ở. Ông có hai cái nhà, lúc chết rồi lại không có một chỗ thờ tự cho tử tế. Âu cũng là số kiếp của một con người.

3. TÌNH CHA CON

Trong gia đình, cha rất thương tôi, nhưng ông bận việc bên ngoài nên luôn luôn vắng nhà. Tính ông kín đáo, ít nói và luôn trầm ngâm suy tư. Những lúc được cha chăm sóc, dạy bảo thật hiếm hoi, nhưng nhìn ánh mắt của cha, tôi cảm nhận được tình cảm của cha đối với tôi. Tôi biết cha thương tôi lắm.

Cha đi đâu lâu, tôi cứ mong cha về. Mỗi lần cha đi đâu về, lòng tôi vui như hội. Tuy còn nhỏ, nhưng sau khi chào cha xong là tôi tráng bình tích, lấy nước sôi pha trà Thiết Quan Âm, đợi cho trà ngấm mới rót ra cái ly riêng của cha, bung đến mời cha uống. Đợi cha bớt mệt mới mời cha đi tắm để ăn cơm. Cha rất vui khi thấy tôi biết chăm sóc ông. Ông ôm tôi vào lòng, hôn tôi, và nói: “Con ngoan, cha thương con đây.”

Quà của cha lúc là cây bút, lúc là bức tranh. Một hôm cha tôi mang về cho tôi một tờ tranh truyện vẽ hình Hai Bà Trưng cười voi đánh giặc, có phụ đề. Cha tôi đọc qua một lần, giải thích cho tôi nghe Hai Bà Trưng là người con gái

Việt yêu nước, dũng cảm khởi nghĩa đánh nhà Hán xâm chiếm nước ta.

Hình ảnh Hai Bà Trưng cưỡi voi, cầm giáo xông lên đánh quân Mã Viện gây cho tôi ấn tượng thật mạnh mẽ. Tôi nghe cha đọc vài lần là thuộc lời phụ đề cho bức tranh. Khi có một mình, tôi khẽ ngâm nga:

*Bà Trưng quê ở Châu Phong
Giận người tham bạo, thù chồng chẳng quên
Chị em nặng một lời nguyên
Phất cờ nương tử thay quyền tướng quân.*⁽¹⁰⁾

Từ tuổi ấu thơ, tôi đã được cha truyền cho tinh thần yêu nước, lòng dũng cảm, tình thương đồng bào. Tôi cảm thấy yêu kính Hai Bà Trưng nên đem bức tranh treo lên một chỗ trong phòng ngủ, hàng ngày thắp hương ngưỡng vọng Hai Bà.

Ở bàn viết của cha tôi có hình hai cụ già, một đeo kính và một không đeo kính. Ở giữa hình hai cụ có một dòng chữ “Tâm Lòng Vì Nước” do cha nắn nét viết rất đẹp. Hai tấm hình đó cũng được khắc lên hai cánh cửa tủ sách của cha.

Thấy cha rất kính trọng hai cụ, nhằm lúc cha vui, tôi hỏi:

- Thưa cha, hai cụ ấy không phải ông nội cũng không

phải ông ngoại, vậy là ai mà cha yêu quý vậy? Cha kể con nghe đi cha!

- Người không đeo kính là cụ Phan Châu Trinh. Còn cụ đeo kính là cụ Phan Bội Châu. Cả hai cụ đều là nhà yêu nước, rất dũng cảm chống lại Tây xâm lược. Cha cũng ghét Tây nên yêu mến hai cụ. Con có ghét Tây không?

- Dạ có.

- Con có yêu mến hai cụ không?



Tủ sách của cha tôi.

⁽¹⁰⁾ Trích *Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca*. Tác phẩm chữ Nôm, viết theo thể thơ lục bát, chép lịch sử dân Việt từ Kinh Dương Vương và họ Hồng Bàng đến hết nhà Hậu Lê. Tác phẩm thực hiện theo lệnh vua Tự Đức. Thoạt đầu, Lê Ngô Cát (sử thần nhà Nguyễn) soạn 3774 câu. Sau đó Phạm Đình Toái (án sát tỉnh Bình Định) biên tập còn 2054 câu. Bản quốc ngữ in năm 1870 do Petrus Trương Vĩnh Ký thực hiện. [Văn Uyên chú]

- Dạ có. Con muốn thờ, nhưng con chưa có hình của hai cụ để thờ, như con đã thờ Hai Bà Trưng vậy.

- Những người yêu nước trong lịch sử mấy ngàn năm của nước ta nhiều lắm. Cái phòng của con nhỏ quá, không đủ chỗ thờ đâu. Con yêu mến người yêu nước thì phải dũng cảm, ghét Tây xâm lược, thương đồng bào. Con để hình ảnh của các cụ vào trong tim con ấy.

- Con sẽ ghét Tây, thương đồng bào. Còn dũng cảm thì con hơi sợ. Vì muốn để hình các vị ấy vào trong tim thì phải mổ mới để vào được, mà con thì sợ mổ, với lại tim còn nhỏ hơn căn phòng, cha ạ.

Cha tôi bật cười khi nghe những lời lý luận trẻ con của tôi. Cha nói:

- Ngay từ nhỏ phải noi gương các người yêu nước, tập dũng cảm, yêu nước, yêu đồng bào, ghét Tây cướp nước. Đó là để hình ảnh các vị ấy vào tim chứ có phải mổ đi đâu.

- Dạ, vậy thì con đồng ý.

Nhớ có lần cha cho tôi cây bút máy màu xanh lá cây đậm thật đẹp. Tôi cảm ơn cha rồi ra một chỗ ngồi mân mê cây bút, tận hưởng niềm vui mà cha vừa ban tặng. Một lúc, tôi nghĩ bên ngoài nó đẹp vậy bên trong nó ra sao nhỉ? Tôi tò mò vặn ra xem. Không biết sao lúc đấy lại tôi làm đứt cái ruột đựng mực. Thế là hết! Bút máy mà không đựng được mực thì thành bút thường rồi còn gì. Vừa tiếc cây bút, vừa sợ cha rầy, tôi lăm lết nhìn cha mà hai dòng nước mắt chảy dài trên má.

Từ nãy giờ cha tôi vẫn theo dõi cử chỉ của tôi. Thấy tôi từ trạng thái vui mừng khi nhận được bút cho tới lúc tôi khóc, ông hỏi:

- Sao được bút đẹp mà con lại khóc?

- Thưa cha, con lỡ làm đứt cái ruột bút cha mới cho con rồi. Con sợ cha giận con.

- Thôi để cha thay ruột bút khác cho. Mà sao con tẩy máy chân tay quá vậy?

- Thưa cha, con rất thích cây bút cha cho con. Con mở ra xem để biết bên trong ruột nó có gì, chứ con có biết chữ đâu mà viết!

Lúc này ông mới chợt nhớ ra: Nó đã tới tuổi tới trường. Ông đi hoài, ở nhà chưa ai lo cho nó đi học, thật tội nghiệp!

- Vậy ở nhà con chưa được đi học sao?

- Dạ, anh giáo Hái đến chơi, thấy con chưa được đi học, có viết bảng chữ cái cho con học. Còn khi nào về Khánh Hòa thì anh Biện Sến cũng có dạy con tập đọc chút ít.

Nghe con nói mà lòng ông không vui. Ông mãi lo việc bên ngoài, không còn thời gian chăm sóc gia đình. Mọi việc trong nhà giao hết cho người nhà lo liệu. Ông thấy có lỗi vì để con thất học.

Những giờ phút được ở bên cha, đối với tôi thật ấm cúng, hạnh phúc mà cũng thật hiếm hoi và ngắn ngủi. Nhưng cha đã truyền cho tôi lòng yêu nước từ từ từ tượng đến cụ thể. Nó ngấm sâu vào huyết quản của tôi từ tuổi ấu thơ cho đến lúc trưởng thành, là hành trang vào đời và đi suốt cả cuộc đời tôi. Cảm ơn cha đã để lại cho con một di sản tinh thần thật quý báu.

CAO BẠCH LIÊN

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

THÁNH TỊNH ĐẠI THANH

THANH CĂN

*Đại Thanh cảnh cổ kim roi dẫu
Thầy tạo khai khó lậu máy Trời
Vạn Tiên hạ thế năm nơi
Chờ con hữu sự độ đời ách tai.*

Minh Giáo Thánh Truyền
(Cao Thượng Bửu Tòa, 1936)

I. GIAI ĐOẠN SƠ KHAI

Thánh tịnh Đại Thanh hình thành từ những lời dạy của Thiêng Liêng trong đàn cơ tại Huỳnh Long Phủ (tư gia của tiền bối Lê Kim Ty), ở Xóm Gà, Gò Vấp, Gia Định.

Đêm 01-10 Quý Dậu (18-11-1933), đàn cơ tại Huỳnh Long Phủ, Đức Lý Giáo Tông giảng dạy: “*Lê Kim Ty truyền cho Lương Tam Sách, Lê Văn Phụng, Lê Văn Qui và Trần Công Sĩ đến hầu lĩnh.*”

Tuân theo thánh lệnh, bốn vị được gọi lần lượt tề tựu đông đủ tại Huỳnh Long Phủ. Vào giờ Tuất đêm 24-10 Quý Dậu (11-12-1933) Đức Lý Giáo Tông lâm đàn truyền dạy lập hai cặp phò loan:

“*Bần Đạo cho vời Sách, Phụng, Qui, Sĩ bốn thanh đồng đến truyền thánh ý lập hai cặp phò loan chấp cơ: Sách dương, Phụng âm một cặp; Qui dương, Sĩ âm một cặp. Bộ phận phò loan này có sứ mạng phổ thông chơn đạo sau này.*

Ty! Hiền đệ có trọng trách trong sứ mạng ấy. Hiền đệ phải chu toàn bảo trợ, dìu dắt.

Ban, Liêm luyện tập và hướng dẫn.

Pháp hiệu và việc khác Bần Đạo sẽ dạy sau.”

Sau khi nhận trách nhiệm, với sự góp công của ông Lê Văn Liêm và ông Lê Văn Bắc, tiền bối Lê Kim Ty dùng trại của mình trên phần đất thuê của một Pháp kiều, dỡ ra cất lại thành căn nhà ba gian, mái và vách đều bằng lá dừa. Bên ngoài là khu vườn rộng rãi tại ga Xóm Thơm, Gò Vấp. Nhờ vậy, bộ phận thông công có nơi cư trú và thờ cúng, ổn định việc luyện tập, yên tâm hành đạo cho đến ngày có thánh lệnh mới.

Đêm 30 rạng 01-12 Quý Dậu (15-01-1934), tiền bối Lê Kim Ty đưa bộ phận thông công đến ngôi nhà mới cất để lập đàn. Đức Lý Giáo Tông giảng cơ ban cho hai cặp phò loan pháp hiệu Tứ Linh đồng tử để chuẩn bị công cuộc truyền đạo ra miền Trung. Đức Giáo Tông đặt danh hiệu ngôi thờ mới là ĐẠI THANH THÁNH TỊNH.

Thời gian này, nhờ có đàn cơ thường xuyên nên người nhập môn càng ngày càng đông. Bần đạo phần nhiều là dân xứ Quảng (Trung Kỳ). Ông Kiều Văn Thê và bà Nguyễn Thị Đỏ được cử làm chủ tịnh.

Khoảng giữa năm 1934, do sự bàn bạc thống nhất của những vị sáng lập và bần đạo, thánh tịnh được tái thiết: xây tường, lợp ngói, chỉnh trang Đông lang, Tây lang và Thiên Phong Đường để phù hợp với tình hình cơ Đạo đang phát triển và để có chỗ đón tiếp bần đạo miền Trung và Tam Giang.⁽¹⁾

⁽¹⁾ Tam Giang: Tiền Giang, Hậu Giang, Trung Giang (vùng nằm giữa hai sông Tiền, sông Hậu).

Công cuộc truyền Đạo ra Trung Kỳ qua Tứ Linh đồng tử theo thánh ý được bắt đầu vào cuối mùa Thu năm 1934, với vai trò quan trọng của Anh Lớn Lê Kim Ty.

Sau khi bốn đạo thánh tịnh Đại Thanh tiền Tứ Linh đồng tử lên đường hóa đạo miền Trung, sinh hoạt tín ngưỡng tiếp tục diễn ra bình thường và có chiều hướng phát triển hơn.

Sau khi nhân dân Gò Vấp nổi dậy hưởng ứng cuộc Nam Kỳ Khởi Nghĩa ngày 23-11-1940, thực dân Pháp ra lệnh đóng cửa thánh tịnh Đại Thanh, phá hủy nơi thờ cúng, bắt bớ tra khảo những vị tâm đạo. Ông chủ tịnh Kiều Văn Thế bị mất tích trong pháp nạn này, cơ đạo nơi đây bị đình trệ một thời gian.

Đau lòng trước cảnh trạng ngôi thờ bị đổ nát, vợ chồng ông bà Nguyễn Khoa và Phan Thị Xuyên cùng với một số bốn đạo nhất nhậm lại những linh vị, vật dụng thờ tự nào còn nguyên vẹn mang về nhà ông bà Khoa làm chỗ thờ phượng tạm thời để bốn đạo có nơi lễ bái. Ngôi nhà này nằm dọc đường rầy xe lửa (nay thuộc phường 1, quận Gò Vấp).

Qua năm 1944, để có nơi thờ cúng, bốn đạo góp tiền thuê ba căn phố ở ngã ba Cầu Cống (nay là hẻm 30 đường Thích Quảng Đức, Phú Nhuận).

Năm 1954, thánh tịnh Đại Thanh dời về ngã ba chùa Quán Túc, cạnh Đông Thành Tự, Cây Quéo, Gò Vấp (nay là đường Nguyễn Thượng Hiền, quận Bình Thạnh).

II. GIAI ĐOẠN THÀNH LẬP

Năm 1957, bốn đạo họp nhau bàn bạc, quyết định hùn tiền mua đất cất lại thánh tịnh để không còn cảnh nay ở chỗ này mai dời nơi khác nữa.

Theo sự đề cử của ông Hai Chắt, tập thể nhất trí ủy quyền cho ông Đặng Văn Hường thay mặt bốn đạo đứng tên mua của ông Nguyễn Văn Pháo lô đất số 320, bằng khoán số 887, diện tích 2 sào 20 m², địa bộ xã Hạnh Thông.

Sau đó, thánh tịnh được dựng lên nhờ sự đóng góp của bốn đạo sở tại và những nhà hảo tâm, với vật liệu thô sơ, cột cây, mái tôle, vách ván. Trông như một ngôi nhà bình thường, không có Bát Quái Đài và Hiệp Thiên Đài.

Thánh tịnh mang số nhà 117/862A do bà Nguyễn Thị Đỏ và Triệu Thị Bút đứng tên hộ khẩu (hai bà nay đã quy liễu).

Phía ngoài còn có ngôi thờ phụ, số nhà 117/862, thuộc tổ dân phố 37, phường 3, quận Gò Vấp. Hộ khẩu do ông Đặng Văn Hường và bà Nguyễn Thị Bài đứng tên. Ông Hường mất năm 1985, bà Bài mất năm 1986. Ngôi thờ phụ này do Kiến Trúc Sư Võ Văn Tần thiết kế, xây tường, làm gác dúc.

Tuy thánh tịnh cất bằng vật liệu thô sơ, nhưng bốn đạo mừng vô hạn vì ổn định được nơi thờ Đức Chí Tôn và các Đấng, không phải rày đây mai đó nữa. Được cử nhiệm vụ cai quản, trông coi việc trong ngoài của thánh tịnh và hướng dẫn bốn đạo tu hành là: Thái Phối Sư Phạm Văn Vân, thánh danh Thiên An (1907-1976); Lễ Sanh Bùi Thị San, thánh danh Huỳnh Hoa Lập, người Quảng Nam, cùng gia đình vào Sài Gòn lập nghiệp và nhập môn Cao Đài năm 1934.

Theo *Minh Giáo Thánh Truyền* (thánh tịnh Hắc Long Môn, Cà Mau, 1936), Đại Thanh là thánh tịnh thứ mười trong số 72 tịnh trường của Tiên Thiên.

Từ khi nhóm Tứ Linh đồng tử về Trung truyền đạo, thánh tịnh Đại Thanh không còn lập đàn cơ thông công với

Ở Trên. Năm 1957, tại thánh tịnh Thiên Thai (Cai Lậy), Ở Trên dạy Tiếp Đạo Thiên Ánh (Trần Văn Tôn), tiền bối Huệ Tâm, Huệ Mỹ (đồng tử, gốc miền Trung) thu nhận Phạm Khanh Hòa bảy giờ mới 11 tuổi (sinh năm 1946) vào bộ phận thông công và tập luyện đồng tử. Đồng tử Hòa được ban thánh danh Quang Ánh. Từ đó, thánh tịnh Đại Thanh lại có bộ phận thông công, bổn đạo thêm đông...

Ngày 16-6 Canh Tý (1960), thánh lệnh dạy mở Đại Hội Thiên Khai Huỳnh Đạo và lễ thượng phước Huỳnh của Tiên Thiên Đại Đạo có đề tám chữ Nho: *Thiên Khai Huỳnh Đạo Cao Đài Cứu Thế* 天開黃道高臺救世 tại thánh tịnh Đại Thanh. Giai đoạn này thánh ý muốn toàn đạo Tiên Giang (miền Đông) đồng tâm hiệp lực nêu cao khẩu hiệu “*Thiên khai Huỳnh Đạo*” tức Trời mở Đạo Vàng trong Tam Kỳ Phổ Độ. *Đạo Vàng* các Đấng thường nhắc trong thánh ngôn, thánh giáo chính là Đạo Cao Đài.

Đề Đạo Vàng tiếp cận với nhơn sanh trong thời buổi cang thường điên đảo, phong hóa suy vi, Ở Trên dạy dùng tinh túy đạo Nho để thay đổi cuộc đời trở nên thuần lương thánh đức, tức là *Nho Tông chuyển thế*.

Những năm kế tiếp, tuy chưa nối hệ thống hành chánh đạo với Hội Thánh Tiên Thiên nhưng thánh tịnh Đại Thanh vẫn tiến thủ trên đường tu thân, phổ độ, liên giao hành đạo với Hội Thánh Tiền Giang (Minh Kiến Đài, Gò Vấp), Hội Thánh Lâm Huyền Châu, Cao Thượng Bửu Tòa ở Hậu Giang và các thánh thất, thánh tịnh trong phạm vi Sài Gòn, Gia Định, cũng như các tỉnh lân cận.

Trước đây, một số vị có công với thánh tịnh Đại Thanh được phong phẩm chức sắc do đàn cơ từ thánh tịnh Minh Kiến Đài, nơi Hội Thánh Tiền Giang đặt trụ sở. Khi thánh

tịnh Đại Thanh hoàn nguyên, các phẩm trật ấy vẫn được Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên công nhận.

III. GIAI ĐOẠN BIẾN CHUYỂN

Sau tháng 4-1975, một số đồng bổn đạo hồi hương nên sinh hoạt tín ngưỡng của thánh tịnh Đại Thanh bị thu hẹp lại. Những kỳ cúng đàn sóc vọng chỉ được khoảng mười người đạo hữu.

Năm 1979: Sau khi Phối Sư Thiên An (Phạm Văn Vân) liễu đạo, thánh tịnh Đại Thanh thành lập Ban Hành Sự để tiếp tục việc hành đạo. Thành phần Ban Hành Sự gồm có: ông Nguyễn Hữu Ba (?-1979); bà Huỳnh Thị Cúc; bà Nguyễn Thị Sửu; ông Nguyễn Minh Hóa; ông Nguyễn Văn Tân (1935-1998).

IV. GIAI ĐOẠN HOÀN NGUYÊN

Năm 1995: Hưởng ứng lời kêu gọi hoàn nguyên của Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên, thánh tịnh Đại Thanh thành lập phái đoàn về Tòa Thánh Châu Minh (xã Tiên Thủy, Bến Tre) tham dự Đại Hội Vạn Linh lần II ngày 09-01 Ất Hợi (1995). Từ đây, thánh tịnh Đại Thanh thật sự có giáo quyền trung ương, hành đạo theo khuôn khổ Hiến Chương của Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên và Pháp Chánh Truyền, Tân Luật Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Thành phần Ban Cai Quản, Ban Trị Sự qua ba nhiệm kỳ được công cử như sau:

NHIỆM KỲ I (1995-2000)

Hội Trưởng: Ngọc Giáo Hữu Nguyễn Hữu Ba; *Phó Hội Trưởng:* Thượng Lễ Sanh Nguyễn Văn Tân; Lễ Sanh Hương Thiềm (Nguyễn Thị Ngọc Thiềm); *Chánh Trị Sự:*

Lương Văn Hoàng; *Phó Trị Sự*: Nguyễn Thị Hường; *Thông Sự*: Nguyễn Kim Bảng; *Thư Ký*: Nguyễn Thị Tuyết Nhung.

Cuối nhiệm kỳ I, ông Nguyễn Hữu Ba và ông Nguyễn Văn Tân lần lượt liểu đạo.

NHIỆM KỲ II (2000-2005)

Cố Vấn: Phối Sư Hương Nuôi (Võ Thị Nuôi), Truyền Trạng Ngọc Kim Linh (Phạm Thị Nga); *Hội Trưởng*: Thượng Lễ Sanh Võ Văn Tính; *Phó Hội Trưởng*: Nguyễn Thanh Bình, Trần Thị Hạnh; *Từ Hàn*: Lương Văn Hoàng; *Thủ Bồn*: Lê Thị Xuân; *Chánh Trị Sự*: Phan Phi Hùng; *Phó Trị Sự*: Trương Thị Ngọc Hoa, Nguyễn Thị Sáu; *Thông Sự*: Nguyễn Kim Bảng; *Trưởng Phòng Trù*: Nguyễn Thị Phối; *Phó Phòng Trù*: Ngô Thị Kim Sa; *Trưởng Phòng Công*: Nguyễn Minh Đức.

Đầu nhiệm kỳ II (năm 2000), ông Võ Văn Tính và chị ruột là Phối Sư Hương Nuôi cùng với gia đình, con cháu đóng góp và kêu gọi bốn đạo Đại Thanh cùng Mạnh Thường Quân gần xa ủng hộ, chung tay xây dựng ngôi Tam Đài mới phía trước chánh điện cũ. Chánh điện cũ (không đủ Tam Đài) được dùng làm Thiên Phong Đường như hiện nay.

Ngày lạc thành ngôi Tam Đài được chọn làm ngày lễ kỷ niệm hằng năm: *Mùng 2 tháng 12 âm lịch*.

NHIỆM KỲ III (2005-2010)

Cố Vấn: Truyền Trạng Ngọc Kim Linh (Phạm Thị Nga); *Hội Trưởng*: Thượng Giáo Hữu Đặng Quốc Bảo; *Phó Hội Trưởng*: Lễ Sanh Hương Hạnh (Trần Thị Hạnh), và Lễ Sanh Hương Xuân (Lê Thị Xuân); *Trưởng Phòng Trù*: Nguyễn Thị Phối; *Phó Phòng Trù*: Lễ Sanh Hương Sa

(Ngô Thị Kim Sa); *Trưởng Phòng Công*: Nguyễn Minh Đức; *Chánh Trị Sự*: Phan Phi Hùng; *Phó Trị Sự*: Lễ Sanh Hương Sáu (Nguyễn Thị Sáu), Trương Thị Ngọc Hoa, và Võ Văn Lễ; *Thông Sự*: Nguyễn Kim Bảng.

Trong nhiệm kỳ này, Giáo Hữu Thượng Bảo Thanh kêu gọi đồng đạo gần xa cùng gia đình bốn đạo Đại Thanh, các vị Mạnh Thường Quân ủng hộ kinh phí chỉnh trang, tu bổ lại Thiên Phong Đường, vì đây nguyên là chánh điện cũ với khung sườn gỗ, đã hơn năm mươi tuổi, nên đang xuống cấp trầm trọng; đồng thời, thuê thợ chạm đắp rồng các hàng cột, ô giữa tiền diện Hiệp Thiên Đài, trang trí các bàn thờ trong chánh điện.

Phối Sư Hương Nuôi quy liểu (2009), toàn bộ số tiền phúng điệu được gia đình hiến cúng thánh tịnh. Hiếu tử của Phối Sư Hương Nuôi là Lê Ngọc Hào còn đóng góp thêm để hồi hướng chơn linh mẹ. Số tiền này dùng vào việc lát gạch toàn bộ sân Đại Đồng đến tận phòng trù, tân trang thiết bị âm thanh, gắn trần nhà cách nhiệt nơi chánh điện, chỉnh trang Siêu Sanh Đường, trồng thêm cây cảnh, lắp đèn tại sân Đại Đồng.

Về công tác từ thiện, họ đạo Đại Thanh thực hiện được những chuyến giúp đỡ đồng bào nghèo các nơi như:

Năm 2006-2007:

- Hai chuyến về thánh tịnh Cửu Khúc Tòa (Tam Bình, Vĩnh Long). Mỗi lần tặng các em học sinh nghèo 100 phần quà, tổng trị giá 7 triệu đồng. Mỗi phần gồm có tập vở, quần áo.

- Một chuyến về Cà Mau tặng đồng bào nghèo 100 phần quà, tổng trị giá 5 triệu đồng. Mỗi phần gồm có gạo, mì

gói, nước tương, muối.

- Một chuyến về thánh tịnh Thiên Thai (Cai Lậy, Tiền Giang) tặng bốn đạo nghèo 50 bộ áo dài mới.

Tại họ đạo Đại Thanh, mỗi năm đến mùa Vu Lan đều tổ chức tặng đồng bào nghèo chung quanh thánh tịnh 50 phần quà gồm gạo, mì gói, nước tương, chao. Riêng mùa Vu Lan 2009, tặng 100 phần quà.

Ngoài ra, những năm bị bão lụt, bốn đạo Đại Thanh đều hưởng ứng lời kêu gọi của Mặt Trận Tổ Quốc quận Gò Vấp, đóng góp tiền bạc và hiện vật để cứu trợ đồng bào nơi vùng bị thiên tai.

NHIỆM KỲ IV (2010-2015)

Cố Vấn: Giám Đạo Ngọc Kim Linh; *Hội Trưởng:* Lễ Sanh Hương Hạnh (Trần Thị Hạnh); *Phó Hội Trưởng:* Võ Văn Lễ; *Trưởng Phòng Lễ:* Phan Phi Hùng; *Phó Phòng Lễ:* Lễ Sanh Hương Hường (Nguyễn Thị Hường); *Trưởng Phòng Thơ:* Nguyễn Thị Tuyết Nhung; *Trưởng Phòng Lương:* Lê Thị Ngọc Thảo; *Trưởng Phòng Trù:* Lễ Sanh Hương Xuân (Lê Thị Xuân); *Phó Phòng Trù:* Lễ Sanh Hương Sa (Ngô Thị Kim Sa); *Trưởng Phòng Công:* Nguyễn Minh Đức; *Trưởng Ban Liên Giao:* Nguyễn Thị Tuyết Sương.

*

Lược sử thánh tịnh Đại Thanh chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Rất mong được sự góp ý của bậc lão thành và quý vị có được tài liệu về thánh tịnh này.

Truyền Trạng **THANH CĂN**
Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên



Đợi rảnh rồi ta lại về hỏi cỏ
Sắc thu vàng đầu ngõ đã ươm chưa
Tung theo gió hạt vàng hoang dại
Thảo nguyên xa biết thiếu hay thừa?

Đợi rảnh rồi ta lại về hỏi đá
Vết tròn lăn trôi dạt ở phương nào
Dòng nham thạch tự hồng hoang chảy mãi
Nét hình hài nguội lạnh tạc vào đâu?

Đợi rảnh rồi ta lại về hỏi nước
Khúc lở bồi oằn nặng mấy nông sâu
Vòng luân chuyển tự bể nguồn chan chứa
Nỗi niềm chi con sóng cứ bạc đầu?

Chưa rảnh rồi ta vẫn về tự hỏi
Ta là ai trong vạn kiếp phù sinh?
Đường thiên lý loanh quanh chùng chân bước
Phút tâm an ta chợt gặp chính mình ...

NGUYỄN QUỐC HUÂN

CÁC THÁNH SỞ CAO ĐÀI CÓ NGUỒN GỐC TỪ BỐN CHI ĐẠI ĐẠO VÀ PHẬT GIÁO

ĐẠT TRUYỀN

Ngũ Chi Đại Đạo là Minh Sư, Minh Đường, Minh Lý, Minh Thiện và Minh Tân.

Minh Sư có nguồn gốc từ Trung Hoa, truyền qua Việt Nam vào năm 1863.

Minh Đường có nguồn gốc từ Minh Sư.

Ba chi Minh Lý,⁽¹⁾ Minh Thiện và Minh Tân được Ôn

⁽¹⁾ Chi Minh Lý (Tam Tông Miếu, Minh Lý Thánh Hội) hiện nay ở số 82 đường Cao Thắng, quận 3, TpHCM. Chi Minh Lý rất gần gũi với đạo Cao Đài. Ngay từ lúc mới khai đạo Cao Đài, vào ngày 28-6 Bính Dần (06-8-1926) thánh giáo Minh Lý dạy quý vị môn sanh của chi này phải soạn đủ 12 quyển kinh Sám Hối chuẩn bị truyền cho người thỉnh kinh. Cùng trong tháng 8-1926, các tiền bối Lê Văn Trung, Lê Văn Lịch, Vương Quan Kỳ được thánh lệnh đi thỉnh kinh tại Minh Lý. Lúc ấy Minh Lý tạm đặt nơi nhà riêng tiền bối Âu Minh Chánh.

Mỗi năm hai lần vào Hạ Chí và Đông Chí, Minh Lý Thánh Hội có mời tịnh viên của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài và Hội Thánh Tiên Thiên ... ra Bác Nhã Tịnh Đường ở Long Hải (Bà Rịa - Vũng Tàu) để cùng tịnh chung. Minh Lý Thánh Hội, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý từng tổ chức cùng học Kinh Dịch.

Trên chuẩn bị có mặt ở miền Nam Việt Nam vài năm trước khi đạo Cao Đài ra đời để làm điều kiện yểm trợ cho công cuộc khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Không kể Minh Lý, một số thánh sở của bốn chi đạo Minh Sư, Minh Đường, Minh Thiện và Minh Tân đã quy hiệp Cao Đài và ngày nay vẫn còn.

Ngoài bốn chi nói trên, vào những ngày đầu khai Đạo, các đàn phổ độ của đạo Cao Đài thường lập tại tư gia hoặc mượn một số chùa Phật như:

- Hội Phước Tự, Trường Sanh Tự của Yết Ma Luật (ở Cần Giuộc, Long An).

- Long Thành Tự, Phước Linh Tự của Yết Ma Nguyễn Văn Xoài (ở Cần Đức, Long An).

- Vạn Phước Tự của Yết Ma Lê Văn Nhung (ở Hố Môn, Gia Định).

- Phước Long Tự của Yết Ma Giồng (ở Chợ Đệm, Bình Chánh).

- Thiền Lâm Tự (chùa Gò Kén) của Hòa Thượng Như Nhãn (ở Long Thành, Tây Ninh).

1. NGUỒN GỐC TỪ CHI MINH ĐƯỜNG: VĨNH NGUYÊN TỰ

Vĩnh Nguyên Tự là di tích lịch sử thứ hai của đạo Cao Đài sau Cao Đài Hội Thánh (trên nền cũ của Quan Âm Tự) ở Dương Đông (Phú Quốc). Vĩnh Nguyên Tự được cất năm 1908, tại xã Long An, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn (nay thuộc huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An), do Ngài Lê Văn Tiêng, đạo hiệu là Lê Đạo Long, khai sáng chi Minh Đường năm 1876. Ngài tu theo Minh Sư đến phẩm Thái Lão Sư, chứng quả Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn. Lúc

còn tại thế, Ngài Lê Đạo Long (là thân phụ của tiền bối Lê Văn Lịch) có tiên tri rằng Vĩnh Nguyên Tự sẽ là nơi Thập Nhị Khai Thiên của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đến để hoằng khai chánh pháp.

Tiếp nối đạo nghiệp của thân phụ, tiền bối Lê Văn Lịch (1890-1947) trụ trì Vĩnh Nguyên Tự. Ngày 04-3-1926, quý vị tiền khai Đại Đạo tuân thánh lệnh đến lập đàn cơ tại Vĩnh Nguyên Tự. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn giáng đàn nhắc lại lời tiên tri khi xưa và khuyên môn sanh Vĩnh Nguyên Tự quy hiệp Cao Đài.

Tuân lời dạy, trưởng đồ của Ngài Lê Đạo Long là Thái Lão Sư Trần Đạo Minh (1857-1927) nhập môn Cao Đài, thọ Thiên phong Ngọc Chương Pháp và tiền bối Lê Văn Lịch thọ Thiên phong Ngọc Đầu Sư (thánh danh Ngọc Lịch Nguyệt).

Ôn Trên dạy tiền bối Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt soạn kinh nhật tụng cho đạo Cao Đài như bài xưng tán Đức Ngọc Hoàng Thiên Tôn (*Đại La Thiên Đế Thái Cực Thánh Hoàng...*), ba bài kinh xưng tán Tam Giáo Đạo Tổ.

Ngọc Đầu Sư còn được thánh lệnh hướng dẫn tu thiền cho các tiền bối Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Nguyễn Ngọc Thơ..., góp phần cùng các vị Tiền Khai soạn Tân Luật.

Tại Vĩnh Nguyên Tự, Ôn Trên phong phẩm vị cho một số vị Tiền Khai và ban tịch đạo nam phái.

Vĩnh Nguyên Tự được thánh lệnh tái thiết với nhiều công quả phụ giúp của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, và đã làm lễ khánh thành năm 1973.

Hiện nay Vĩnh Nguyên Tự là một trong mười tịnh

trường tu theo pháp môn thiền do Đức Đông Phương Chương Quán truyền dạy Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý. Hàng năm thường xuyên mở bốn khóa tu Xuân Phân, Hạ Chí, Thu Phân và Đông Chí.

2. NGUỒN GỐC TỪ CHI MINH SƯ

① Thánh thất Ngọc Phước Đàn

Ngôi Phật Đường tại ấp Phước Thạnh, xã Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Rạch Giá xưa (nay là tỉnh Bạc Liêu), có trên 15.000 tín đồ được tiền bối Thái Lão Sư Trần Đạo Quang (1870-1946) tạo dựng khoảng năm 1915. Theo sự hướng dẫn của tiền bối Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang, chùa này quy hiệp Cao Đài (1928), trở thành thánh thất Ngọc Phước Đàn thuộc Hội Thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo. Nhiều vị tu sĩ Minh Sư tại đây đã thọ Thiên phong như: Ngọc Lễ Sanh Nguyễn Văn Cứng (1882-1962) là vị Chánh Trị Sự đầu tiên; Thượng Giáo Hữu Trần Văn Thành...

② Thánh Tịnh Thanh Quang

Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài có nhiều thánh sở từ chi Minh Sư quy hiệp Cao Đài. Tuân lời dạy của Đức Thái Lão Sư Trần Đạo Quang (1870-1946), tiền bối Nguyễn Quang Châu, một tu sĩ đồng chơn nổi tiếng của Minh Sư, vào ngày 15-11 Giáp Tuất (1934) đã hiến ngôi Đồng Chơn Tự của Minh Sư (nguyên là từ đường của gia đình) làm thánh tịnh Thanh Quang. Đây là thánh sở Cao Đài đầu tiên của bốn đạo Cao Đài miền Trung tại làng La Kham, nay thuộc xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, khánh thành ngày 01-6 Ất Hợi (1935).

③ Thánh Thất Trung An

Thánh thất Trung An ở tổ 1, thôn 1, xã Bình Lãnh, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, nguyên là Tam Giáo Tự của chi Minh Sư tại làng An Tráng, phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, xây cất từ năm 1924.

Ngày 24-6-1038, chùa này quy hiệp Cao Đài và được cải danh thành thánh thất Trung An (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài).

Năm 1961, thánh thất Trung An được xây đủ Tam Đài.

Năm 1965, vì chiến tranh, bốn đạo dời về Vườn Lài và mấy lần xây cất lại nhưng chưa hoàn tất.

④ Thánh Thất Trung Nguyên

Thánh thất Trung Nguyên (Hội Thánh Truyền Giáo) ở thôn Thăng Trường, xã Bình Phú, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, nguyên là Đức An Tự của ông Châu Cự, tu sĩ Minh Sư, được xây năm 1936.

Năm 1938, bốn đạo Minh Sư chùa Đức An cử hành lễ quy hiệp Cao Đài. Trong đàn cơ sau đó, Thiêng Liêng ban cho tên gọi là thánh thất Trung Nguyên.

⑤ Thánh thất Hưng Đông

Thánh thất Hưng Đông (Hội Thánh Truyền Giáo) ở thôn Đông Tác, xã Bình Nam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, nguyên là chùa Minh Sư Giác Tế Đường.

Năm 1938, Hưng Đông chỉ là thiên bàn tách ra từ thánh thất Trung Nguyên đã dời đổi đôi lần.

Ngày 10-6-1945 (01-05 Ất Dậu), Ôn Trên cho tên gọi là thánh thất Hưng Đông.

Năm 1960, vì chiến tranh khốc liệt, bốn đạo phải tản cư, đến năm 1972 mới trở về.

Năm 1992, xây dựng đủ Tam Đài, khánh thành năm 1995.

⑥ Thánh thất Trung Hòa

Thánh thất Trung Hòa (Hội Thánh Truyền Giáo) ở thôn 3, xã Tiên Lãnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, nguyên là chùa Bảo Tế (tức Hòa An Tự) ở miền nguồn Quảng Nam, được Ôn Trên ban cho tên gọi là thánh thất Trung Hòa (1938).

Năm 1960, thánh thất được xây dựng đủ Tam Đài nhưng bị sụp đổ toàn bộ trong chiến tranh.

Sau năm 1975, mượn nhà của đầu họ đạo rồi lại mượn nhà của trưởng ban cai quản làm văn phòng thánh thất.

3. NGUỒN GỐC TỪ CHI MINH THIỆN: THANH AN TỰ

Vào những năm đầu thế kỷ 20, được tổ phụ truyền lại, tiền bối Trần Hiên Vinh (1884-1962) làm chủ Thanh An Tự (nay ở số 20 đường Hùng Vương, phường Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương). Dân địa phương thường gọi đây là chùa Ông Ngựa.

Năm 1917, tiền bối Trần Hiên Vinh cùng anh ruột là Trần Phát Đạt và một số thân hữu như Phan Văn Tý, Lê Văn Hơ, Trần Duy Khánh... lập đàn cầu cơ thỉnh Tiên xin thuốc trị bệnh cho bá tánh. Nơi đây được Ôn Trên ban tên là đàn Minh Thiện, có ông Nguyễn Văn Trượng làm đồng tử.

Năm 1902 và 1919, tiền bối Ngô Văn Chiêu hầu đàn cơ nơi đây, cầu thọ và xin thuốc cho thân mẫu.

Trước đêm trung thu Ất Sửu (1925), tiền bối Cao Quỳnh

Cư đến mượn đại ngọc cơ của ông Phan Văn Tý (1888-1962) để hầu Đức Diêu Trì Kim Mẫu trong lễ Hội Yến Bàn Đào đêm trung thu năm ấy.

Sau khi tiền bối Trần Hiền Vinh qua đời (1962), khoảng hai năm sau chùa đổi tên là Minh Chơn. Kế đến, tiền bối Trương Kế An cùng một số đạo hữu hành đạo tại đây, thượng thánh tượng Thiên Nhân và cúng theo nghi lễ Cao Đài. Các tượng thờ Quan Thánh vẫn giữ nguyên.

Đến năm 1972, tiền bối Trương Kế An bị bệnh, không thường hành đạo tại đây nữa. Chùa trở lại thờ Đức Quan Thánh, nay không còn là thánh sở Cao Đài.

4. NGUỒN GỐC TỪ CHI MINH TÂN: TAM GIÁO ĐIỆN MINH TÂN

Khoảng năm 1917, tiền bối Lê Minh Khá (1868-1946) bệnh nặng, lên Thủ Dầu Một hầu đàn Minh Thiện, được Ôn Trên ban cho bài thuốc chữa lành bệnh.

Năm 1920, căn bệnh tái phát, tiền bối trở lại đàn Minh Thiện xin thuốc, được Đức Quan Thánh Đế Quân giải bệnh và khuyên lo tu hành. Tiền bối về lập một bàn thờ Tam Giáo và chư Tiên Phật tại nhà riêng.

Năm 1921, Ôn Trên dạy lập Cao Thâm Đàn ở vườn cao su tại xã Gia Lộc, quận Trảng Bàng.

Năm 1922, Ôn Trên dạy tiền bối Lê Minh Khá lập Cao Minh Đàn tại nhà (số 236 bến Vân Đồn). Trên bàn thờ có vòng Thái Cực với ngọn Linh Đăng, dưới thờ chư Tiên Phật.

Sau đó, Ôn Trên dạy mua lô đất số 221 Bến Vân Đồn để chuyển Cao Thâm Đàn về, lập thành Cao Tân Đàn.

Năm 1925, Ôn Trên ban lệnh sáp nhập Cao Minh Đàn và

Cao Tân Đàn lại thành Minh Tân Đàn. Như thế, chi Minh Tân hình thành.

Ngày 01-11-1926 (26-9 Bính Dần), Đức Thái Thượng Đạo Quân giáng cơ tại Minh Tân Đàn, ban lệnh cho bốn đạo chi Minh Tân quy hiệp Cao Đài.

Ngày 10-11-1926 (06-10 Bính Dần), bốn đạo thượng số xin quy hiệp Cao Đài. Từ đây Minh Tân trở thành thánh thất Cao Đài.

Năm 1928, tiền bối Lê Minh Khá cho xây dựng Tam Giáo Điện Minh Tân, khánh thành năm 1930. Cao Tân Đàn giải thể, các linh vị được chuyển qua Minh Tân.

Tháng 8-1951, Ban Chương Quản Cơ Quan Cao Đài Qui Nhứt được Ôn Trên dạy dời văn phòng từ Liên Hoa Đàn (của tiền bối Cao Sĩ Tấn, ở số 18 đường Testard, nay là Võ Văn Tần) về Tam Giáo Điện Minh Tân.

Cuối năm 1952, Cơ Quan Cao Đài Qui Nhứt được cải danh thành Cơ Quan Cao Đài Thống Nhứt.

Tháng 10-1953, Ban Chương Quản Cơ Quan Cao Đài Thống Nhứt được công cử gồm đại diện mười một chi phái và nhiều nhân sĩ đạo tâm uy tín.

Năm 1956, Ôn Trên dạy cải danh xưng Cơ Quan Cao Đài Thống Nhứt là Ban Vận Động Cao Đài Thống Nhứt.

Năm 1962, Ôn Trên dạy thành lập Ban Phổ Thông Giáo Lý nhằm chuyển hướng hoạt động Ban Vận Động Cao Đài Thống Nhứt.

Năm 1963, thành phần thuận tùng thánh ý quyết định tách ra, về chờ lệnh tại Thiên Lý Đàn ở số 278 Lê Văn Duyệt (nay là đường Cách Mạng Tháng Tám, Hòa Hưng).

Từ năm 1964 đến tháng 4-1975, Minh Tân là trụ sở của Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất. Sau đó, Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất giải thể. Ngày nay Tam Giáo Điện Minh Tân vẫn còn sinh hoạt tôn giáo trong các ngày lễ và sóc vọng và liên giao hành đạo với các thánh sở bạn. Nghi thức thờ cúng vẫn giữ theo đạo Cao Đài.

5. NGUỒN GỐC TỪ PHẬT GIÁO CỔ SƠN MÔN: THÁNH THẮT TỪ VÂN

Thánh thất Từ Vân nguyên là Từ Vân Tự, là một cổ tự của Phật Giáo Cổ Sơn Môn do Hòa Thượng Từ Vân, thế danh Trần Văn Dững (1854-1904), xây dựng năm 1904 tại Phú Định, Chợ Lớn, được Yết Ma Trần Văn Mau kế thừa.

Năm 1924, Từ Vân Tự (một ngôi nhà ngói ba gian hai chái, kiến trúc theo lối cổ) được dời về Phú Nhuận (nay ở số 100 Thích Quảng Đức).

Năm 1935, Yết Ma Trần Văn Mau giao cho cháu là Trần Văn Sanh (1886-1968) và Trần Văn Tình giữ chùa với lời dạy: “... hoặc nhập chung theo Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà thờ cúng thì tôi bằng lòng không có điều chi ngăn trở.”

Ngày 26-7-1938, các vị Trần Văn Sanh, Trần Thị Nguyên và Trần Văn Tình lập văn bản hiến Từ Vân Tự cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Tiền bối Phối Sư Lê Văn Hóa thay mặt Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh đứng ra tiếp nhận với sự chứng kiến của tiền bối Thượng Sanh Cao Hoài Sang. Từ đó chùa đổi tên là thánh thất Từ Vân.

Thánh thất Từ Vân từng là nơi hành đạo của tiền bối Thượng Sanh Cao Hoài Sang cùng các vị Thời Quân Hiệp Thiên Đài Tòa Thánh Tây Ninh. Đây cũng là nơi đã tiếp nhận nhiều đàn cơ quan trọng liên hệ đến việc xây dựng Trung Hưng Bửu Tòa của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài

tại Đà Nẵng.

Ngày 28-9-1953, các bậc tiền bối của cơ đạo miền Trung đã mượn nơi đây hội họp hai mươi đại biểu của các thánh thất miền Trung và đồng thanh quyết nghị tái lập Cơ Quan Truyền Giáo Cao Đài, tiền thân của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài ngày nay.

Quý vị tiền bối Huệ Lương (Trần Văn Quế), Thanh Long (Lương Vĩnh Thuật), Trần Quốc Luyện, Trần Cư ... từng làm việc tại thánh thất Từ Vân để xuất bản nguyệt san *Nhân Sinh* (số đầu tiên ra ngày 15-9-1954).

Năm 1956 tại thánh thất Từ Vân đã thành lập họ đạo Nam Phần của Hội Thánh Truyền Giáo, tiền thân của họ đạo Trung Minh ngày nay.⁽²⁾

Năm 1991, bản đạo thuộc xã đạo Phú Nhuận của họ đạo Trung Minh xin tách riêng và thành lập họ đạo Từ Vân.

Ngày 22-9-1991, Lễ Sanh Thái Thoại Thanh (1919-2002) gởi đạo văn xin Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài yểm trợ việc sinh hoạt tu học cho thánh thất Từ Vân, và ngày 27-3-1993 lại xin Hội Thánh chấp thuận cho họ đạo Từ Vân được vào hệ thống Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.

Năm 2009, khánh thành thánh thất Từ Vân cất mới.

Trong nhiều năm qua, thánh thất Từ Vân là nơi trợ giúp nhiều sinh viên Cao Đài ở các tỉnh về TpHCM trợ học. Đây cũng là nơi đặt văn phòng đại diện của Hội Thánh tại TpHCM.

⁽²⁾ Năm 1965, Họ Đạo Trung Minh dời về địa điểm như hiện nay: số 609-611 đường Bình Thới, quận 11, TpHCM.

6. NGUỒN GỐC TỪ PHẬT GIÁO: VẠN QUỐC TỰ

Tổ đình Vạn Quốc Tự do Sư Bà Diệu Lộc thành lập năm 1930 tại xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre ngày nay. Sau khi Sư Bà Diệu Lộc quy liễu, Ni Trưởng Diệu Minh (1906-1986) kế nghiệp.

Năm 1934, Ni Trưởng Diệu Minh nhập môn Cao Đài tại Giồng Bôm (Bạc Liêu) trong dịp Hội Thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo mở đại lễ.

Năm 1948, Ôn Trên dạy Ni Trưởng Diệu Minh lên Sài Gòn tìm mua đất.

Năm 1950, thành lập Vạn Quốc Tự Đô Thành dành cho phái nữ (còn gọi chùa Nữ Giới) trên đường Phan Thanh Giản, nay ở số 378/5 Điện Biên Phủ, quận 10, Tp.HCM.

Chánh điện Vạn Quốc Tự Đô Thành thờ Thiên Nhân, phía đối diện thờ Đức Diêu Trì Kim Mẫu. Vạn Quốc Tự (được Ôn Trên đặt tên là Chơn Lý Đàn) có lập đàn cơ và thường được Đức Mẹ giáng cơ dạy Đạo. Vào trung thu Kỷ Dậu (1969), văn phòng Nữ Chung Hòa Đại Đạo thuộc Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý được đặt tại Vạn Quốc Tự.

Ngày 31-12-1972, Ni Trưởng Diệu Minh Võ Duy Nhứt gửi đạo văn số 0190/VQT-ĐT cho Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh, xin hiến Vạn Quốc Tự do Ni Trưởng đứng bộ. Với công đức này, Tòa Thánh Tây Ninh phong phẩm Đạo Nhơn (tương đương phẩm Giáo Sư) cho Ni Trưởng ở Hội Thánh Phước Thiện. Nhưng sau đó không có thống nhất về một số vấn đề nên Vạn Quốc Tự vẫn không thuộc về Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh. Từ ngày 26-3-2011, Vạn Quốc Tự do Nhà Nước quản lý.

ĐẠT TRUYỀN

THUYỀN THƠ LỤC BÁT

1. Tay không ta đến giữa đời
Buồn vui, mất được, khóc cười... hư không
Một mai cánh gió phiêu bồng
Tay không ta lại thong dong trở về.
2. Tang tình tang, tính tình tang...
Sợi tơ mỏng mảnh mệnh mang xuân thì
Hong chung đổ giọt từ bi
Lôi Âm Cổ khởi tuyệt thì bến mê.
3. Ừ em, lá cỏ luân hồi
Gió mưa nắn nốt gửi lời tương tư
Trầm luân lận đận kiếp người
Câu thơ nào rụng giữa trời thiên thanh.
4. Thông reo vi vút trên ngàn
Chợt nghe gió lạ thổi tràn ý thơ
Mây giăng lớp lớp không bờ
Hoàng hôn vô định xanh mơ một đời.
5. Mùa xuân trên đỉnh vô biên
Bước chân viễn xứ về miền hoang sơ
Trăng sao hái mộng tình cờ
Tìm trong dâu bể một bờ tịch liêu.
6. Ta đi bên nửa khung chiều
Trầm tư chiếc lá rong rêu tháng ngày
Sợi buồn đan kín cung mây
Ta khơi nỗi nhớ khóa đầy bờ thương.

KIM ANH

Thánh thất Trung Nghĩa

SỨ MẠNG GIÁO HÓA CỦA NGƯỜI CHỨC SẮC

PHẠM VĂN LIÊM

I. Chức sắc

Chức sắc là hàng giáo phẩm trong tôn giáo. Tôn giáo là một tổ chức thực hiện công cuộc giáo hóa. Cao Đài Giáo là một tôn giáo chú trọng về giáo hóa.

Đấng giáo chủ vô hình Thượng Đế mở Đạo xưng là *Thầy*. Hàng chức sắc của nền Đạo thể hiện sứ mệnh giáo hóa ngay trong cách gọi tên giáo phẩm.

Trên hết là *Giáo Tông*, người cầm quyền dạy đạo lớn nhất, tổng quát nhất. Kế đến là *Đầu Sư*, *Phối Sư*, *Giáo Sư*. Chữ *Sư* trong các giáo phẩm này thể hiện rõ vai trò tùy theo mức độ quyền pháp để dạy dỗ. Tiếp theo là *Giáo Hữu* cũng là người hướng dẫn tín đồ, phổ thông chơn đạo. Còn *Lễ Sanh* là người thực hành nghi lễ, người chịu học hỏi, chịu thực hành để bắt đầu bước vào hàng giáo phẩm.

Vậy chức sắc là người đem đạo đức dạy cho nhân sinh, cảm hóa nhân sinh trên đường thẳng tiến cả hai mặt nhập thế và xuất thế.

Đức Chí Tôn đến thế gian lập Đạo cũng cần có chư Phật Tiên Thánh Thần tùy nghi trong diệu dụng vô hình, phóng điện quang dạy Đạo. Về phần Giáo Hội hữu hình, phải nhờ vào hàng chức sắc làm tay chân gieo rải giáo pháp, giáo lý, giáo nghĩa để giác ngộ chúng sanh.

Hội Thánh Truyền Giáo sau khi thành lập, hàng ngũ

chức sắc đầu tiên được tuyển phong vào giai đoạn khai cơ giáo pháp. Hội Thánh tổ chức lễ Hồng Thệ rất trang trọng tại Trung Hưng Bửu Tòa để gây tinh thần quyết tâm vì sứ mệnh xây dựng Giáo Hội giáo hóa nhân sinh.

II. Sứ mạng giáo hóa

Sứ mạng là cái trách vụ nhận lãnh từ một mạng lệnh và phải gánh vác chăm lo. Người chức sắc nhận lãnh mạng lệnh của Thiên Liêng để giáo hóa nhân sinh, thường gọi là “*Thế Thiên hành hóa*”, tức thay Thầy, thay Hội Thánh độ dẫn tín chúng, làm cho tín chúng biết Đạo, học Đạo, hiểu Đạo để đạt Đạo. Tức là giác ngộ được tình thương sự sống và lẽ thuận chơn để mỗi con người trở nên xứng đáng là con cái của Thầy, xứng đáng là động cơ chuyển xoay của Đại Đạo... Để tròn sứ mạng, người chức sắc phải xây dựng cho được tâm giải thoát ra khỏi sự ràng buộc của thế tình, sự câu nệ của vật chất, sự cám dỗ của sắc, tài, tửu, khí, danh lợi, bứt ra khỏi xiềng xích tham ái dục lạc, vệt màn vô minh nhìn vào khung trời chân thiện mỹ.

Nói chung là như trên. Còn riêng về sứ mạng giáo hóa của người chức sắc Hội Thánh Truyền Giáo thì phải sao? Hội Thánh Truyền Giáo có một sứ mạng đặc biệt, một lộ trình tu chứng rất thích nghi, do vậy người chức sắc giáo hóa phải chú trọng việc gây tạo niềm tin vững chắc vào sứ mạng và lộ trình tu chứng, vào pháp môn hành trì đặc biệt đó để dắt dẫn tín đồ theo đúng lộ trình thành tựu cứu cánh.

a. Điều kiện giáo hóa

Điều kiện là những cái cần có để làm được một việc gì. Những nhu cầu để từ đó có thể thực hiện được công tích gì. Như vậy, những điều kiện cho công việc giáo hóa là gì?

- **Con người:** Không thể nào tự nhiên mà có được người chức sắc giáo hóa. Người chức sắc phải được tuyển chọn theo luật pháp nhà đạo và phải được đào tạo. Họ phải là người đứng quyền hành pháp luật, vượt lên trên thế sự, không la đà lẫn thân với danh lợi thị phi, phải tu lấy thân tâm, phải đoạn nghiệp trừ phiền, dứt nợ oan gia trái chủ. Như thế mới hầu việc được cho Thầy, mới giáo hóa được chúng sanh.

- **Năng lực:** Khả năng nhận hiểu, hành trì và chứng đắc, tức là lấy thành quả của chính mình để giáo hóa người.

Kết hợp con người và năng lực để đem Đạo vào đời, đưa dắt nhân sinh vào đường hướng tu học hầu mong thăng tiến trên đường tâm linh làm cho Hội Thánh thể hiện được quyền năng cứu rỗi của Thiên Liêng. Người chức sắc giáo hóa phải sống liền với Thánh linh mới có Thánh linh để cảm hóa được nhân sinh. Lại cũng phải biết ứng dụng khoa học, văn hóa tâm linh, điều nhiếp các phương môn trong Thánh truyền mở ra con đường vào chánh pháp Trung Hưng một cách rạch ròi kiên định. Nghiên cứu, đối chiếu các giáo thuyết khác làm phong phú đường lối thực hiện cứu độ theo mục đích *Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát*.

Người chức sắc Thiên ân hướng đạo luôn được Thầy Mẹ và các Đấng Thiên Liêng xem trọng, luôn được sự nhắc nhở dạy khuyên bằng thánh ngôn, thánh giáo.

Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

“Lão lấy làm mừng. Chư Thiên ân đã vững vàng bước trên một cấp đạo để xứng vai hướng lộ dịu dắt nhơn sanh, mà Hội Thánh cũng được quyền pháp mình định, trên dưới

rõ ràng, cơ cứu chuộc mỗi ngày mới thấy hiển hiện.

Chư hướng đạo cố gắng lấy lòng mình mà đương vi sứ mạng trong công cuộc trung hưng⁽¹⁾ chánh pháp, xây dựng nền móng Thánh truyền hầu nâng bước nhơn sanh chóng đến cảnh thanh bình, dựng nên thế đạo, nhờ công phu công quả ấy, được nâng cao địa vị mình xứng hàng Thiên ân quyền pháp...

*Nay Trung Hưng⁽²⁾ đã vừa xây dựng
Chư Thiên ân tròn xứng mới là
Đừng lòng tư dục bất hòa
Thấy người phải nghĩ đến ta sau này.
Đừng phải để cho Thầy quả trách
Đừng để mình phải tách rời ngoài
Đường đường đáng mặt tài trai
Bên đời bên Đạo đôi vai vững vàng.⁽³⁾*

b. Phương tiện giáo hóa

Người làm thợ phải có dụng cụ, người làm ruộng phải có nông cụ... Người chức sắc hướng đạo phải có phương tiện để giáo hóa. Phương tiện đó là giáo lý, kinh điển, pháp môn.

Từ bước đầu lập Hội Thánh, Thầy Mẹ và các Đấng Thiên Liêng đã hoạch định rõ ràng về sứ mệnh truyền giáo cũng như sứ mệnh trung hưng chánh pháp. Tất cả nội dung sứ mạng ấy đã nằm trong Thánh truyền, cho nên phương tiện giáo hóa chính là khai triển phổ hóa cho mọi

⁽¹⁾ *Trung hưng* 中興: Hồi phục lại sau thời kỳ suy yếu (*restoration after a temporary decline*). [Ban Ân Tổng chú]

⁽²⁾ Trung Hưng Bửu Tòa tại Đà Nẵng. [Ban Ân Tổng chú]

⁽³⁾ Đoàn ngày 09-01 Kỷ Hợi (16-02-1959).

tín đồ học hỏi hành trì theo chánh pháp trung hưng của Thầy và giáo pháp Đại Đạo.

Muốn sử dụng được phương tiện Thánh truyền và giáo pháp Đại Đạo tất nhiên phải cần mẫn chăm chỉ học hỏi. Phải un đúc cho mình một đạo lực khả dĩ cảm hóa được người, chuyển xoay được vận hội. Ở đâu có chúng sinh thì ở đó phải có sự giáo hóa. Chỗ nào u tối thì ánh sáng Đạo màu phải được thấp sáng, chỗ nào khổ đau thì sự cứu vớt phải được chan rải. Nhưng muốn chuyển đến, muốn thấp sáng, muốn chan rải còn cần phải có phương tiện vật chất. Thông thường trong nhà Đạo, khi ai phát đại nguyện lo cho chúng sinh thì được chúng sinh cúng dường lại. Người hướng đạo chỉ có một niệm là thuận tùng để lo cho chúng sinh mà không vọng cầu, không mong ước, từ cái ăn cái uống cũng như mọi phương tiện khác. Thế rồi tùy hoàn cảnh mọi thứ sẽ có, sẽ được đáp ứng. Kinh nghiệm của các nhà truyền giáo từ ngàn xưa cho đến hiện tại, họ chỉ biết tùy duyên, nhậm vận mà đạt thành mọi ý nguyện.⁽⁴⁾

Một điều cần lưu ý là thiếu phương tiện không chuyển đạo được mà quá đầy đủ có thể cũng không chuyển đạo được... Không thiếu gì những người vì chùa lớn, vì thánh thất tiện nghi đã biến thành nơi thụ hưởng, không chấp nhận sự điều dụng đi nơi khác cho dù là thăng tiến cao hơn...

⁽⁴⁾ Vấn đề bảo trợ cuộc sống áo cơm của người hướng đạo thật ra không đơn giản. Xem thêm bài *Ăn Cơm Có Canh, Tu Hành Có Bạn*, in trong *Lòng Con Tin Đấng Cao Đài* (tr. 12-16), của Huệ Khải. (Nxb Tôn Giáo, 2010, quyển 4, trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.) [Ban Ấn Tổng chú]

Luôn luôn nên nhớ rằng nhờ phương tiện để đạt cứu cánh, nhưng phương tiện không phải là cứu cánh. Đức Trang Tử dạy rằng: Nhờ nơm được cá nhưng khi được cá hãy quên nơm. Nhờ dõng thả được cá nhưng khi thả cá hãy quên dõng. Cũng như nhà Phật dạy rằng qua sông nhờ thuyền nhưng lên bờ rồi không phải tiếp tục vác thuyền mà đi.

c. Đối tượng giáo hóa

Đối tượng giáo hóa là tất cả mọi con người thế gian. Cao Đài Giáo là tôn giáo tận độ mọi người, không phân biệt giống dòng, màu da, sắc tộc, hiền ngu, sang hèn... Tất cả đều là đối tượng giáo hóa.

Theo nhà Phật, khi lấy chúng sanh làm đối tượng giáo hóa tức là tu theo Bồ Tát hạnh của kinh Hoa Nghiêm. Bồ Tát có đại nguyện đi vào chúng sanh, vào địa phủ để hóa độ. Tân pháp tận độ của Cao Đài gặp Phật Giáo ở Bồ Tát thừa này. Sự hóa độ phải đến với người xấu, người hư hèn, người sai ngoa tà vạy. Nơi nào còn trầm luân, nơi đó cần cứu vớt. Nơi nào nhiều tệ nạn, nơi đó cần giải trừ. Ai bị mê lầm, cần được thức tỉnh. Tất cả sinh chúng nhân gian phải nghe được, thấy được, biết được ơn gọi Kỳ Ba. Tất cả họ là đối tượng giáo hóa của người Thiên ân sứ mạng.

Người chức sắc phải lập hạnh Bồ Tát, phát tâm bồ đề từ trạng thái chơn tâm chơn tánh. Do chỗ lập tâm đó người chức sắc dù sống chung lộn với đối tượng tội lỗi, đi vào môi trường nhiễm ô cũng vẫn thanh tịnh và như vậy mới giáo hóa được đối tượng. Đó là tính cách “*Hòa quang đồng trần*”.

Trong bộ tranh chẵn trâu của Nhật Bản, tranh thứ 10 diễn tả cái thanh tịnh của người “hòa quang đồng trần” này

với hình ảnh “*thống tay vào chợ*”. Vào giữa chợ đời cùng với cát vắn bụi lằm, thế mà vẫn nở nụ cười thanh tịnh, nụ cười vô ngại không bị triền phược nhiễm ô.

*Lưng trần chân đất chợ người
Cát lằm bụi vắn ta cười say sưa
Thần Tiên bí quyết cũng thừa
Cây khô thoát đã đong đưa nhụy vàng.*

Đức Phật Thích Ca là bậc Đạo Sư về sự giáo hóa. Ngài nhìn thế nhân, phân loại thành bốn đối tượng:

- Một là, đối tượng *ngoài chín trong sống*: Đây là những kẻ bề ngoài có vẻ mẫu mực nghiêm trang từ cái đi đứng, nói năng tỏ ra thanh tịnh đáng nể, nhưng thực chất bên trong thì tà vạy buông lung, tâm tánh nhiễu nhương, khó lường.

- Hai là, đối tượng *ngoài sống trong chín*: Đây là hạng đối tượng tuy bên ngoài có vẻ thô tháo nhếch nhác mà trong lòng lại thanh tịnh kỷ cương.

- Ba là, đối tượng *ngoài sống trong sống*: Loại này thì cả trong ngoài đều hồng. Ăn nói sống sượng khoác lác, hành vi kịch cỡm, tâm địa bất định bất an.

- Bốn là đối tượng *ngoài chín trong chín*: Là những người đã trui luyện cả thân tâm đều được thanh tịnh. Được vào hạng này là những thành quả của giáo hóa viên mãn.

d. Thực hành giáo hóa

Đi vào công việc giáo hóa người chức sắc phải luôn luôn “*ngôn hành hợp nhất*”. Lời nói ra phải hợp chánh đạo, chánh lý, ám hợp thiên địa. Một lời nói phải nghìn dặm cũng nghe theo. Lời đã nói ra, lời ấy phải tận thiện: “*Ngôn thiện tắc hữu tín.*” Gây được tín tâm cho người thì thực

hành theo lời giáo huấn tất hẳn hoi.

Lời nói mà được chính là do tâm. Người có tâm bất chính thì lời sẽ không lành, sẽ gây nên họa ương, không cảm hóa được ai. Muốn có tâm minh chánh, lời nói minh chánh thì người chức sắc luôn để tâm nghiên cứu, học hiểu giáo lý, gắn liền với ơn điển Thiêng Liêng, đặt mình trong quyền pháp. Mọi hành vi cử chỉ phải luôn đặt trong khuôn phép, tu hành không nhếch nhác bừa bãi. Những người dung mạo không đoan chính, ăn nói không nghiêm trang sẽ khó giáo hóa được người.

Thực hành giáo hóa cần có tâm quảng đại bao dung, bác ái công bình, và bền chí.

Thực hành giáo hóa cũng đòi hỏi nhiều nghệ thuật và am tường khoa tâm lý. Thầy và các Đấng Thiêng Liêng đã áp dụng nghệ thuật và tâm lý trong thánh ngôn thánh giáo rất tuyệt vời khiến dễ cảm thụ lòng người cải hóa nhân sinh.

e. Thành tựu của giáo hóa

Thành tựu là cái kết quả thu đạt được. Kết quả này có ở cả hai: chức sắc giáo hóa và đối tượng giáo hóa.

Người **chức sắc giáo hóa** phải đạt được mức độ chín cả mọi mặt. Quả có chín mới thu hái, cơm có chín mới dọn bữa. Phải chín chắn từ ngôn hành đến phong cách, nếp sống... mới tạo được hiệu quả giáo hóa. Người chức sắc vốn được tuyển chọn bình bầu (công cử, suy cử) chứ không thể tự mình tranh thủ mà được, và từ đó người chức sắc phải chịu đào tạo mài giũa, chịu giáo hóa. Có chịu giáo hóa, chịu đào tạo thì mới có thể giáo hóa người. Người giáo hóa được người phải thực sự tạo được tâm phục khẩu phục mới có được vị trí thiện cảm trong lòng mọi người. Ai

không có cái chơn tâm, chơn trí, chỉ dùng thủ thuật hào nhoáng bề ngoài thì nhất định không chinh phục được người mà chỉ là trò hoạt kê cho người giễu cợt mà thôi.

Đối tượng giáo hóa có những thành tựu cả về tướng pháp lẫn tâm pháp.

Về **tướng pháp**, mọi tín hữu giữ được quy giới tinh nghiêm, noi theo được đúng đường lối, tuân thủ mọi chủ trương, khai thông được mọi bế tắc, cởi mở được mọi rối rắm, an bài được mọi trật tự, điều chỉnh được mọi lệch lạc, nắm vững được cơ động tịnh để tiến hóa tồn vong. Phải biết thuận ứng hòa vui trên bước đường thẳng tiến. Gặp chướng ngại không lùi chân, gặp gian nguy không thối bước. Khi vui không hỷ hạ, lúc buồn chẳng âu sầu, luôn giữ được tâm bình trong mọi hoàn cảnh để làm sáng danh Đạo, danh Thầy và cơ đồ Hội Thánh. Được như vậy thì có thể vững vàng thâm nhập vào Đạo của trời đất, thâm nhập vào quy luật của thiên nhiên, đặt chơn trí vào sự thấu hiểu giáo lý Đại Đạo, đặt chơn tâm vào cơ bí nhiệm của pháp môn, đặt tinh thần vào trong điển lực Thiêng Liêng, kết tụ cho mỗi người được pháp vị, đạo vị làm rực rỡ cái linh quang nội tại, làm cho con người thường thức được vẻ đẹp tinh thần thanh cao thánh thiện. Lấy sự thương yêu, lễ công bằng mà tạo dựng hạnh phúc để khai thế tạo thế, để không còn mạnh hiếp yếu, giàu khinh nghèo. Ai ai cũng chung nhau trong đạo nghĩa, trong đạo lý.

Về **tâm pháp**: Nói giáo hóa là hướng dẫn dạy dỗ để cải hóa con người, thực sự là giúp con người trở về với chơn tánh, chơn trí của họ.

Chơn tánh là cái tánh thật, cái tánh y nhiên như mặt gương trong, dù phản chiếu muôn ảnh ngàn hình, dù hiện

rõ muôn màu ngàn sắc mà mặt gương vẫn không thay đổi. Như cánh nhận lưng trời không lưu lại dấu vết trên nền trời. Như trắng lòng đáy nước mà nước chẳng giữ được trắng, trắng không dính nước, nước chẳng dính trắng.

Nhạn quá trường không

Ảnh trầm hàn thủy

Nhạn vô di tích chi ý

Thủy vô lưu ảnh chi tâm.⁽⁵⁾

Chơn trí là cái trí bao trùm không phân biệt so sánh. Cái trí thường hằng mà Đạo Học gọi là ông chủ (chủ nhơn ông) tức là cái chơn tâm.

Kinh Kim Cang dạy: “*Tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai không thể được.*”⁽⁶⁾ Kinh dạy phá ba cái tâm ấy vì chúng là tâm vọng, không thật. Còn chơn tâm, chơn trí hay ông chủ thì hằng hữu, phi thời gian.

PHẠM VĂN LIÊM

Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài

⁽⁵⁾ Thơ Hương Hải. Tạm dịch: Chim nhận bay ngang bầu trời / Bóng chim in trên mặt sông lạnh / Nhận nào cố ý để lại dấu tích / Sông cũng không có lòng lưu giữ bóng chim.

Thiền sư Hương Hải (1631-1718), thế danh là Tổ Cầu, người làng Áng Độ, huyện Chân Phúc (sau là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An). Lúc đầu ông làm tri phủ Triệu Phong (nay gọi là tỉnh Quảng Trị), rồi tu thiền ở cù lao Chàm (tỉnh Quảng Nam), đạo hiệu là Huyền Cơ Thiện Giác, pháp tự là Minh Châu Hương Hải.

⁽⁶⁾ Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc.

UU ĐẠO BẤT ƯU NHÂN

ĐƠN TÂM

1. Các Đấng Thiêng Liêng luôn luôn quan tâm dạy dỗ, xây dựng tư tưởng cho hàng ngũ Thiên ân chức sắc hướng đạo có ý thức đúng đắn về đường hướng tu học và hành đạo của mình. Đức Vô Cực Từ Tôn dạy:

“Các con có muốn chỉ giữ bậc tâm thường là hiền nhân một kiếp này, để kiếp lai sanh hưởng muôn điều vinh hoa phú quý? Thảng qua, thì có con thích làm như vậy, nhưng biết kiếp lai sanh còn nhớ căn cội của mình mà tiếp tục sự nghiệp đạo đức ấy chăng?”

“Vậy thì đừng mong vọng điều đó, mà chỉ tận dụng mọi khả năng, mọi hoàn cảnh, dốc thực hành cho kỳ được một kiếp này mà thôi.” ⁽¹⁾

2. Đối với những người đặt nặng việc tu giải thoát mà xem nhẹ sứ mạng phổ độ, hoằng pháp thì Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy như sau:

“Nhưng không phải Thiêng Liêng chỉ khuyên chư hiền tu để thành Phật, Tiên, Thánh, rồi quên trách vụ của mình đang mang mệnh. Tu luyện để có bửu bối giúp cho trí tuệ minh mẫn, tâm thần sáng suốt để giải quyết mọi vấn đề, hành đạo cho đúng Thiên lý. Tu luyện để diện mạo được từ ái khôi ngô, tướng đi đứng nằm ngồi thể hiện ra người có hạnh, trang nghiêm, từ ái, khiêm tốn, để gây thiện cảm, lòng tin với mọi người, mà đó cũng là sức hút của nam

châm do các điều kiện ấy tạo nên.

“Xuyên qua cái lý đó, chư hiền đệ muội thấy rằng các Đấng không chỉ khuyên tu để thành Phật, Thánh, Tiên, mà phải tạo điều kiện để trợ duyên cho công cuộc thể Thiên hành đạo, phổ truyền giáo lý cứu độ nhơn sanh.” ⁽²⁾

Anh chị em chức sắc, chức việc, tín hữu chúng ta hãy nghiền ngẫm hai thánh giáo trên đây của Đức Mẹ và của Đức Giáo Tông, rồi xét nét lại đường lối tu học, hành đạo của mình bấy lâu nay, xem có phù hợp với thánh ý chăng.

3. Đức Vô Cực Từ Tôn dạy:

“Các con ôi! Các con đã lập thế, đã hy sinh và đã có nhiều công quả trên đường xây dựng Đạo, cứu độ sanh linh. Nhưng những hành động cùng công quả đó chỉ mới tiến được đến mức tâm thường. Nếu các con là một chúng sanh tâm thường, thì những công quả đó có thể tạm cho là được đó. Nhưng các con là đoàn tiên phong, đàn anh chị, lại lãnh vai trò thể Thiên hành hóa, trong lúc mà nhơn sanh còn tội lỗi, còn đau khổ, còn đói rách, còn dốt nát, thì phận sự các con chưa cho phép các con an phận thủ thường.” ⁽³⁾

4. Người Thiên ân sứ mạng, bậc thể Thiên hành hóa hôm nay phải biết noi gương người xưa, không xem việc nhà trọng hơn việc đạo. Đó cũng là lời Ni Sư Diệu Lộc nhắc nhở trong một đàn cơ: *“Người xưa vì sứ mạng chẳng dám tạm ghé nhà trong lúc thi hành mạng lệnh...”* ⁽⁴⁾

⁽²⁾ Thiên Lý Đàn, 06-3 Canh Tuất (11-4-1970).

⁽³⁾ Chơn Lý Đàn (Vạn Quốc Tự), 04-7 Ất Tỵ (31-7-1965).

⁽⁴⁾ Chơn Lý Đàn (Vạn Quốc Tự), 01-10 Ất Tỵ (24-10-1965).

⁽¹⁾ Thiên Lý Đàn, 10-4 Ất Tỵ (01-05-1965).

Sử sách còn chép rằng vào thời thượng cổ bên Trung Quốc, vua Nghiêu truyền ngôi cho vua Thuấn. Vua Thuấn sai ông Vũ làm thủy lợi (trị thủy). Trong mười ba năm thi hành nhiệm vụ, ông Vũ có ba lần đi công tác ngang qua nhà mà không hề tạt vào để thăm hỏi gia đình.

Theo lời nhắc nhở của Ni Sư Diệu Lộc, chúng ta thử hình dung và cảm thấy thương kính biết bao tấm gương của ông Vũ thời xưa, vì chưa làm xong sứ mạng, chẳng dám để việc riêng làm chậm trễ việc công, việc chung của thiên hạ.

Lại thử hình dung, chúng ta sẽ vui biết bao, nếu các bậc Thiên ân chức sắc hướng đạo ngày nay cũng “*chẳng dám tạm ghé nhà trong lúc thi hành mạng lệnh*”. Sẽ chẳng có ai – nhứt là những người có chức vụ biết xem chức vụ là trách vụ – bỏ bê việc đạo vì những lý do hết sức nhỏ nhặt, không đáng phải xem trọng hơn việc đạo.

*

Động viên lòng chí thành và tinh thần hy sinh mà đơn thuần viện lý do trách nhiệm thì có thể tạo cảm giác khô khan như bị bắt buộc, nên Ôn Trên luôn khơi gợi tình cảm *thương Đạo* để các con cái của Thầy Mẹ vì thương Đạo mà không nỡ để cơ Đạo trễ tràng, vì thương Đạo mà siêng năng nhiều hơn, dốc đầu tư tất cả tâm trí, sức lực và thời gian cho việc Đạo.

Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh có lần khuyên chúng ta nên biết khai thác ý nghĩa sâu xa ẩn tàng trong câu nói của hiền thánh ngày xưa: “*Quân tử ưu đạo bất ưu nhàn*.”⁽⁵⁾

⁽⁵⁾ Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15-01 Canh Tuất (20-02-1970).

Câu này nghĩa là người quân tử lo lắng, chăm làm việc đạo chứ không lo hưởng nhàn.

Nếu có huynh tỷ, đệ muội nào nghĩ rằng bản thân không dám tự nhận mình là người quân tử thì cũng nên nhớ tới lời Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh từng dạy: “*Còn hàng hướng đạo thế Thiên hành hóa phải hơn người quân tử nữa kìa.*”⁽⁶⁾

Vậy, hằng ngày chúng ta làm toán cộng toán trừ, để xem ngoài những giờ công phu, ăn uống, nghỉ ngơi cần thiết, ta dùng thời gian còn lại làm việc gì? Nghiên cứu giáo lý? học đạo? đọc thánh giáo? thuyết đạo? ưu tư góp phần thực thi kế hoạch hành đạo của Hội Thánh, thánh sở mình?

Những ai tính sổ mà thấy mình còn dư nhiều thời gian nhàn rỗi quá thì hãy mau đọc to lên lời dạy “*Quân tử ưu đạo bất ưu nhàn*” của Đức Giáo Tông để tự nhắc mình điều chỉnh lại thời gian biểu.

Những ai thấy đạo sự đa đoan, làm hoài chẳng hết, lắm lúc cảm thấy mệt mỏi, cũng hãy đọc to lên lời Đức Giáo Tông nhắc nhở “*Quân tử ưu đạo bất ưu nhàn*”, rồi tưởng tới niềm vui của Đức Giáo Tông và các Đấng mà quên hết mọi nỗi nhọc nhằn.

Chẳng còn bao lâu nữa Đạo Thầy chẵn 100 tuổi. Đến ngày ấy cơ Đạo có rực rỡ ít hay nhiều, chắc chắn cũng tùy thuộc vào hàng ngũ Thiên ân chức sắc hướng đạo biết *ưu Đạo* nhiều hay ít.

ĐƠN TÂM

⁽⁶⁾ Thiên Lý Đàn, 23-3 Đinh Mùi (02-5-1967).

Ý NGHĨA CHỮ TÂM

BẠCH LIÊN HOA

Tâm có nghĩa là trái tim, cơ quan giữ chức năng đặc biệt là đẩy máu tuần hoàn trong cơ thể. Cái tâm này cụ thể, có hình dáng, màu sắc, trọng lượng, có thể chụp ảnh, vẽ hình, v.v...

Nhưng tâm còn có nghĩa trừu tượng, nó là tinh thần. Cái tâm này không có hình dáng hay màu sắc, không thể dùng con mắt phàm của chúng ta để nhìn thấy, không thể dùng tai để nghe được, không thể sờ mó bằng tay hay chụp ảnh, vẽ hình, v.v...

Trong triết học phương Đông, tâm là ý thức chủ quan của con người. Chẳng hạn, Phật Giáo cho tâm là chủ của mọi hoạt động tinh thần của con người, bao hàm cả ý (năng lực suy nghĩ) và thức (năng lực phân biệt). Tâm tạo ra tất cả, nên Phật Giáo có câu: “*Ba ngàn thế giới do tâm tạo.*”

Sách *Đại Học* của đạo Nho có câu: “*Dục tu kỳ thân, tiên chánh kỳ tâm.*” Nghĩa là: Muốn sửa chữa thân mình (không còn các hành vi bất chánh, gian tà), thì trước hết phải làm cho tâm mình được ngay thẳng, đúng đắn.

Trong ngôn ngữ đời thường, tâm thường được hiểu là tấm lòng, là ý thức đạo đức. Trong truyện *Kiều*, Nguyễn Du (1765-1820) viết:

Thiện căn ở tại lòng ta

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

Tâm chia làm hai phần: chân tâm và vọng tâm. Vọng

tâm sanh phiền não. Đứng đầu của phiền não là tham, sân, si – gọi chung là *tam độc* (ba món độc hại).

Tham. Lòng tham muốn chưa thỏa mãn thì tâm buồn khổ tức là sanh phiền não.

Cái tham của người đời từ mới lọt lòng mẹ cho đến ngày bỏ xác, ít ai được thỏa mãn cho đầy đủ. Đứa trẻ ham muốn đồ chơi, quần áo đẹp, kẹo bánh... mà không có được thì tâm trẻ con đã biết khổ. Đến tuổi lứa đôi mà cha mẹ không chấp thuận người bạn trai hay gái do mình lựa chọn thì cũng là cái khổ. Ra đời tham công danh, quyền tước, tài lộc mà không được toại nguyện như ý thì lòng ắt đầy đau khổ. Đó là vài thí dụ về cái tham sanh phiền não của thế gian.

Khi đã vào một tôn giáo, tu học và hành đạo lại có lắm vị cũng lắm phải cái tham mà đau khổ. Ấy là tham danh đạo, muốn có nhiều người tán tụng mình là người thông minh, giỏi đạo lý. Người tu mà ham muốn chức phẩm, áo mão, thích được chỉ huy đồng đạo, muốn leo lên cơ đạo theo ý riêng thì đó cũng là cái tham.

Tham tư lợi vật chất thế gian hoặc tham hư danh nơi cửa đạo tự trung cũng ở trong vòng lẩn quẩn của chữ tham. Nếu đã là tham tức là còn trong vòng phiền não.

Lòng tham dục bao nhiêu cho đủ

Để thất tình làm chủ lấy tâm

Khiến gây tội ác lỗi lầm

Người chường mắc phải vướng nhảm khổ nguy.⁽¹⁾

Tham đứng đầu rồi sanh ra sân.

Sân. Vì chạm tự ái mà thành sân. Sân đưa con người

⁽¹⁾ *Đại Thừa Chơn Giáo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2011, tr. 102.

đến biết bao nhiêu điều tội lỗi. Sân hận thường đi đôi với nhau. Sân hận là thù oán. Oán thù nhau kéo dài mãi bởi vì quyền lợi hoặc danh dự bị đụng chạm.

Sân là sự nóng nảy. Người có tánh nóng, nếu gặp những việc trái ý thì nổi nóng lên. Trong tâm bực tức không an thì mặt mày nhăn nhó trông rất xấu, hoặc mặt có màu đỏ hay xanh. Miệng thốt ra nhiều lời lẽ kém đẹp, thiếu nhã nhặn, có thể thô bạo đến mức hành hung nhau để rồi gây tội lỗi nặng, có thể đi đến trước tòa án xét xử.

Kinh *Hoa Nghiêm* có câu: “*Nhứt niệm sân tâm khởi, bá vạn chương môn khai.*” Nghĩa là một niệm sân nổi lên thì trăm vạn nghiệp chương đều mở cửa cho mình lọt vào.

Người xưa cũng khuyên: “*Một đóm lửa sân có thể đốt cháy hết muôn mẫu rừng công đức.*”

Có lắm vị đạo tâm đã thực hiện nhiều công quả tu hành rất tốt, rồi gặp một nghịch cảnh nào đó mà nổi sân lên, rồi bỏ đạo. Chẳng những họ không tu hành nữa, mà còn tìm cách phá hoại nền đạo để thỏa mãn lòng sân. Thật đáng tiếc thay! Công đồn củi ba năm chỉ đốt rụi trong một giờ, rất uổng cho công trình tu học bao nhiêu năm của vị đạo tâm ấy.

Thế nên người tu cần nhớ lời răn của hiền nhân đời trước:

*Sân si nghiệp chương không chừa
Bo bo mà giữ tương đưa ích gì!*

Vì sân rất có hại như trên, chúng ta tu học và hành đạo phải cố gắng giữ tâm nhẫn nhịn để lần lần dẹp bớt lòng sân và phải quyết chí trừ hẳn lòng sân thì mới có thể gọi là tu tâm được.

Tham sanh ra sân, sân lại sanh ra si.

Si. Si là mê. Mê tài vật bất chánh thì trở thành người tội lỗi. Vì mê mà không phân biệt được việc làm của mình đúng hay sai. Vì mê nên tạo thành tội lỗi từ hành động hoặc trong tư tưởng.

Nếu không mê thì tâm mới sáng suốt để biết phân biệt điều hay lẽ phải. Như thế, chúng sanh đâu có phạm các tội lỗi. Người đạo không mê thì ai ai cũng chung lo hành đạo, giúp đạo một cách vô tư lợi. Được vậy thì nền đạo sẽ phát triển to tát lắm thay.

Tham, sân, si là vọng tâm. Chúng phá hoại chân tâm rất đáng sợ nên kinh sách gọi chúng là tam độc. Người tu rất cần trừ khử tam độc để dứt hết vọng tâm thì chân tâm mới có thể hiển lộ được. Vì thế thánh giáo thường khuyên ta ráng trừ bỏ tam độc.

*Tu thân tự giác trừ tam độc
Chánh niệm độ tha khởi vạn duyên.⁽²⁾*

*Ráng tu sớm khử trừ tam độc
Nhẹ gánh phi thăng đến Phổ Đà.⁽³⁾*

*Trừ tam độc tham sân si muội
Để nhẹ mình giòng ruổi đường tu.⁽⁴⁾*

BẠCH LIÊN HOA

Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi

⁽²⁾ Đức Di Lạc Thiên Tôn, Trúc Lâm Thiền Điện, 21-5-1967.

⁽³⁾ Đức Quan Âm Bồ Tát, Minh Lý Thánh Hội, 11-10-1969.

⁽⁴⁾ Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 06-11-1971.

ĐỀ THI CHỈ CÓ TÂM VÀ CẢNH

DIỆU NGUYÊN

Thế gian là trường thi tiến hóa

Con người từ thuở mới sinh ra đã được nghe lời ru ni non của mẹ hiền:

*Ấu ơ, ví dầu câu ván đóng đình
Cầu tre lắt lẻo gập ghềnh khó đi
Khó đi mẹ dắt con đi
Con đi trường học, mẹ đi trường đời.*

Thật vậy, con người ở thế gian không chỉ đi học và đi thi trong khoảng thời gian mười mấy năm ở trường tiểu học, trung học, đại học và sau đại học mà vẫn còn phải tiếp tục học và thi cho đến khi thân xác này trở về với cát bụi. Nói một cách khác, cả thế gian là một trường học hay trường thi tiến hóa. Đức Hưng Đạo Đại Vương xác nhận điều này như sau:

“Đời là trường thi, là nơi để cho con người học tu, rèn đức lấy chính mình.” ⁽¹⁾

Học tu hay rèn đức lấy chính mình là để tiến hóa lên hàng Thần Thánh Tiên Phật. Đây là một điều bắt buộc theo quy luật tiến hóa của trời đất như lời Đức Chí Tôn dạy:

“Nhưng đã dựng làm người phải tấn hóa, mà tấn hóa mãi thì cần phải chịu chuyển kiếp trăm ngàn lần dựng học hỏi mọi lẽ thế gian.” ⁽²⁾

⁽¹⁾ Bác Nhã Tịnh Đường, 14-12 Tân Hợi (29-01-1972).

⁽²⁾ Đại Thừa Chơn Giáo. Nxb Tôn Giáo, 2011, tr. 157. (Quyển 36 trong Chương Trình Ấn Tổng.)

Vậy thì, mỗi người trong chúng ta đều là một học sinh đi học và cũng là một thí sinh đi thi. Cần lưu ý là các kỳ thi không phải lúc nào cũng có.

Ngày nay, Bộ Giáo Dục tổ chức thi tuyển sinh vào đại học mỗi năm một lần. Nhưng ngày xưa, các sĩ tử phải chờ đợi từ ba đến mười năm mới có một lần triều đình tổ chức thi hương, thi hội, thi đình để tuyển chọn nhân tài ra giúp nước. Người thi đậu ở các kỳ thi này được gọi là ông tú, ông nghè, và cao hơn là thám hoa, bảng nhãn, trạng nguyên.

Đặc biệt, trong thời hạ nguon mặt kiếp này, Đức Chí Tôn đến thế gian mở Đạo chính là mở một khoa hội cuối cùng hay là một kỳ thi cuối cùng có tính chất quyết định để các nguyên nhân được dịp thoát khỏi cảnh trầm luân nhân quả hay cộng nghiệp chúng sanh hầu được hưởng cảnh đời thượng nguon thánh đức hay được trở về cùng Đấng Đại Từ Phụ. Thí sinh thi rớt trong kỳ này phải chờ đến bảy trăm ngàn năm (thất ức niên) sau mới có một khoa hội khác.

Đề thi là gì?

Ngài Định Pháp Minh Thiện, một tiền bối của Minh Lý Thánh Hội, sau khi trở về cõi vĩnh hằng và đặc vị Bác Nhã Thiền Sư Tam Tông Pháp Chủ Nguyên Quân Bồ Tát đã giảng đàn tâm sự cùng hậu thế như sau:

*Vào đời như lạc nơi trần thế
Chốn mê đồ không dễ gì ra
Rào quanh địa võng thiên la
Bát môn yểm trấn, đằng xà hãm vây.
Trường thi mượn nơi đây chấm điểm
Đúng mức thì được chiếm bảng cao*

*Đậu xong Thiên quốc mời vào
Rớt cam nô lệ trần lao khổ trầm.*

*Đề thi chỉ có tâm và cảnh
Thắng chủ rồi vào Thánh lên Tiên
Để duôi buông thả tâm điên
Cảnh khi mê hoặc mất quyền tự do.*

*Mảng vui thích đời kho vô tận
Ám ảnh và hấp dẫn cuốn lôi
Đắm mê thiên chức quên rồi
Vướng mang trần tục luân hồi xuống lên.*

*Biết bao người cỡi trên xuống thế
Nhiễm mùi trần trí tuệ mờ lu
Chúng sanh trong cõi trần tù
Một khi giấc ngộ cỡi cù lên mây.*

*Muôn loài mượn nơi này tu học
Nhờ lò đời luyện lọc ra thi
Vượt trên tất cả những gì
Đại hùng, đại lực, đại bi thoát trần.⁽³⁾*

Trong đoạn thánh thi trên, Đức Bác Nhã Thiền Sư ví con người sống giữa trần gian như con chim, con thú dính lưới thợ săn vây bủa khắp trên trời, đầy dưới đất (*thiên la địa võng*). Con người đi trong cõi trần như kẻ lạc vào trận đồ bát quái không tìm được lối thoát ra.

Trận đồ bát quái gồm có tám cửa (*bát môn*) mà chỉ có một cửa sống. Đó là tám cửa: *Hưu* (nghỉ ngơi), *Sinh* (sống), *Thương* (bị thương), *Đỗ* (lấp lại), *Cảnh* (cảnh ngộ), *Tử* (chết), *Kinh* (kinh sợ), và *Khai* (mở ra). Trong lúc con

người đang bị giam chặt giữa trận đồ bát quái không lối thoát thì lại còn bị rắn độc biết bay (*đăng xà*) lao tới tấn công. Rắn độc bò sát dưới đất đã đáng sợ rồi, nay rắn còn biết bay thì mạng người nguy hiểm biết chừng nào!

Chính con người trần gian là kẻ đang đương đầu với hoàn cảnh hiểm nguy đó. Nhưng tại sao lại bảo rằng con người đang bị yểm trấn trong trận đồ bát quái? Trận đồ bát quái chính là ngoại cảnh muôn hình vạn trạng nơi cõi thế gian khiến cho con người đảo điên điên đảo. Đó cũng chính là bài thi tiến hóa của con người. Đề thi này chỉ gồm vắn vẹn có hai chữ TÂM và CẢNH. Hễ thi rớt thì phải chịu trầm luân khổ ải nơi cõi trần lao; thi đậu thì được mời về Thiên quốc tức là cõi trời. Vậy, thế nào là thi rớt và thế nào là thi đậu? Đức Bác Nhã Thiền Sư dạy rõ:

*Đề thi chỉ có tâm và cảnh
Thắng chủ rồi vào Thánh lên Tiên
Để duôi buông thả tâm điên
Cảnh khi mê hoặc mất quyền tự do.*

Con người thi đậu khi biết tự làm chủ bản thân, không để cho ngoại cảnh cuốn lôi vào đường tội lỗi. Còn nếu con người để duôi buông thả tâm điên, để cho tâm bị cảnh mê hoặc, xúi giục con người gây bao điều oan trái thì xem như con người đã tự mình đánh mất quyền chủ nhân ông tức là mất quyền làm chủ, để cho ngoại cảnh tha hồ dẫn dắt vào lục đạo luân hồi, ấy là thi rớt.

Ở đời, muốn thành công khi làm một việc gì, con người đều cần phải hiểu rõ công việc mình làm, hoặc lúc muốn sử dụng một bộ máy thì cần phải nắm vững nguyên tắc vận hành của máy ấy.

⁽³⁾ Minh Lý Thánh Hội, 07-12 Nhâm Tý (10-01-1973).

Trong lãnh vực tu hành cũng thế. Con người muốn thi đậu ở cuộc thi Tâm và Cảnh thì cũng cần phải hiểu rõ mối liên hệ giữa Cảnh và Tâm.

Cảnh hay ngoại cảnh bao gồm hoàn cảnh, tình cảnh, quang cảnh, cảnh sắc, người khác, vật khác... nghĩa là cái hữu hình và vô hình, cái cụ thể và cái trừu tượng ở bên ngoài tâm.

Tâm biết những cảnh khác nhau xuyên qua sáu “cửa” là: *mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý*.

Sáu cửa đó là **lục căn**. Chữ Nho gọi là *nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn*.

Mỗi cửa (căn) “mở ra” cho ta nhận biết *một cảnh ở ngoại giới* (ngoại cảnh, cảnh bên ngoài thân ta). Mỗi một cửa (căn) có chức năng riêng để ta nhận biết một cảnh cụ thể. Nói khác đi, cảnh nào thì cửa (căn) đó. Do đó mà có **sáu cảnh hay lục trần**:

Sắc (hình ảnh cụ thể) đến với tâm qua mắt thấy.

Thính (âm thanh) đến với tâm qua tai nghe.

Hương (mùi) đến với tâm qua mũi ngửi.

Vị (vị) đến với tâm qua lưỡi nếm.

Xúc (cảm giác) đến với tâm qua thân (da thịt tiếp xúc).

Pháp (những tư tưởng, tình cảm) đến với tâm qua ý (nghĩ suy, xét đoán).

Mỗi một cảnh (trần) đi vào một cửa (căn) thì liền có cái biết của tâm.

Có sáu cảnh (lục trần) qua sáu cửa (lục căn) thì có sáu cái nhận biết khác nhau của tâm. Đó là **lục thức**. Thức là nhận biết. Chữ Nho gọi sáu cái biết đó căn cứ theo tên của

sáu cửa: *nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức*.

Từ sự nhận biết này, tâm con người mới phát sinh ra **lục dục** tức là sáu ham muốn của con người khi có sự giao tiếp giữa lục căn và lục trần. Tình trạng này cũng được gọi là đối cảnh sinh tình. Đây chính là nguyên nhân gần như khiến con người xa lìa bốn nguyên chơn tánh và đi vào lục đạo luân hồi khi lục dục thúc đẩy con người làm những điều trái với đạo lý, lương tâm.

Đức Chí Tôn dạy về những tác hại của lục dục như sau:

“Thất tình, lục dục là mối loạn hằng ngày ở trong tâm trí, không phương trừ khử. Một đám giặc liệt cường tài trí đánh phá ruộng trong núi cao non thẳm còn dễ trừ dẹp, chớ mối loạn nơi tâm khó mà diệt tận cho yên, nhưt là ma lục dục (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý) nó phá hại hằng ngày.

NHÃN thì ưa màu sắc tốt đẹp.

NHIỄ thì thích nghe những giọng nói tao nhã, thanh bai.

TỶ thì ưa mùi thơm, hơi ngọt.

THIỆT thích nếm vật lạ món ngon.

THÂN thì mến vợ đẹp hầu xinh, cả dục tình, còn dâm niệm.

Ý lại tư tưởng việc vất vả, quá quấy, mà nhưt là ý là mối hại cho con người.”⁽⁴⁾

Vậy, muốn ngăn ngừa sự tác hại của lục dục mà cũng chính là nguyên nhân khiến con người thì rớt phải sa vào

⁽⁴⁾ Đại Thừa Chơn Giáo. Bản in 2011, tr. 183.

khổ hải trầm luân, con người cần phải làm gì?

Theo Kinh Hoa Nghiêm: “Tất cả đều chỉ do tâm tạo ra” (*Nhất thiết duy tâm tạo*). Mà tâm tạo ra cái gì đều vì bị cảnh tác động tới tâm. Cái này có thì cái kia mới có, cái này diệt thì cái kia cũng bị diệt. Cho nên, để giải quyết vấn đề tương tác tương sinh giữa tâm và cảnh thì phải biết ngăn chặn (diệt) từ đầu mối.

Do đó, Đức Hà Tiên Cô dạy người tu phải bế lục căn:

*Đóng sáu cửa cho bền cho chặt,
Thì thất tình lục tặc khó xâm.*⁽⁵⁾

Theo Kinh Thánh Tân Ước, Chúa Giê-su dạy rằng phải ngăn chặn thủ phạm phát sinh tội lỗi từ gốc. Lời Chúa răn dạy rất quyết liệt như sau:

“*Nếu mắt phải của anh làm cớ cho anh sa ngã, thì hãy móc mà ném đi; vì thà mất một phần thân thể, còn hơn là toàn thân bị ném vào hỏa ngục.*” (Mát-thêu 5: 29)

Tuy nhiên, trong Cao Đài, Ở Trên “thông cảm” con người khó lòng làm theo Tân Ước cho nên Đức Quan Âm Bồ Tát chỉ khuyên bảo nhẹ nhàng rằng:

*Mắt phải ngó phải xem đúng lẽ
Mắt tránh nhìn ô uế phàm thân
Dục tâm ắt phải loạn thần
Xúi người lỡ bước sa chân lạc lăm.*

*Tai chớ lóng thì thắm to nhỏ
Lời đắng cay xiên xỏ người hiền
Dục lòng tội trạng lụy liên
Còn chi phẩm hạnh người hiền thế gian.*⁽⁶⁾

⁽⁵⁾ Bài khẩu khuyết dự bị sơ thiền.

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy rằng cần phải rèn luyện sáu căn thành những cường binh hùng tướng chặn giữ sáu cửa không cho ma lục dục, quỷ thất tình xâm chiếm nội tâm. Mỗi khi vọng niệm vừa萌 khởi phải lập tức diệt trừ ngay:

*Chính mình luyện cường binh chiến thắng
Chính mình làm cho dựng chủ nhân
Trong tay nắm vững thời thần
Sáu căn chớ để sáu trần nhiễm ô.
Sáu căn ấy ra vô đúng tiết
Là tướng hùng oanh liệt sáu phương
Dưới trên ngăn lũ ma vương
Đông tây nam bắc biên cương giữ gìn.
Không dấy động vì tình vì cảnh
Không đảo điên bốn tánh chơn tâm
Vọng duyên vừa muốn khởi mầm
Cường binh quét sạch khỏi lâm nghiệp trần.⁽⁷⁾*

Tâm và cảnh tương tác tương sinh

Sử sách chép rằng ngày nào Đức Khổng Tử đi viếng đám tang về thì ngày đó Ngài không vui, ăn không ngon. Đó là cảnh sinh tâm.

Sử sách còn chép rằng một ngày họ Đức Khổng Tử đang đánh đàn thì có cao đồ tinh ý nhận ra sự khác biệt, bèn hỏi sao hôm nay tiếng đàn của Thầy nghe không thanh thoát như mọi hôm. Đức Khổng Tử thú nhận trong lòng đang rối. Vậy là tâm sinh cảnh.

⁽⁶⁾ Hườn Cung Đàn, 29-5 rạng 01-6 Ất Tỵ (27-6-1965).

⁽⁷⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-3 Mậu Ngọ.

Thi hào Nguyễn Du viết: “*Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.*” Đó cũng là tâm sinh cảnh.

Thời gian một ngày ở đâu và lúc nào cũng chỉ có 24 giờ. Đó là thời gian khách quan. Nhưng khi lòng vui, người ta tiếc thấy thời gian qua mau. Khi nào nề, người ta ngán ngẩm thấy chờ hoài mà không hết ngày, đêm trần trọc thấy dài lê thê chẳng chịu sáng. Đó là thời gian chủ quan hay thời gian tâm lý.

Diễn tả thời gian tâm lý (tức là tâm sinh cảnh) có người viết:

*Ngày vui ngắn chẳng tày gang
Ngày sầu dài tưởng đến hàng mây thu.*

Hai người thương yêu nhau mà xa nhau và khổ đau thì Phật gọi là “ái biệt ly khổ”, ấy là cảnh sinh tâm. Đối với họ một ngày dài bằng ba năm, ấy là tâm sinh cảnh. Thế nên người Trung Hoa có câu: “*Nhất nhật bất kiến như tam thu sầu.*” (Một ngày không thấy mặt nhau dài như ba mùa thu sầu.)

Cảnh và tâm, tâm và cảnh nếu cứ mãi tương tác tương sinh thì con người cứ mãi lẫn lộn quẩn trong vòng khổ đau phiền não.

Vậy, muốn chấm dứt khổ đau, đoạn trừ phiền não, con người cần phải chặt đứt mối dây liên hệ giữa tâm và cảnh, tức là đạt đến chỗ đối cảnh mà không sinh tình hay “tâm là tâm mà cảnh là cảnh” như lời của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

“Tâm là tâm, cảnh là cảnh mới thiệt là thiên địa chi tâm. Nếu tâm bị cảnh chi phối như dòng thác lũ cuốn lôi bao nhiêu căn bã cuộc đời trôi theo cuộn cuộn, thì dầu tuổi đạo

là bao, tuổi đời là mấy chẳng nữa, có chi gọi là chơn thường chi tánh của người hành giả đang tìm đường để tự giải thoát và giải thoát cho cuộc đời.” ⁽⁸⁾

Như thế, trình độ tu luyện của con người không thể được xét theo tuổi đời hay tính theo số năm nhập môn cầu đạo mà phải xét trên sự làm chủ được cái tâm hay không.

Bốn chữ “*chơn thường chi tánh*” có nghĩa là tánh hằng thường, không biến dịch, không điên đảo. Khi tâm là tâm và cảnh là cảnh thì hành giả giữ được tánh chơn thường để tự cứu và cứu đời.

Nói thì dễ, nhưng hạ thủ công phu để đạt tới trình độ cao siêu “cảnh là cảnh và tâm là tâm” là cả một hành trình gian nan tu tập. Đạo học dạy người tu tuy không thể chối bỏ nhận thức về cảnh trần, nhưng phải biết rèn luyện để buông xả cho cảnh không sinh ra tâm, và tâm không quên theo cảnh. Đó cũng chính là lời dạy của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn về sự giải thoát:

“Khi đã quyết tâm giải thoát, dầu ở trong hoàn cảnh nào, ở thời kỳ nào, cũng có thể giải thoát được. Quyết tâm giải thoát là không để ngoại cảnh chi phối được tâm, không để tâm bị ràng buộc vào tứ tướng,⁽⁹⁾ lục trần. Bởi tứ tướng còn thì còn nhân ngã, chúng sanh, thọ giả; lục trần là bụi cát bám lấy lục căn dấy động không giờ tịnh khiết. (...)

Giải thoát mà Lão muốn nói nơi đây là giải thoát mọi ràng buộc, phá hết mọi sự chấp ngã, chấp nhơn, chấp đạo, chấp pháp. Tất cả đều không mới là giải thoát.

⁽⁸⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 15-3 Bính Thìn.

⁽⁹⁾ Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật dạy phải trừ *tứ tướng* là ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, và thọ giả tướng.

Đứng trước một xã hội tao loạn, người giải thoát phải tự giải thoát cái tao loạn ở tâm mình để biến hoàn cảnh hiện tại tao loạn trở thành an nhiên. Đó là giải thoát.

Đứng trước vật chất vinh hoa phú quý, danh lợi đầy đầy sáng chói, người tu học thiên đạo đại thừa phải nhắm vào sự sáng chói của tâm, sự tịch tĩnh của tâm, như núi Thái Sơn sừng sững trước gió loạn sấm chớp vẫn không lay chuyển. Đó là giải thoát.

Ở vào cảnh vinh sang phú túc, nệm ấm chăn êm mà tâm vẫn an nhiên thanh tịnh như ngồi trên nệm cỏ bồ, như uống nước suối trong veo, như ăn những quả đào ngon ngọt, không thấy tâm động vì có đó mà phải tha thiết, vì mất đó mà phải rối loạn. Đó là một giải thoát nữa.

Đứng trước nghịch cảnh trái ngang, nhưng tâm vẫn thấy như ngồi trên bàn thạch, hoặc ở chỗ thanh thoát bao la để biến hoàn cảnh ấy như gió thoảng, như mây bay tự tại không ngừng nghỉ. Đó cũng là một phương giải thoát.

Ở vào hoàn cảnh bị động vì các lý do sống còn nhưng tâm vẫn an nhiên thanh tịnh để sáng suốt giải quyết mọi vấn đề như cá trong nước, như rồng trong mây, có thể hòa hợp tâm linh trong vũ trụ, cho tâm khỏi dao động mới hòa mình với nếp sống hiện tại, từ việc to tát đến việc nhỏ nhen vẫn là một con số không trong cái có. Đó cũng là phương giải thoát.”⁽¹⁰⁾

Tâm và cảnh là một bài thi quá khó

Lời dạy của Đức Bác Nhã Thiền Sư nghe có vẻ thật đơn giản: *Đề thi chỉ có tâm và cảnh*. Nhưng đề thoát ra khỏi sự

⁽¹⁰⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 10-6 Bính Thìn.

buộc ràng tâm và cảnh lại khó như Tề Thiên nằm dưới núi Ngũ Hành Sơn. Vì thế mà có rất nhiều người dự thi nhưng cũng có quá nhiều người thi rớt, phải chịu luân hồi.

Ngay từ buổi đầu khai Đạo, Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ đã cảnh giác các con cái của Ngài như sau:

“Thầy nói cho các con hiểu trước rằng cả môn đệ Thầy đã lựa chọn, lọc lựa còn lối nửa phần vì Thầy cho yêu quá lấy danh Thầy mà cảm dỗ. Cười... Bị [cảm dỗ] bao nhiêu đều mất bấy nhiêu. Các con chớ buồn vì Thiên cơ phải vậy. Thi nhiều đậu ít là lẽ hằng.”⁽¹¹⁾

Tuy nhiên, người thi rớt đừng quá bi quan rồi buông trôi. Phải chấp nhận thi lại. Đức Bác Nhã an ủi, hễ cố gắng thì con người cỡi lột cù⁽¹²⁾ mà bay vút lên trời cao:

*Chúng sanh trong cõi trần tù
Một khi giác ngộ cỡi cù lên mây.*

Tóm lại, người tu nên luôn nhớ rằng lúc nào mình cũng đang dự thi 24/24 giờ, để thực hành câu sách *Trung Dung*: “*Đạo bất khả tu du ly dã*”, có nghĩa là không được xa rời Đạo dù chỉ trong khoảnh khắc. Thông thường, mình thi rớt rồi mới tỉnh ngộ là vừa được chấm thi, chứ đang lúc Ôn Trên chấm thi thì mình không đề!

Vì đề thi chỉ có tâm và cảnh mà cảnh thì muôn hình vạn trạng nên không ai có bài thi giống ai. Mỗi người có một bài thi riêng. Kẻ tham danh có bài thi khác người tham tiền. Kẻ rụt rè có bài thi khác người hiếu thắng. Thậm chí người

⁽¹¹⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, Quyển 1, đàn 29-6 Bính Dần.

⁽¹²⁾ Cù: Rồng nằm dưới đất. Theo dân gian, mỗi khi cù cựa mình thì gây ra động đất.

niệt thành với Đạo cũng được nhận bài thi riêng để xét xem cái lửa niệt thành đó là lửa rơm hay lửa thật, và lòng niệt thành đó là vô ngã thuần chơn hay chỉ do bản ngã dục vọng.

Nếu quả như thế, thì lấy đâu là “bài bản” để người tu luyện thi?

Cái bài bản luyện thi cho đề thi tâm và cảnh phải chăng nằm trong bốn chữ “*khắc kỷ tu công*” của Đức Đông Phương Lão Tổ:

“Đạo là tự do tự tại. Muốn được tự do tự tại, người Thiên ân sứ mạng phải biết hoàn thiện, tự giác ngộ trước mọi hoàn cảnh biến thiên của thế sự, của nhân tâm. Khắc kỷ tu công để răn dè những ngộ rẽ bên đường Đại Đạo khi vọng niệm còn sanh...”⁽¹³⁾

Nếu người tu vận dụng bốn chữ vàng “khắc kỷ tu công” mà còn yếu kém công lực trước ma cảnh trần gian, thì Đức Bắc Nhã Thiên Sư ban thêm cho sáu chữ nữa là “*Đại hùng, đại lực, đại bi*”. Đức Bắc Nhã Thiên Sư dạy:

*Vượt trên tất cả những gì
Đại hùng, đại lực, đại bi thoát trần.*

Đại hùng, đại lực là sức mạnh tối đa của bản thân để vượt qua muôn vàn cám dỗ, chế ngự tất cả sa ngã yếu lòng.

Còn *đại bi* là trước hết hãy biết kính sợ bao kiếp luân hồi của mình mà hết sức thương xót lấy chính bản thân mình để ráng tự thắng nội tâm và ngoại cảnh ngộ hầu có thể làm bài thi tâm và cảnh cho trót lọt. Đức Mẹ khuyên con cái:

“Thương thân con ráng lo tu.”

⁽¹³⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-01 Quý Hợi.

Tám phương cách để tâm được an định

Chúng ta có thể tóm tắt các phương cách mà Ôn Trên đã dạy cho người môn đệ Cao Đài trong thời Tam Kỳ Phổ Độ để tâm không bị điên đảo trước ngoại cảnh cuốn lôi:

1. Bế lục căn và diệt trừ vọng duyên ngay từ lúc khởi mầm.

Như đã trình bày ở trên.

2. Chuyển lục dục thành lục thông, thất tình thành thất bửu.

Các bậc Thánh Nhân cũng có thất tình lục dục như những con người bình thường, tuy nhiên những ham muốn và tình cảm của các Ngài đều được đặt để trong khuôn khổ đạo đức và hướng về đại chúng. Do đó, lục dục và thất tình của các Ngài không gây ra khổ đau và phiền não. Đức Vạn Hạnh Thiên Sư dạy:

“Thánh xưa cũng vẫn có thất tình lục dục như người thời nay, nhưng Thánh xưa biết sử dụng, điều khiển những thất tình lục dục ấy đúng chỗ đúng lúc và hợp hoàn cảnh. Thánh xưa vui với cái vui nội tâm thích hợp đạo lý, giận với cái giận của bậc siêu nhân, thương với lòng thương của hàng thánh thiện, sợ với cái sợ của bậc trí tri, yêu với tình yêu của Đấng Tạo Hóa, ghét với cái ghét của bậc hiền nhân, muốn với lòng ham muốn của người đạo đức. Như thế mới gọi là mừng vui giận ghét yêu sợ muốn của bậc siêu nhân.

Mừng là tự thấy mình có ý nghĩ, lời nói và hành động có tác dụng vào sự tế nhân lợi vật.

Vui là vui vì đã làm được những việc giúp đời.

Giận là giận khi thấy lòng chưa được thanh tịnh hoặc ý nghĩ lời nói việc làm không thuận Thiên hòa nhân, tự khắc kỷ để tự hậu không còn tái diễn.

Ghét là ghét những điều trái đạo lý luân thường, nhân nghĩa mà không hề nghĩ đến, nhìn đến, nói đến và làm đến.

Sợ là sợ những hành động trái với đạo đức, trái với lòng Trời, chớ không phải sợ dư luận khen chê, tán tụng.

Có điều khiển, làm chủ, hướng dẫn được thất tình thì chúng nó sẽ ngoan ngoãn tuân theo rồi lần hồi trở thành thói quen.

Biết tận dụng điều khiển thất tình, chúng sẽ trở nên thất bửu là bảy món báu vô giá để làm tá phù hữu bất, tiền xung hậu kích trước mọi cảnh ngộ đảo điên, và chúng sẽ giúp trở lại chủ nhơn ông được trọn vẹn trên đường thánh thiện.

Còn qua lãnh vực lục dục, lục căn cũng thế. Hãy điều khiển sai khiến chúng phải tuân theo, làm theo chủ nhơn ông. Cũng thời chúng nó, nếu chủ nhơn ông biết tận dụng, chúng sẽ trở nên hàng trung thần thân tín. Nếu ngược trở lại, không biết tận dụng điều khiển chúng thì chúng sẽ trở nên đấm nghịch thần, phá hoại ngăn cản mọi bước tiến trên đường thánh thiện.

Lục dục, lục căn biết luyện thì chúng sẽ trở nên lục thông, đưa chủ nhơn ông đến hàng Tiên Phật. Ngược lại, chúng sẽ làm lục tặc rồi dẫn dắt kéo trì chủ nhơn ông trở xuống lục đạo luân hồi hoặc sa tăng, ngạ quỷ.”⁽¹⁴⁾

3. Làm ngơ trước ngoại cảnh.

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn khuyên người tu hãy

⁽¹⁴⁾ Minh Lý Thánh Hội, 08-9 Kỷ Dậu (18-10-1969).

tập làm ngơ trước ngoại cảnh để gìn giữ một tâm không.

Hãy học hãy tu rồi sẽ hiểu

Bao nhiêu ngoại cảnh cứ làm ngơ

Ngơ tai ngơ mắt lại ngơ lòng

Tất cả đem về một tánh không

Có đó thì làm, làm chẳng có

Ba ngàn thế giới mới tinh thông.⁽¹⁵⁾

Tất nhiên, chúng ta hiểu rằng không phải Ngài bảo chúng ta làm ngơ trước bao cảnh khổ của chúng sinh mà chính là làm ngơ trước những ngoại cảnh quyền rũ con người vào đường ác nghiệp. Thậm chí, trước cảnh khổ của chúng sinh, người tu động lòng trắc ẩn để ra tay cứu độ nhưng với lòng vô tư, vô danh, vô cầu.

4. Cẩn tâm hay thận độc.

Người tu chẳng khác nào một khách bộ hành đang bước trên một chiếc cầu làm bằng thanh ván mỏng hay một chiếc cầu tre lắt léo không tay vịn, chỉ cần một khoảnh khắc sơ sẩy là té ngã. Do đó, Đức Đông Phương Chưởng Quân khuyên hành giả phải cẩn tâm hay thận độc (lúc ở một mình cũng phải thận trọng không phạm lỗi); như thế vừa giữ được danh thơm ở đời vừa cận kề ngôi Tiên vị Phật:

Các Giáo Tổ chỉ tâm làm gốc

Minh tu tồn thận độc làm nền

Ở trần đã vẹn tuổi tên

Thánh Hiền Tiên Phật kẻ bên khó gì.⁽¹⁶⁾

“Nếu muốn các pháp được sáng chói, trước hết phải cẩn

⁽¹⁵⁾ Vĩnh Nguyên Tự, 11-6 Bính Thìn.

⁽¹⁶⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-6 Canh Thân.

tâm. Tâm không thì pháp sanh, tâm động thì pháp điên đảo. Chỉ bao nhiêu đó là bí quyết của người tu luyện để lên các bậc đạo quả.”⁽¹⁷⁾

5. Trau dồi đạo hạnh, tác phong.

Người xưa nói: “Đức trọng quý thân khâm.” Do đó, người tu càng cố gắng trau dồi đạo đức, càng dễ dàng chiến thắng được mọi sự khảo thí từ nội tâm đến ngoại cảnh. Càng lên một lớp cao, bài thi càng khó. Đức Đông Phương Chưởng Quân dạy:

“Chư hiền đệ muội phải trau dồi đạo hạnh, tác phong. Cứ lên một lớp là phải chịu một sự thử thách gay go. Bản Đạo nói thế để chư hiền đệ muội nên ý thức trước khi bước trên con đường Thiên đạo đại thừa.”⁽¹⁸⁾

6. Cần phải làm thêm công quả bố thí.

Làm công quả bố thí để giải bớt nghiệp thân vì nghiệp thân cũng là nguyên nhân sinh ra những chướng ngại cả về nội tâm lẫn ngoại cảnh làm cản trở bước đường tu học của hành giả. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

“Chư đạo hữu thử kiểm điểm lại một điều rất nhỏ này sẽ thấy có trong lòng mỗi người: Hằng ngày, sắp tới giờ lễ bái hoặc tham thiền, trong lúc đó những gì sẽ xảy đến cho mình? Bên trong nội tâm, cơ thể có khi nghe uể oải, nhức đầu nóng lạnh, có lúc bụng đói, có lúc lười biếng vô cùng. Còn ngoại cảnh thì thường gặp khách đến, vì nề tình phải nán lại ít khắc, hết tiếp người này đến người khác, rồi giờ lễ bái tham thiền trôi qua không đúng giờ giấc. Đó là chưa

nói đến người thân xảy ra bạo bệnh phải chạy thuốc kiếm thầy, v.v...

Chư đạo hữu thấy chưa? Từ nội tâm cho đến ngoại cảnh diễn biến luôn luôn, làm ngăn trở đường tu không ít. Người càng gặp nhiều sự xảy đến là người còn quá nặng nghiệp chướng tiền khiên, phải ráng lo. Ngoài sự tu kỹ, phải làm thêm sự bố thí là tài thí, pháp thí, vô úy thí, tùy theo hoàn cảnh sở hữu sở năng, sở đoán sở trường của mỗi người.”⁽¹⁹⁾

7. Công phu tu luyện.

Có thể nói công phu là phương pháp tối ưu giúp hành giả an định nội tâm trước ngoại cảnh biến thiên lôi cuốn. Đức Giáo Tông Đại Đạo dạy:

“Muôn vàn sự quyến rũ thử thách đe dọa đang vây quanh chư đệ. Công phu là phép báu để chư đệ gìn giữ thân tâm khỏi lạc lầm sa đọa.”⁽²⁰⁾

Đức Mẹ cũng dạy:

Công phu ấy thượng thừa tâm pháp
Trị bệnh đời đa tạp biến sanh
Tâm con đồng mãnh chí thành
Đào sâu gốc rễ, ngọn ngành còn đâu.
Tình thức đoạn, não sầu cũng đoạn
Vọng trần không, bệnh hoạn cũng không
Quy về một chủ nhơn ông
Thanh nhàn, thanh tịnh, ngoài trong vẹn toàn.⁽²¹⁾

⁽¹⁹⁾ Minh Lý Thánh Hội, 08-9 Kỷ Dậu (18-10-1969).

⁽²⁰⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-02 Giáp Tý.

⁽²¹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-8 Nhâm Tuất.

⁽¹⁷⁾ Thiên Lý Đàn, 20-10 Kỷ Dậu (29-11-1969).

⁽¹⁸⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-6 Canh Thân.

8. Phải luôn cầu nguyện.

Luôn cầu nguyện để nhận được sự tiếp sức của Thiên Liêng ngỗ hầu có đủ đại hùng, đại lực, đại bi mà vượt qua mọi sự khảo thí của nội tâm và ngoại cảnh trong kỳ thi cuối cùng này.

Sau cùng, người hành giả còn phải công phu tu luyện đến mức thượng thừa, tức là đạt đến chỗ tâm cảnh dung thông vô ngại, tâm chẳng những không bị ngoại cảnh lay chuyển, trói buộc mà trái lại tâm còn có khả năng chuyển hóa ngoại cảnh từ loạn thành trị. Đó cũng chính là bức tranh cuối cùng (Thông Tay Vào Chợ) trong bộ tranh *Chấn Trâu* của thiền môn vậy.

DIỆU NGUYÊN

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý



Thông Tay Vào Chợ (tranh *Chấn Trâu* số 10)



Chậm lại đi
Chậm lại đi
Vàng trắng đêm ấy có gì vội đâu
Bàn tay đón nhận mưa châu
Hạt nào đọng lại, hạt nào lọt tay
Nhẹ nhàng qua tiếng đêm ngày
Thở ra như có, hít vào như không
Thấy ta làm một vô cùng
Trôi từ cái thuở hồng môn trôi về
Thấy ta không tỉnh không mê
Không quên không nhớ, không về không đi
Trong không ấy biết có gì
Thình thình như thể điều chi nhủ thầm
Bùng lên ngọn lửa từ tâm
Sáng lên trong cõi đăm đăm phận người
Chậm chậm thôi
Chậm chậm thôi
Cho theo kịp với bước đời xa xăm

NGUYỄN QUỐC HUÂN
Thánh thất Trung Nam

CHÓ CẢN LỮ ĐỘNG TÂN

HUỆ KHẢI

Lữ Động Tân là một trong tám vị tiên (Bát Tiên), theo thứ tự như sau:

1. Chung Ly Quyền. Ngài họ Chung Ly, tên Quyền, cũng gọi là Hán Chung Ly vì sống vào đời Hán; tự là Tịch Đạo; hiệu là Vương Dương Tử và Vân Phòng Tiên Sinh.

2. Trương Quả Lão.

3. Lữ Động Tân. Người Việt thường gọi sai là Lữ *Động* Tân. Theo đạo Lão, *động* không phải chỉ là hang động thông thường trong núi. Nơi tiên ở gọi là *động phủ*. Nhiều cuộc lễ quan trọng của đạo Lão xưa kia đã được tổ chức trong hang động. *Động* hiểu là cõi tiên; *Tân* là khách (bộ phận tiếp khách gọi là lễ tân, tiếp tân). Vậy, *Lữ Động Tân* nghĩa là *người khách họ Lữ ở động*, ám chỉ người cõi tiên.

4. Tào Quốc Cửu. Ngài họ Tào, tên Cảnh Hưu. Ngài là em trai của Tào Hậu, mà Tào Hậu là vợ vua Tống Nhân Tông, tức là mẹ vua Tống Anh Tông. Xét về vai vế, ngài là em vợ Tống Nhân Tông và là cậu của Tống Anh Tông. Theo người Hoa, anh hay em của mẹ và anh hay em của vợ đều gọi là *cữu*, cũng như người miền Nam gọi là *cậu*. Bởi vì ngài thuộc hoàng tộc nên được gọi là Quốc Cửu, ghép với họ gọi là Tào Quốc Cửu. Người Việt thường gọi sai là Tào Quốc *Cưu*.

5. Lý Thiết Quả, cũng gọi là Thiết Quả Lý. Ngài họ Lý, tên Huyền, thường chống gậy sắt. *Thiết Quả* nghĩa là cây gậy sắt, nhưng người Việt thường gọi sai là Lý Thiết *Quài*.

6. Hàn Tương Tử, tự là Thanh Phu.

7. Lam Thái Hòa, người Việt thường gọi sai là Lam *Thế* Hòa.

8. Hà Tiên Cô.

Trong số Bát Tiên, vị thứ ba là Đức Lữ Động Tân, thường gọi là Lữ Tổ.

Thế kỷ trước, ở Sài Gòn có nhà xuất bản danh tiếng Tín Đức Thư Xã chuyên in truyện Tàu, trong đó có tiểu thuyết *Đông Du Bát Tiên*, do Tô Chấn dịch (1950), kể lại tiểu sử Đức Lữ Tổ và bảy vị trong nhóm với nhiều hư cấu ly kỳ.

Theo sách vở truyền lại, Đức Lữ Tổ họ Lữ; tên *Nham*. Có sách bảo tên là *Thiệu Tiên*. Ngài có rất nhiều hiệu như: *Thuần Dương Tử Sư*, *Thuần Dương Tử*, *Hồi Đạo Nhân*, *Hồi Đạo Sĩ*, *Phù Hưu Đế Quân*...

Ngài sinh đời Đường, nhưng có sách bảo là năm 646, hoặc 755... Nơi sinh là huyện Vĩnh Lạc, phủ Hà Trung (sau này là Vĩnh Tế, tỉnh Sơn Tây). Có sách bảo quê ở Đông Bình hoặc Bồ Bản, thuộc Kinh Xuyên. Các sách chép chẳng giống nhau về tên cha mẹ ngài, về việc ngài độc thân hay có vợ, đã thi đậu làm quan hay thi rớt nhiều phen.

Ngài là học trò Đức Chung Ly Quyền (thường gọi là Chung Tổ). Hai thầy trò cùng đứng trong hàng Bát Tiên, và kinh sách đạo Lão thường nhắc chung cả hai vị, gọi là Chung Lữ Nhị Tổ.

Đọc *Thất Chân Nhân Quả*, chúng ta biết thêm hai vị Tổ Sư này đã truyền đạo cho Vương Trùng Dương rồi sau đó Vương Tổ truyền đạo cho bảy học trò (sáu nam, một nữ) ở tỉnh Sơn Đông, thế là hình thành nhóm Toàn Chân Thất Tử

và phái Toàn Chân ra đời, rất thịnh ở Trung Quốc.

HUYẾN THOẠI VỀ LỮ ĐỘNG TÂN

1. Giấc mộng kê vàng

Tiểu thuyết *Đông Du Bát Tiên* kể tỉ mỉ rằng năm sáu mươi bốn tuổi ngài Lữ gặp Đức Chung Tổ ở Trường An. Trong lúc Tổ nấu nồi kê vàng, ngài Lữ nằm ngủ trên gối phép của Tổ, mơ thấy mình thi đậu, làm quan tới chức thừa tướng, cưới vợ, có con cháu, rồi phạm lỗi nên bị triều đình trị tội, bắt lưu đầy, gia sản bị tịch biên...

Ngài Lữ giật mình tỉnh dậy thấy nồi kê nấu vẫn chưa chín. Ngẫm lại, thấy rằng bao nhiêu vinh hoa phú quý, thăng trầm kiếp người, tất cả chỉ thoáng qua như một giấc mộng, còn ngắn ngủi hơn cả thời gian nấu chín một nồi kê, ngài Lữ giác ngộ lẽ vô thường, chán chường tuồng ảo hóa, liền xin theo Đức Chung Tổ học đạo Tiên.

Do tích này, để ám chỉ chuyện công danh phú quý thế gian chỉ là hư ảo, phù du, trong văn học có thành ngữ *giấc mộng hoàng lương, giấc mộng kê vàng* (*hoàng lương mộng*).

2. Đức Chung Tổ thử thách ngài Lữ

Thờ mới đi tu, ngài Lữ được thầy là Chung Tổ bày ra đủ cách thử thách. Truyện *Đông Du Bát Tiên* chép rõ mười cảnh ảo do Đức Chung Tổ hóa ra để làm đề thi luyện kỹ thử thách học trò. Lược kể tám đề thi trong số đó như sau:

- Ngài Lữ thấy toàn gia quyến bị bệnh dịch chết hết mà không hề oán trời trách đất.
- Bị người mua gian bán lận mà không buồn giận.

- Cho tiền kẻ xin ăn, bị họ chê ít và mắng nhiếc mà vẫn tươi cười.

- Gặp gái trẻ đẹp là loi, rù quén mà không động lòng dâm.

- Bị trộm ăn cắp hết của; rồi cuốc đất gặt vàng ròng mà thần nhiên không thêm nhột.

- Mua đồ đồng, người bán đưa lộn vàng thật, liền đem trả lại.

- Bị nạn lụt lớn mà không kinh hãi.

- Không chịu học phép chỉ đá hóa vàng, vì biết sau này vàng ấy sẽ trở lại thành đá, làm tổn hại người xài vàng giả.

Những thử thách kể trên, đặc biệt là thử thách đầu tiên (thấy toàn gia quyến bị bệnh dịch chết hết mà không hề oán trời trách đất) khiến chúng ta nhớ *Cựu Ước* chép chuyện ông Gióp ở đất Út là người vẹn toàn và ngay thẳng, kính sợ Thiên Chúa và lánh xa điều ác. Xatan nói với Đức Chúa:

“Ngài cứ thử giờ tay đánh vào mọi tài sản của nó xem, chắc chắn là nó nguyện rửa Ngài trắng mặt!” (Gióp 1:11)

Được Thiên Chúa cho phép, Xatan bèn ra tay thử thách ông Gióp. Trong một ngày, ông liên tiếp nghe bốn tin dữ:

- Dân Sova cướp hết bò và lừa, người làm của ông bị giết.
- Chiên và dê cùng một số người làm bị chết cháy.
- Người Candê cướp lạc đà, giết người làm của ông.
- Con trai và con gái ông đang ăn tiệc thì nhà sập đè họ chết.

Trước bốn việc dữ xảy đến dồn dập, ông Gióp vẫn không

một lời trách móc, không hề phạm lỗi với Thiên Chúa.

3. Vẽ hạc trả nợ

Tiểu thuyết *Đông Du Bát Tiên* kể rằng Đức Lữ Tổ đến thành Nhạc Dương uống rượu ở quán Tân Thị nửa năm, không hề bị chủ quán đòi tiền. Để trả nợ, Tổ hóa phép vẽ hình chim hạc trên vách, dẫn chủ quán khi có khách tới nhậu thì vỗ tay, hạc sẽ bay ra múa, hết khách thì hạc lại nhập vào tranh trên vách. Vài năm sau, Tổ quay trở lại, chủ quán đã quá giàu. Tổ lấy sáo thổi, hạc nhảy ra chờ Tổ bay đi mất.

Giai thoại hạc múa ấy có lẽ trùng lặp với một truyền thuyết khác về ông tiên Phí Văn Vi. Vị này thường cỡi hạc đến chơi trên một cái lầu ở phía tây huyện Vũ Xương, tỉnh Hồ Bắc. Lầu ấy vì thế được gọi tên là lầu Hoàng Hạc.

Đời Đường, nhà thơ Lý Bạch đến đây chơi, thấy phong cảnh xinh đẹp, muốn làm một bài thơ, nhưng lại thôi, chỉ lưu hai câu ngắn:

*Nhãn tiền hữu cảnh đạo bất đắc,
Thôi Hiệu đề thi tại thượng đầu.*

(Trước mắt có cảnh đẹp mà không tả được,
Trên đầu đã có Thôi Hiệu đề thơ rồi.)

Là hai nhà thơ đồng đại, Lý Bạch (701-762) và Thôi Hiệu (704-756) cùng vang danh từ đời Đường. Trong hai câu thơ trên, Lý Bạch ám chỉ bài *Hoàng Hạc Lâu* nổi tiếng của Thôi Hiệu, sau này được Tân Đà (1888-1939) dịch ra lục bát rất tài với bốn câu đầu như sau:

*Hạc vàng ai cưỡi đi đâu,
Mà nay Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ.*

*Hạc vàng đi mất từ xưa,
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay...*

4. Thần tích

Đức Lữ Tổ hành tung ẩn hiện, biến hóa khôn lường, tuy đắc đạo rồi vẫn nguyện thăng giáng nơi cõi trần ô trược để tìm cơ duyên độ dẫn người có thiện căn bước vào đường tu tiên giải thoát. Trải qua Đường, Tống, Nguyên các đời, Đức Lữ Tổ hiển hiện nhiều linh dị, dân chúng sùng bái, lập miếu thờ, lưu truyền nhiều kỳ tích huyền bí. Đời Thanh quy định nghi thức hành lễ tôn kính Ngài theo đẳng Đế Quân.

Uy linh của Đức Lữ Tổ còn ảnh hưởng sang Việt Nam. Giữa lòng Hà Nội, xưa là kinh thành Thăng Long, trên hồ Hoàn Kiếm (hay hồ Gươm) là đền Ngọc Sơn danh tiếng. Lúc đầu đền này thờ Đức Quan Thánh Đế Quân, sang thế kỷ 19 thì thờ thêm Đức Văn Xương Đế Quân, rồi sau lại thờ thêm Đức Phù Hựu Đế Quân (Lữ Tổ).

Ngoài ra, vì xuất thân là nho sĩ, Đức Lữ Tổ còn được người Trung Quốc tôn làm thánh tổ của nghề làm mực. Có sách bảo ngài là tổ của giới nho sĩ, mặc dù nhiều truyền thuyết chép rằng lúc chưa tu, ngài thi đậu rớt đó!

Dân gian Trung Quốc thường minh họa Đức Lữ Tổ cầm phát trần hay phát chủ. Đây là một bảo bối của đạo Tiên, thế nên phát trần cùng với kinh Xuân Thu của Nho Giáo, bình bát (patra) của Phật Giáo được đạo Cao Đài gộp lại làm biểu tượng chung cho Tam Giáo.

Hoặc vẽ ngài đeo kiếm sau lưng như kiếm khách. Truyền thuyết cho rằng Đức Lữ Tổ rất giỏi kiếm pháp, ngài luôn mang gươm đi trừ yêu diệt quái.

5. Tôn hiệu

Tôn hiệu *Phù Hựu Đế Quân* của Đức Lữ Tổ có lẽ xuất phát từ tôn hiệu *Thuần Dương Diễn Hóa Cảnh Hóa Phù Hựu Đế Quân* mà vua Nguyên Vũ Tông đã hiển Tổ vào năm Chí Đại thứ ba (1310).

Hai đời vua trước cũng hiển ngài hai tôn hiệu khác:

- *Diệu Thông Chân Nhân*: do vua Tống Huy Tông hiển vào năm 1119, có sách bảo là năm 1115.

- *Thuần Dương Diễn Chính Cảnh Hóa Chân Quân*: do vua Nguyên Thế Tổ hiển vào năm 1269.

Ngoài ra, theo một bản kinh *Cảm Ứng* dùng trong đạo Cao Đài (phái thiên Chiếu Minh), thì Đức Lữ Tổ còn có tôn hiệu là *Ngọc Hư Sư Tướng*, *Kim Khuyết Tuyền Tiên*, *Phù Hựu Đế Quân*, *Diệu Đạo Thiên Tôn*.

Trong bản kinh *Lữ Tổ Bửu Cáo* của đạo Lão Trung Quốc, lại thấy ghi tôn hiệu ngài là *Ngọc Thanh Nội Tướng*, *Kim Khuyết Tuyền Tiên*. Tôn hiệu này cho thấy ngài có vai trò và tầm quan trọng rất lớn:

(1) *Ngọc Hư Sư Tướng*: ngài là tướng sủy của cung Ngọc Hư (nơi Trời ngự).

(2) *Ngọc Thanh Nội Tướng*: ngài là tướng sủy của cung Ngọc Thanh. (Đạo Lão có Tam Thanh gồm: Ngọc Thanh là nơi ngự của Nguyên Thủy Thiên Tôn, Thượng Thanh là nơi ngự của Linh Bảo Thiên Tôn, Thái Thanh là nơi ngự của Đạo Đức Thiên Tôn tức Lão Tử.)

(3) *Kim Khuyết Tuyền Tiên*: ngài là giám khảo xét tuyển những bậc chọn tu xứng đáng để sau đó họ được Đức Thượng Đế sắc phong vào phẩm Tiên nơi Huỳnh Kim

Khuyết (cung Trời).

(4) *Phù Hựu Đế Quân*: ngài là bậc Đế Quân linh hiển, dân chúng rất tin cậy ở sự che chở, bảo hộ của ngài (*Phù*: được tín nhiệm; *Hựu*: bảo hộ, phù hộ).

(5) *Diệu Đạo Thiên Tôn*: ngài là đáng được coi trời tôn kính là bậc đạo pháp huyền diệu.

6. Tác phẩm

Nhiều bậc hành giả tu đơn, chuyên về tâm pháp (thiền) thường không muốn lập ngôn (viết sách). Trái lại, Đức Lữ Tổ dù coi trọng tu thiền, ngài vẫn tích cực nhập thế phổ độ và hăng say trứ tác để giáo hóa. Điều đó giải thích vì sao xưa nay ngài đã là một tên tuổi lừng lẫy của đạo Lão Trung Quốc.

Tác phẩm của Đức Lữ Tổ để lại cho đời khá nhiều, được chép trong *Đạo Tạng Tập Yếu*, một số có thể do đời sau ngụy tạo, một số do cơ bút Đạo giáo dân gian. Lược kể một số tác phẩm chính như sau: (1) *Bách Ván Thiên*; (2) *Bí Truyền Chính Dương Chân Nhân Linh Bảo Tắt Pháp*; (3) *Chỉ Huyền Thiên*; (4) *Cửu Chân Ngọc Thư*; (5) *Linh Bảo Thiên*; (6) *Phá Mê Chính Đạo Ca*; (7) *Thập Giới Công Quá Cách*; (8) *Truyền Đạo Thượng Thiên*; *Trung Thiên*; *Hạ Thiên*; (9) *Trừu Hựu Tam Thành Thiên*, v.v...

CẤU GIẢO LỮ ĐỘNG TÂN

Qua phần trình bày khái lược về nhân vật Lữ Động Tân như trên, chúng ta thấy ngài là một Đại Tiên danh tiếng, có tầm ảnh hưởng rất lớn trong đạo Lão Trung Quốc. Một Đại Tiên đứng vào hàng Tổ Sư như Đức Lữ Tổ mà bị... chớ căn (*cấu giáo*)! Thế là sao?

Lữ Động Tân



Chó cắn Lữ Động Tân
(tranh dân gian Trung Quốc)

Thật ra, không có một điển tích hay giai thoại nào nói về việc này. Nhưng trong ngôn ngữ Trung Quốc từ xưa đã có câu nói cửa miệng “Cẩu giáo Lữ Động Tân” rồi, và được áp dụng cho nhiều tình huống mà những người tốt, tài đức bị thế gian rẻ rúng, ngược đãi, ám hại...

Chẳng hạn, chúng ta biết bình sinh Đức Khổng Tử luôn bị vua chúa bạc đãi, không tin dùng chính trị vương đạo của ngài. Có lúc ngài và nhóm môn đệ còn bị kẻ dữ vây khốn ở nước Trần, nước Thái, phải chịu nhịn đói luôn sáu bảy ngày... Chúng ta cũng biết trong *Sử Ký* của Tư Mã Thiên (145-86 trước Công Nguyên), ở chương *Khổng Tử Thế Gia* có chép lời người nước Trịnh bảo rằng Đức Khổng trông giống như “con chó nhà có tang / tang gia chi khuyến”. Khi nghe kể lại những chuyện không vui như thế, nếu

thông cảm và thương Đức Khổng Tử, người Trung Quốc có thể than: “Ôi! Cẩu giáo Lữ Động Tân!”

Đức Khổng Tử không phải là trường hợp duy nhất bị người đời bạc đãi trên đường truyền đạo của ngài. Chúng ta biết chuyện Đức Phật trong lúc đang hoằng pháp từng bị kẻ xấu cho voi dữ tấn công, lén lẩn đá từ trên núi xuống, bị bỏ thuốc độc trong cơm để mưu sát, bị đàn bà độn bụng giả làm kẻ mang bầu rồi đi thẳng vào chỗ Phật đang giảng đạo mà lu loa vu khống!



Người đàn bà độn bụng giả mang bầu đang vu cáo Đức Phật.

Đức Giêsu thì sao? Chúa bị quân dữ đánh đòn, bị đội vòng gai, bị khạc nhổ, bị đánh vào đầu, bị giễu cợt, bị đem đóng đinh trên thập giá giữa hai tên cướp... (Matthêu 27:26, 29, 30, 38).

Ngày xưa (thời Nhị Kỳ Phổ Độ), Đức Khổng, Đức Phật,

Đức Chúa nào có “tội tình” gì! Các Đấng chỉ đem hết tình thương và trí tuệ siêu việt ra giáo hóa, cứu độ chúng sinh mà thôi. Thế nhưng các Đấng đều bị bách hại (persecuted), không có ngoại lệ. Các Đấng đều ở vào nghịch cảnh “chó cắn Lữ Động Tân”.

Ngày nay, trong Tam Kỳ Phổ Độ vẫn không khác. Mùa xuân năm Tân Sửu, mừng 2 Tết (16-02-1961), trước nỗi niềm tâm sự “Lữ Động Tân bị chó cắn” của một số bậc hướng đạo chân tu trong đạo Cao Đài, Đức Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn giáng cơ tại Chơn Lý Đàn (Vạn Quốc Tự, quận 3, Sài Gòn) để an ủi và ban lời dạy như sau:

“Giờ phút này, Mẹ chan rưới phước lành cho mỗi trẻ được mát mẻ tâm linh, minh quang trên đường sứ mạng. Mẹ mong mỗi con sẽ tận hưởng được những phút vui tươi trong cửa Đại Đạo. Sự vui tươi của các con hẳn là về tinh thần, chứ xác thịt các con phải chịu nhiều đau thương, tiếng nặng lời cao.

“Các con không nên nản dạ khi con gặp điều gì chẳng đẹp lòng con. Con nhớ chẳng gương Thánh Nhơn thuở trước? Đương buổi truyền giáo phải chịu biết bao tủi nhục, chúng sanh nào tôn sùng! Nhưng đã vạn đại [muôn đời] mà phước danh [danh thơm] vẫn không phai mờ với sứ mạng của các con.

“Hiện tình cũng thế ấy. Giờ phút này con không được thể gian tôn trọng, nhưng hậu đại [đời sau] sẽ ngưỡng thờ.”

Trở lại với ý nghĩa thành ngữ “Chó cắn Lữ Động Tân / Cầu giáo Lữ Động Tân” của người Hoa, ngày nay chúng ta thấy trên một số websites nhằm giới thiệu văn hóa Trung

Quốc với phương Tây, thành ngữ này được nhắc tới khá nhiều,⁽¹⁾ họ diễn dịch thành ngữ này như sau: *Cầu giáo Lữ Động Tân, bất thức hảo nhân tâm.*⁽²⁾

Họ dịch sang tiếng Anh là: *A dog biting Lu Dongbin / not being able to recognize a kind-hearted man. The goodness of a person is of no consequence to the ungrateful.*

(Chó cắn Lữ Động Tân / không thể nhận biết được một người tâm lành hạnh tốt. Đức thiện hảo của một người thì chẳng là cái gì quan trọng đối với phường bạc bẽo vong ân.)

*

Tóm lại, dường như đã thành “nghiệp chương” chung cho những ai muốn đem tâm huyết ra tận tụy phụng sự thể gian; họ luôn luôn phải sẵn sàng cắn răng nhẫn nại để đón nhận những “phần thưởng” đắng cay, chua chát, đớn đau... mà người thể gian sẽ “hào phóng” ban tặng.

Xưa đã thế, nay vẫn như thế: Lữ Động Tân luôn luôn bị thể gian xưa chó ra cắn!

Chó cắn Lữ Động Tân là một nghịch lý thể gian. Chấp nhận nghịch lý ấy để sống phụng sự đời phải là những người biết noi theo gương bác ái vị tha của Đức Giêsu khi cầu nguyện xá tội cho kẻ dữ: “*Lạy Chúa, xin tha cho họ, vì họ không biết việc họ làm.*” (Luca 23:34)

Rất ngạc nhiên thay, có một thanh niên mười chín tuổi là

(1) <http://www.chinafanyi.com>, <http://zhidao.baidu.com>, ...

(2) 狗咬吕洞宾，不識好人心。

Kent M. Keith lại sớm lãnh hội được triết lý sống với những nghịch lý thế gian! Bấy giờ (năm 1968) đang làm sinh viên năm thứ hai tại Harvard College,⁽³⁾ Keith viết “Những Điều Răn Nghịch Lý” (*The Paradoxical Commandments*). Kinh Thánh Cựu Ước có Mười Điều Răn, Keith cũng đưa ra “mười điều răn”, trong đó có bốn điều 2, 4, 9, 10 nên xem là cách ứng xử đúng mỗi khi lâm vào cảnh “*chó cắn Lữ Động Tân*”. Bốn điều ấy như sau:

② Nếu bạn làm điều tốt, thiên hạ sẽ buộc tội bạn có động cơ thâm kín. Dầu thế, cứ làm điều tốt.

④ Việc lành bạn làm hôm nay sẽ bị quên lãng ngày mai. Dầu thế, cứ làm lành.

⑨ Bá tánh thật sự cần được giúp đỡ nhưng nếu bạn trợ giúp, có thể họ công kích bạn. Dầu thế, cứ giúp người khác.

⑩ Hãy trao cho đời những gì tốt đẹp nhất bạn có và bạn sẽ nhận lấy sự bội bạc. Dầu thế, cứ trao cho đời những gì tốt đẹp nhất bạn có.⁽⁴⁾

04-01-2012
HUỆ KHẢI

⁽³⁾ Harvard College thành lập năm 1636, nằm trong khuôn viên Viện Đại Học Harvard.

⁽⁴⁾ *Nguyên văn*: ② If you do good, people will accuse you of selfish ulterior motives. Do good anyway. ④ The good you do today will be forgotten tomorrow. Do good anyway. ⑨ People really need help but may attack you if you do help them. Help people anyway. ⑩ Give the world the best you have and you'll get kicked in the teeth. Give the world the best you have anyway.

TÂM CA ÁO TRẮNG

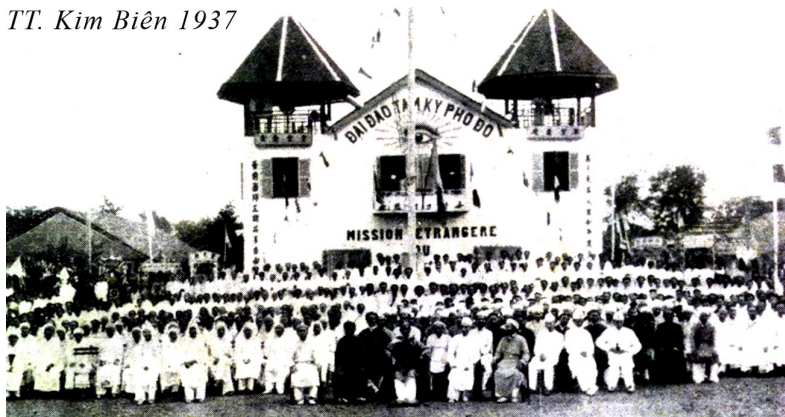


Dịu dàng áo trắng chung chiêng
Em về thánh thất tịnh nhiên cõi lòng
Chấp tay nguyện giữa thính không
Từ bi hoa nở kết vòng yêu thương.
Hẹn nhau chung một con đường
Đại đồng thế giới mười phương hòa bình
Thiết tha vun cội nhân sinh
Gieo trồng quả phúc hiện tình Chí Tôn.
Âm dương cơ ngẫu vĩnh tồn
Trường lưu Đạo mạch càn khôn nhiệm mầu
Đuốc thiêng tỏa rạng năm châu
Xóa tan ác tập, đoạn đầu vô minh.
Niệm câu vô tự chân kinh
Ưu Đàm ⁽⁵⁾ lay động chuyển mình mãn khai
Nam mô Thượng Đế Cao Đài
Dâng lên thính lạng một bài tâm ca.

KIM ANH
Thánh thất Trung Nghĩa

⁽⁵⁾ Hoa Ưu Đàm (*Udumbara*) ba ngàn năm xuất hiện một lần. Khi ấy, kim luân vương ra đời, Phật xuất thế.

TT. Kim Biên 1937



TỪ NGUYÊN ĐỊA DANH KIM BIÊN

* Người đạo Cao Đài phần đông đều biết đến sự kiện tiền bối Phạm Hộ Pháp (1890-1959) truyền đạo và hành đạo tại Nam Vang (Phnom Penh). Tại thủ đô ấy đã sớm hình thành thánh thất Kim Biên. Nhưng vì sao lại gọi Phnom Penh hay Nam Vang là Kim Biên? Chúng tôi có lần đã nêu vấn đề này để thỉnh ý học giả AN CHI. Đầu Xuân Nhâm Thìn (tháng 02-2012), chúng tôi rất hoan hỷ và cảm kích khi được học giả cho phép in lại bài nghiên cứu rất hay sau đây.

Ban Ân Tổng

*

Nam Vang là cách gọi dân dã mà người Miền Nam phiên âm từ tên thủ đô Phnom Penh của Campuchia để gọi thành phố này. Trong *Đại Nam quốc âm tự vị*, Huỳnh-Tĩnh Paulus Của giảng Nam Vang là “tên chỗ vua Cao-mên ở bây giờ” (quyển từ điển này ra đời, tome I năm 1895, tome II năm 1896). *Việt-Nam tự-điển* của Khai-Trí Tiến-Đức (Hà

Nội, 1931) ghi nhận: “*Nam-vang. Do chữ Phnom-Penh dịch âm ra. Tên kinh-đô nước Cao-mên.*” *Việt-Nam tự-điển* của Lê Văn Đức giảng là “*kinh-đô vương-quốc Cam-bốt (Cao-mên)*”.

Cho đến nửa đầu của thế kỷ XX thì địa danh này vẫn được dùng rộng rãi và thống nhất trong cả nước ta. Có lẽ là từ 1954 trở đi, ta mới dần dần đổi Nam Vang thành Phnom Penh. Nhưng Nam Vang đã “chết tên” trong một danh ngữ chỉ món ăn: hủ tiếu Nam Vang. Trước đây, địa danh này còn dùng theo hoán dụ để chỉ cả đất nước Campuchia nữa, như Nguyễn Hữu Hiệp đã viết:

“Do ‘đất liền đất, núi liền núi, sông liền sông’, nhất là nhờ có hai nhánh Tiền Giang và Hậu Giang của dòng Cửu Long sông sâu nước chảy, nên giao thông đường thủy từ lục tỉnh đến xứ Chùa Tháp rất thuận lợi. Để khai thác triệt để tài nguyên thuộc địa, chính quyền thực dân cho thành lập công ty tàu thủy, mở nhiều tuyến đường sông từ Sài Gòn và các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long, vận chuyển hành khách, thổ sản, hàng hóa các loại đến Nam Vang, và ngược lại. Dân gian gọi là ‘tàu Nam Vang’. Người từ Châu Đốc, An Giang có dịp cần mua sắm, đi Nam Vang bằng loại tàu này nhanh và tiện hơn đi Sài Gòn. Đi Nam Vang tức đi đến thủ đô nước Cao Miên (nay gọi Campuchia). Đúng nhất là vậy, nhưng thuở trước đồng bào miền Nam hiểu Nam Vang với nghĩa mở rộng cả nước ấy, hoặc chỉ ít cũng toàn vùng bao gồm các tỉnh quanh khu vực Nam Vang.”⁽¹⁾

⁽¹⁾ “Người Châu Đốc – An Giang làm ăn ở Nam Vang xưa và nay”, *Thư viện 4phuong.net*.

Và địa danh Nam Vang cũng còn sống trong ca dao:

1. Chiếc tàu Nam Vang chạy ngang Cồn Cát,
Xuồng câu tôm đậu sát cành đa,
Thấy em có chút mẹ già,
Muốn vô nuôi dưỡng biết là đặng không.
2. Dựng buồm chạy thẳng Nam Vang,
Làm thơ nhắn lại, em khoan lấy chồng.
3. Nước ròng chảy thấy Nam Vang,
Mù u chín rụng bóng chàng biệt tăm.
4. Ngó lên Nam Vang thấy cây nằm nước,
Ngó về Sông Trưóc thấy sóng bủa lao xao,
Anh thương em ruột thắt gan bào,
Biết em có thương lại chút nào hay không! ⁽²⁾

Có một truyền thuyết liên quan đến cái tên gốc Phnom Penh. Tên này xuất phát từ cụm từ *Wat Phnom Daun Penh*, nghĩa là “Chùa (trên) Núi bà Penh”, cũng nói tắt thành *Wat Phnom*, nghĩa là “Chùa (trên) Núi”.

Theo lịch sử ghi chép thì năm 1372, Campuchia bị một trận lụt lớn chưa từng thấy. Trên một ngọn đồi bên con sông chảy qua kinh đô, có một góa phụ giàu có tên Penh đã cất nhà ở. Một hôm đẹp trời, bà Penh ra sông lấy nước thì thấy giữa dòng nước chảy cuộn cuộn nổi lên một cái cây to, từ trong bông cây phát ra ánh sáng lấp lánh của một bức tượng Phật. Bà bèn gọi thêm mấy người phụ nữ nữa đến rồi họ cùng chung sức lôi cái cây lên bờ thì thấy bên trong có bốn bức tượng Phật bằng đồng và một bằng đá.

⁽²⁾ Những câu này cũng chép theo bài trên của Nguyễn Hữu Hiệp.

Vốn là một Phật tử sùng đạo, bà Penh cho rằng đây là món quà Trời ban; bà cùng mấy người phụ nữ kia lau rửa các tượng Phật thật sạch sẽ rồi bà kính cẩn đem về nhà mà thành kính thờ phụng. Sau đó, bà cùng với những láng giềng ra sức đắp một ngọn đồi nhỏ trước nhà và cất một ngôi chùa trên đó rồi đưa năm bức tượng vào.

Để ghi nhớ công lao của bà, người đời sau mới gọi ngọn đồi này là *Phnom Penh* (Núi [bà] Penh), mà người Hoa phiên âm thành *Bách Nang Bôn* 百囊奔, âm Bắc Kinh là *Bãi Náng Bèn*, âm Quảng Đông là *Pạc Noòng Pẩn* (ghi cho trong Nam: *Pánh*). Dần dần, người Hoa vừa tôn xưng vừa tính lược mà gọi là *Kim Bôn* 金奔, âm Quảng Đông là *Cắm Pẩn* (*Pánh*). Ở đây, *kim* (= vàng) hiển nhiên là một từ có tác dụng “làm đẹp” còn *Pẩn* (*Pánh*), tên bà Penh vẫn được giữ lại. Nhưng với thời gian thì dân Quảng Đông ở Phnom Penh đã biến *Pẩn* (*Pánh*) 奔 thành *Pín* 邊, khiến cho *Cắm Pẩn* (*Pánh*) 金奔 thành *Cắm Pín* 金邊 – phiên âm theo Hán Việt là *Kim Biên* – rồi cứ như thế mà gọi cho đến ngày nay. Từ nguyên dân gian là nguyên nhân của sự thay đổi này.

Chỉ trừ những ai thích tìm hoặc thông hiểu chuyện xưa tích cũ, chứ các chú chệch, thím xầm bình thường thì chẳng ai biết *Pẩn* (*Pánh*) 奔 (tên bà Penh) là cái thứ gì. Họ chỉ thấy Phnom Penh ở nơi giao nhau giữa bốn con sông (Thượng Mekong, Tonlé Sap, Hạ Mekong và Bassac) nên mới ngầm hiểu rằng đây là thành phố bên bờ sông mà thay *Pẩn* (*Pánh*) bằng *Pín* (trong tiếng Quảng Đông thì *coóng pín* 江邊 [*giang biên*] là bờ sông) mà cho ra đời cái tên *Cắm Pín* 金邊 [*Kim Biên*] dùng cho đến bây giờ.

AN CHI

LINH TIÊU NHẤT THÁP

Tương truyền, vào năm 1927 tại Cần Thơ, Đức Chí Tôn đã nhắc đến danh xưng Cao Đài trong bài thơ như sau:

靈霄一塔是高臺 *Linh Tiêu nhất tháp thị cao đài*
大會群仙此玉階 *Đại hội quần Tiên thử ngọc giai*
萬丈毫光從此出 *Vạn trượng hào quang từ thử xuất*
古名寶景樂天台 *Cổ danh bảo cảnh Lạc Thiên Thai.*

Bài thơ này thường được giải thích như sau:

1. Nơi (trong) điện Linh Tiêu (trên Thiên Đình) có một ngôi tháp gọi là Cao Đài.
2. Đại hội của các vị Tiên (diễn ra) ở trước bệ ngọc này.
3. Hào quang từ chỗ này phóng ra xa muôn trượng.
4. Tên xưa của cảnh quý báu này là Lạc Thiên Thai.

Hai câu 2 và 3 giảng như vậy thì ổn rồi. Riêng hai câu 1 và 4 cần nên xem lại cách giải thích (những chữ gạch dưới).

Câu 1: Hiểu theo cách giảng quen thuộc xưa nay như dẫn trên, thì điện Linh Tiêu và tháp Cao Đài là *hai kiến trúc riêng biệt*. Cách giảng này không phù hợp ngữ pháp chữ Hán.

Theo ngữ pháp chữ Hán, số từ thường đặt trước danh từ để chỉ số lượng người hay vật. Thí dụ: *tân thư nhất sách* 新書一冊 (một cuốn sách mới); *kim ngư lưỡng vĩ* 金魚兩尾 (hai con cá vàng); *Đường thi tam bách thủ* 唐詩三百首 (ba trăm bài thơ Đường); *hoàng kim thiên lượng* 黃金千量 (một ngàn lượng vàng).

Như vậy, *Linh Tiêu nhất tháp* có nghĩa là *một cái tháp Linh Tiêu*. Cả câu 1 có nghĩa: *Tháp Linh Tiêu là một cái đài cao*.

Lưu ý, trong câu 1, *cao đài* (cái đài cao) nguyên là một *tính từ* [cao] + *danh từ chung* [đài]. Sau này, *cao đài* được dùng như một danh từ riêng (*Cao Đài*) để làm tên gọi cho một tôn giáo mới, và cũng là tá danh của Đức Thượng Đế.

Cách đổi *cao đài* → *Cao Đài* được gọi là *chuyển từ loại*.

Câu 4: Trong câu *Cổ danh bảo cảnh Lạc Thiên Thai* thì *danh* là *động từ*, có nghĩa *đặt tên là, gọi tên là*. Cách dùng động từ *danh* như vậy cũng giống như câu *Danh khả danh phi thường danh* 名可名非常名 trong Đạo Đức Kinh (*Cái tên mà có thể gọi tên được thì chẳng phải là cái tên thường hằng bất biến*).⁽¹⁾

Câu 4 vì thế có nghĩa: *Xưa gọi tên cảnh quý báu này là Lạc Thiên Thai* (cõi Thiên Thai vui sướng).

*

Kết luận, bốn câu thơ trong bài “*Linh Tiêu nhất tháp...*” có thể giảng lại như sau:

Tháp Linh Tiêu là một cái đài cao
Đại hội các vị Tiên (diễn ra) ở trước bệ ngọc này
Hào quang từ chỗ này phóng ra xa muôn trượng
Xưa gọi tên cảnh quý báu này là Lạc Thiên Thai.

NGHÊ DỮ LAN

⁽¹⁾ Câu này dịch sang tiếng Anh là: *The name that can be named is not the eternal name*. (Name vừa là danh từ, vừa là động từ.)

VÌ SAO SƯ TĂNG MANG HỌ THÍCH?

LÊ ANH MINH



Đạo An 道安 (312-385) là học giả Phật Giáo kiệt xuất đời Đông Tấn (317-420). Ông sinh tại huyện Phù Liễu thuộc Thường Sơn (nay là huyện Ký, tỉnh Hà Bắc). Bấy giờ chiến tranh loạn lạc, ông còn bé đã sớm mất cha mẹ, nên được một người anh họ nuôi dưỡng. Lên 7 tuổi, ông bắt đầu đọc sách; 15 tuổi thông ngũ kinh và chuyển sang học Phật; 18 tuổi (hay 20 tuổi?) xuất gia. Năm 335, ông theo học cao tăng Phật Đồ Trùng 佛圖澄 (232-348) ở Nghiệp Đô (nay là huyện Lâm Chương, tỉnh Hà Nam).

Sau khi Phật Đồ Trùng mất, ông thay thầy giảng Phật pháp. Để lánh nạn lửa binh, ông bỏ Hà Nam đến Hộ Trạch (nay là huyện Lâm Phần) ở Sơn Tây. Năm 355, ông cùng sư Pháp Thái 法汰 lập chùa trên ngọn Hằng Sơn trong rừng Thái Hàng. Huệ Viễn 慧遠 (334-416) bấy giờ 21 tuổi, đến đây xuất gia. Do chiến loạn, Đạo An đưa Huệ Viễn cùng với khoảng 400 đệ tử đi Tương Dương (bấy giờ còn thuộc Đông Tấn, tương đối yên bình), lập chùa và trú tại đó 15 năm. Thời gian này ông giảng pháp, dịch kinh rất nhiều.

Trong thời gian tại Tương Dương (365-379), Đạo An chủ trương thống nhất đời họ của sa môn là Thích 釋 (Śākya). *Cao Tăng Truyện* (quyển 5) chép: “Đầu đời Ngụy và đời Tấn các sa môn lấy họ theo thầy,⁽¹⁾ nên các họ khác nhau. Đạo An cho rằng các đại sư ai mà chẳng tôn kính Thích Ca, bèn đặt họ Thích [cho sa môn].”⁽²⁾

Đối với người Trung Quốc, việc đổi họ (cả đời lẫn đạo) không phải là vấn đề tầm thường, nhưng Đạo An đã làm được, chứng tỏ ảnh hưởng của ông rất lớn.

Năm 379, Phù Kiên sai Phù Phi đánh Tương Dương, và rước Đạo An (67 tuổi) về Trường An. Tại đó, trong khoảng bảy tám năm, ngoài việc giảng kinh, ông chủ yếu tổ chức ban phiên dịch kinh Phật rất quy mô. Đạo An là một trong những nhà Phật học áp dụng phương pháp *cách nghĩa* 格義, tức là dùng Lão-Trang và Kinh Dịch để phụ giảng Phật học. Về sau ông bỏ phương pháp này. Trứ tác của Đạo An hiện nay không còn nhiều. Ông là một trong những người sớm nhất lập mục lục các kinh Phật bằng Hán ngữ, gọi là *Tổng Lý Chúng Kinh Mục Lục* 綜理眾經目錄, thường gọi tắt là *An Lục* 安錄 (mục lục của Đạo An).

LÊ ANH MINH

⁽¹⁾ Như họ An 安 của sư gốc An Tức安息 (Parthia), họ Chi 支 của sư gốc Nguyệt Chi 月支 (Indoscyth), họ Trúc 竺 của sư gốc Ấn Độ (Thiên Trúc 天竺), họ Vu 于 của sư gốc Vu Diên 于闐 (Khotan hay Kustana), họ Khang 康 của sư gốc Khang Cư 康居 (Soghdiana), họ Bạch 帛 của sư gốc Quy Tư 龜滋 (Kucha), v.v...

⁽²⁾ Sơ Ngụy Tấn sa môn y sư vi tính cổ tính các bất đồng. An dĩ vi đại sư chi bản mạt tôn Thích Ca, nãi dĩ Thích mệnh thị. 初魏晉沙門依師爲姓故姓不同.安以爲大師之本莫尊釋迦.以釋命氏.

VẤN ĐỀ TẬN THỂ QUA THỰC TRẠNG KHỦNG HOẢNG SINH THÁI TOÀN CẦU

TRẦN VĂN CHÁNH

Thế giới sẽ đi về đâu? Nhân loại rồi có bị tận diệt không? Những câu hỏi đại loại như thế trước đây khoảng chừng trăm năm, khi nền khoa học - kỹ thuật của thế giới đang trên đà tiến bộ vượt bậc, có không ít người, vì tự mãn vào sự thành công của khoa học, đã xếp chúng vào loại thắc mắc ngớ ngẩn, hoặc chỉ có tính cách mê tín của một số tín đồ tôn giáo nào đó. Người ta nói đến trận Đại Hồng Thủy, đến Hội Long Hoa... nhưng không có căn cứ khoa học nào để xác định, nên thường được hiểu như là một cách khuyến dụ sự tu hành, theo kiểu “tu mau kéo trễ” của vài tôn giáo hiện hữu.

Tại Việt Nam, Giáo Chủ đạo Hòa Hảo đã từng đề cập đến hội Long Hoa trong kỳ hạ nguồn mật pháp. Còn ở đạo Cao Đài, vấn đề này cũng được nói rõ hơn trong kinh Đại Thừa Chơn Giáo, đại khái cho biết:

“Đạo có ba nguồn, ba nguồn ấy là cái số cuối cùng của trời đất. Trước hết, mở đầu là THƯỢNG NGUỒN. Thượng nguồn đây chính là nguồn TẠO HÓA, là nguồn đã gây dựng cả càn khôn vũ trụ. Vậy khi mới tạo thiên lập địa, nhơn loại sanh ra thì tánh chất con người rất đối hỗn hồn ngạc ngạc, còn đang thuần phác thiện lương, nên chỉ cứ thuận tòng Thiên lý mà hòa hiệp dưới trên, tương thân tương ái. Thời kỳ ấy người người đồng hấp thụ khí thiên

nhiên, nên hằng cộng hưởng thanh nhàn khoái lạc mà vui say mùi Đạo thánh ngày. Bởi đó, đời thượng cổ mới có danh là đời THƯỢNG ĐỨC, mà thượng nguồn ấy cũng kêu là nguồn THÁNH ĐỨC nữa.

Kể đó bước qua TRUNG NGUỒN thì nhơn tâm bất nhứt, tập quán theo thói đời, thâm nhiễm những nét xấu mới làm cho xa mất điểm thiện lương, bèn cậy ở sức mình mà hiếp bức lấy nhau, chém giết lẫn nhau, tương sát tương tàn, mạnh còn yếu mất thì mới sanh ra biết bao trường huyết chiến, không còn kể đồng loại đồng chủng, đã lọt tình đồng nghĩa đồng bào. Bởi đó, đời trung cổ mới có danh là đời THƯỢNG LỰC, mà trung nguồn ấy cũng kêu là nguồn TRANH ĐẤU nữa.

Tiếp đến HẠ NGUỒN, sự tranh đấu ngày càng ráo riết, dữ tợn, góm ghê thì nhơn loại lại chê sức mạnh mà dùng não cân nên mới bày ra chước quỷ mưu tà, kế sâu bẫy độc, thiệt là khốc liệt phi thường. Song đó cũng lẽ tự nhiên, càng tranh đấu mới càng tấn hóa. Ngặt càng tranh đấu lắm lại càng ác liệt lắm, nên tranh đấu thết phải đến ngay thời kỳ tiêu diệt. Bởi đó, đời hiện tại là đời MẠT KIẾP, còn hạ nguồn này là nguồn ĐIỀU TÀN.

Nhưng hễ loạn là tới trị, vong tất phục hưng, nên nguồn tiêu diệt tất sẽ bước đến nguồn bảo tồn là nguồn đạo đức phục hưng, để sắp lập lại như đời thượng cổ, thế nên cũng gọi là nguồn TÁI TẠO.”⁽¹⁾

Hội Ngày Tận Thể (Mạt Thế Hội, End Time Ministries) là một đoàn thể tôn giáo mới do Charles Meade (1916-

⁽¹⁾ Đại Thừa Chơn Giáo. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2011, tr. 204-206. Quyền 36 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách.

2010) sáng lập ở Mỹ năm 1984. Vị giáo chủ này được các tín đồ coi là người phát ngôn của Thượng Đế, ai tin theo ông sẽ tránh thoát được cuộc phán xử cuối cùng ngày tận thế. Ông còn công khai tuyên bố rằng ngày tận thế sắp đến, và coi những sản vật thời hiện đại như máy thu âm, truyền hình, vi tính, thậm chí đến các loại báo chí cũng là công cụ của ma quỷ, tin trong động vật thậm chí hình tượng của động vật cũng có ma quỷ ẩn nấp.

Ngoài ra, Charles Meade cũng không tin cả thầy thuốc, cho rằng mọi thứ bệnh tật đều do tội ác và không tin đạo mà ra. Ông chủ trương liệu pháp chữa bệnh bằng tinh thần, thậm chí còn kêu gọi tín đồ không nên mang răng giả và đeo kính. Tổ chức tôn giáo này từ khi được thành lập đã có 98 người vì mắc bệnh không chịu chữa trị mà chết, trong số có 42 trẻ em. Điều khá lạ lẫm là các thành viên của giáo phái phần lớn đều thuộc những gia đình trung lưu khá giả, sự nghiệp thành công, và tính tới thời điểm năm 1993, riêng tại bang Floria đã có đến 1.000 người tin theo.

Gần đây tại Việt Nam, dư luận cũng bàn tán xôn xao về hoạt động kỳ quặc của một tổ chức mang tính lừa mị, có nguồn gốc nước ngoài, gọi là “Hội Chờ Ngày Tận Thế”, mà thành viên phần lớn là giới trẻ, làm cho một số bậc phụ huynh đã phải điều đứng vì có con em mê tín một cách cuồng nhiệt.

Các thuyết về tận thế hầu hết đều có liên quan đến tôn giáo. Riêng thuyết tận thế (*eschatology*) của Thiên Chúa Giáo mô tả, bàn luận về tình trạng kết cục của con người sau khi chết và của thế giới sau ngày tận thế. Đại khái cho rằng người ta chết rồi linh hồn sẽ được Thượng Đế phán xử, người vô tội được lên thiên đường, kẻ có tội phải xuống

địa ngục. Thiên Chúa Giáo cho rằng kẻ có tội nhỏ chưa chuộc xong sẽ tạm vào luyện ngục để nhận chịu sự trừng phạt nhất định, trừng phạt xong vẫn có thể được lên thiên đường.

Tin Lành không thừa nhận thuyết này, lại cho rằng đến ngày tận thế, Chúa Giêsu sẽ xuống lại thế gian, tất cả những người đã chết đều được cho sống lại, người chưa chết thân thể sẽ thay đổi, tất cả đều chịu sự phán xử; người được phán xử xong hoặc lên thiên đường hưởng hạnh phúc đời đời, hoặc xuống địa ngục và bị trừng phạt vĩnh viễn.

Một thuyết khác cũng liên quan đến Ki Tô Giáo, đó là Thiên Niên Thuyết hay Thuyết Ngàn Năm (*Millenarism / Millennialism / Chiliasm*), xuất phát từ cách giải thích mấy đoạn văn ở chương 20 sách Khải Huyền trong Kinh Thánh, cho rằng Chúa Giêsu sẽ trở lại cai trị thế gian 1.000 năm trước khi tận thế.

Một số nhà “tiên tri” trước kia cho ngày tận thế sẽ diễn ra vào năm 1000, rồi năm 2000..., nhưng rồi thế giới vẫn tiếp tục tồn tại và diễn biến, khiến nhiều người thấy thế, hoặc cho đó chỉ là những kịch bản vớ vẩn của trí tưởng tượng, hoặc tạm gác lại vấn đề, không thêm nghĩ đến nữa.

Có ít nhất khoảng mười kịch bản về ngày tận thế đã được nêu ra trông bề ngoài đều có vẻ nghiêm túc (như nói người ngoài hành tinh xâm lược trái đất, sự thay đổi cực từ của trái đất, thế chiến thứ ba, nạn khủng bố quốc tế...), trong số đó, dự đoán cho rằng thế giới sẽ bị tận diệt vào ngày 21-12-2012 do một thảm họa từ bão mặt trời có vẻ thời sự sốt dẻo, được một số báo chí trên Internet đưa tin, khiến không ít người nhạy cảm với câu chuyện tận thế đã trở nên hoang mang, bán tín bán nghi, và không phải không

có người cả tin đó là một sự thật!

Tuy nhiên, tình hình tin hay không tin có ngày tận thế trong khoảng năm mươi năm trở lại đây đã dần dần biến đổi, trở nên nghiêm túc hơn, khi loài người bắt đầu có đủ điều kiện hơn về mặt tri thức để nhận thức trở lại về một thế giới bất toàn xuất phát từ tình trạng ngày càng lâm nguy của môi trường sống, phổ biến được cho là cũng do chính con người làm ra. Ngày nay, ngày càng có nhiều người và nhiều dân tộc ý thức được rằng, nếu đứng trên quan điểm sinh thái, khả năng hủy diệt nhân loại bắt nguồn từ sự hủy diệt môi trường là một điều hoàn toàn có thể xảy ra.

MÔ TẢ THỰC TRẠNG KHỦNG HOẢNG TÀI NGUYÊN VÀ SINH THÁI

Nói gần ở Việt Nam, chỉ chừng bốn mươi năm trước đây, ở các vùng nông thôn (đặc biệt nông thôn Nam Bộ), tuy rằng nông nghiệp chưa phát triển như bây giờ nhưng đời sống của dân chúng vẫn khá được thoải mái nhờ ở nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, với đồng ruộng cò bay thẳng cánh, vườn tược sum sê, trên sông rạch thì tôm cá dập dìu... Tình hình tốt đẹp này chuyển xấu dần, và cho đến hôm nay đã hoàn toàn xấu hẳn, diễn ra trên khắp hành tinh, do dân số gia tăng, môi trường sống bị khủng hoảng bởi tình trạng khai thác bừa bãi từ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, như tôm cá, khoáng sản. Dân số tiếp tục gia tăng theo tỷ lệ 1,2%/năm, với tốc độ cứ 30-40 năm lại tăng gấp đôi (khoảng 6 tỷ vào năm 1999, nay đã đạt 7 tỷ người), cùng với nhu cầu khai thác ngày càng tăng của con người đã làm cho nguồn tài nguyên không thể tái tạo được của quả địa cầu cạn kiệt đến mức báo động. Diện tích rừng trên thế giới bị thu hẹp dần đã ảnh hưởng nặng nề đến sự sống của các loài động - thực vật và một số loài đã bị diệt

chúng, tạo nên một thời kỳ lớn gần như không thể đảo ngược của sự tuyệt diệt ồ ạt trong sinh quyển vốn là nền tảng của hệ sinh thái địa cầu. Một số loại tài nguyên khoáng sản không có khả năng tái tạo như than đá, dầu lửa, hơi thiên nhiên, sắt, đồng... với đã khai thác như hiện tại cũng sẽ cạn kiệt trong vòng đôi ba trăm năm nữa. Tình trạng thiếu nước đang là mối nguy cơ đe dọa nhiều dân tộc trên thế giới. Việc sử dụng các nhiên liệu hóa thạch (than, dầu, khí...) cũng tăng theo tỷ lệ tương tự, gây ra ô nhiễm trên phạm vi toàn cầu cũng như những biến đổi khí hậu và mực nước biển.

Tình trạng ô nhiễm môi trường (còn gọi là sự thoái hóa của môi trường) đã và đang diễn ra tới mức khốc liệt làm kinh hoàng cả loài người hiện đại, vốn là hậu quả trực tiếp của tiến bộ khoa học - kỹ thuật dẫn đến quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ngày càng tăng mạnh ở tất cả các quốc gia trên thế giới. Không khí và nước bị ô nhiễm vì khói xăng dầu và các chất hóa học, các loại nông dược; nạn rác, phóng xạ nguyên tử và tiếng động.

Từ tháng 6-1992, Hội Nghị Quốc Tế Về Môi Trường (còn gọi Hội Nghị Thượng Đỉnh Trái Đất) họp tại Rio de Janeiro (Brazil) với sự hiện diện của nhiều vị nguyên thủ quốc gia đã từng cảnh báo loài người về hiện trạng môi trường bị tàn phá do những trận mưa axit gây ra bởi chất SO₂ và NO₂ thải ra không khí từ các nhà máy và xe cộ; tầng ozone trong không khí bị mỏng đi để cho tia cực tím lọt vào gây tác hại đến sự sống của sinh vật, do việc sử dụng nhiều chất khí Chlorofluorocarbon (CFC) trong các bình xịt thuốc xịt tóc, khử mùi hôi, trừ ruồi muỗi hoặc dùng trong kỹ nghệ lạnh; hiện tượng “hiệu ứng nhà kính”

(*greenhouse effect*) chủ yếu do khí CO₂ gây ra làm cho bầu khí quyển nóng lên (tương tự hiện tượng ánh nắng mặt trời chiếu vào nhà kính), có nguy cơ làm phát sinh nạn hạn hán và cạn kiệt nguồn nước, đồng thời làm tan băng ở Bắc Cực và Nam Cực khiến cho mực nước biển tăng dần.

Cùng với tình trạng ô nhiễm môi trường là sự phá vỡ thể quân bình trong hệ thống sinh giới (*ecosystem*) hay còn gọi là sự mất cân bằng sinh thái, dẫn đến tình trạng còn nguy hiểm hơn nữa gọi là biến đổi khí hậu trên phạm vi toàn thể giới, đe dọa trực tiếp vào khả năng sinh tồn của tất cả loài người trên trái đất.

BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU: NHỮNG BIỂU HIỆN CÙNG HẬU QUẢ CỦA NÓ

Các cuộc quan sát được thực hiện từ 30 đến 60 năm qua cho thấy rõ ràng khí hậu toàn cầu đã và đang bắt đầu thay đổi. Theo Công Ước chung của Liên Hiệp Quốc (LHQ) thì *“Biến đổi khí hậu trái đất là sự thay đổi của hệ thống khí hậu gồm khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển hiện tại và trong tương lai bởi các nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo.”* Nói rõ hơn, cũng theo Công Ước LHQ, *“Biến đổi khí hậu là những biến đổi trong môi trường vật lý hoặc sinh học gây ra những ảnh hưởng có hại đáng kể đến thành phần, khả năng phục hồi hoặc sinh sản của các hệ sinh thái tự nhiên và được quản lý hoặc đến hoạt động của các hệ thống kinh tế - xã hội hoặc đến sức khỏe và phúc lợi của con người.”*

Nguyên nhân chính gây biến đổi khí hậu là do chất thải từ khu vực tiêu thụ năng lượng cũng như từ nông nghiệp và do nạn chặt phá rừng. Hầu hết các chất khí gây ra bức xạ vẫn còn được thải ra trong khu vực tiêu thụ năng lượng, kể

cả trong giao thông, đóng góp cho khoảng phân nửa sự nóng dần lên của trái đất. Khí cacbonic (CO₂) thải ra khi đốt cháy các nhiên liệu hóa thạch (than, dầu, khí) và là nguồn khí chủ yếu gây nên hiệu ứng nhà kính; nó cũng được sinh ra từ các hoạt động công nghiệp như sản xuất xi măng và cán thép. Trong vòng 100 đến 200 năm sau, sự tăng tập trung trong khí quyển các loại khí gây hiệu ứng nhà kính sẽ có tác động rất lớn đối với khí hậu hơn bất cứ nhân tố nào khác, kể cả núi lửa hay sự thay đổi của bức xạ mặt trời. Theo sự tính toán của các nhà khoa học, các chất khí được thải ra do kết quả của nạn phá rừng nhiệt đới đóng góp cho khoảng 15% hiệu ứng nhà kính. Nông nghiệp thế giới tạo ra khoảng 15% tổng số các chất khí thải gây ra bức xạ, trong đó khí CO₂ được phóng thích chủ yếu từ việc đốt sinh vật, việc biến rừng thành đất trồng, những đám cháy rừng hoang và đồng cỏ. Khí metan (NH₄) trong nông nghiệp được phóng thích ra từ những đồng lúa, khu chăn nuôi gia súc, việc đốt sinh vật và từ những bãi rác chôn dưới đất; còn khí nitơ oxit (N₂O) thì được hình thành từ phân bón đạm, không chỉ có liên quan đến hiệu ứng nhà kính mà còn góp phần hủy diệt tầng ozone trong khí quyển, mà sự hủy diệt này cho đến cách nay chừng 20-25 năm thực tế đã tăng lên nhanh hơn so với lúc ban đầu người ta có thể tưởng.

Ngoài hai hiện tượng hiệu ứng nhà kính và thủng tầng ozone nổi bật và nguy hại nhất, quá trình biến đổi khí hậu còn tạo nên những trận mưa axit, nạn cháy rừng, lũ lụt, hạn hán, tình trạng sa mạc hóa và hiện tượng sương mù quang hóa (*photochemical smog* – một dạng ô nhiễm không khí sinh ra khi ánh sáng mặt trời tác dụng lên khí thải động cơ xe máy, khí thải công nghiệp)...

Các biểu hiện của biến đổi khí hậu có thể bao gồm sự nóng lên của khí quyển và trái đất; sự thay đổi thành phần và chất lượng khí quyển có hại cho môi trường sống; mực nước biển dâng cao do băng tan, dẫn tới tình trạng ngập úng ở các vùng đất thấp, các đảo nhỏ trên biển; sự di chuyển của các đới khí hậu cũ dẫn đến nguy cơ đe dọa sự sống của các loài sinh vật, các hệ sinh thái và hoạt động của con người; sự thay đổi cường độ hoạt động của quá trình hoàn lưu khí quyển, chu trình tuần hoàn nước trong tự nhiên và các chu trình sinh địa hóa khác; sự thay đổi lượng mưa tăng theo tốc độ tăng của nhiệt độ lần lượt sẽ tác động chủ yếu đến cây cối cũng như việc sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp; sự phát triển của cây trồng sẽ bị đe dọa do sự phân bố lượng mưa thay đổi, sự tăng lên của tia bức xạ UV-B và sự thay đổi trong thành phần hóa học của bầu khí quyển; sự thay đổi năng suất sinh học của các hệ sinh thái, chất lượng và thành phần của thủy-sinh-địa quyển...

Hậu quả của thực trạng biến đổi khí hậu là làm cho các hệ sinh thái bị phá hủy (như san hô bị tẩy trắng do nước biển ấm lên...), mất tính đa dạng sinh học (một số loài sinh vật bị biến mất hoặc có nguy cơ tuyệt chủng...), tăng thêm dịch bệnh (do đã tạo thuận lợi cho các con vật truyền nhiễm sinh sôi nảy nở...), nạn bão lụt, hạn hán, những đợt nắng nóng gay gắt gây nguy hiểm tính mạng, các núi băng và sông băng đang teo nhỏ... Ngoài ra, nó còn gián tiếp gây nên những cuộc chiến tranh xung đột do căng thẳng khí hậu hoặc trực tiếp gây ra những tổn thất nặng nề về kinh tế do những trận bão lụt lớn.

Những khám phá mới nhất cho thấy các nước nghèo hơn ở những vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới sẽ bị ảnh hưởng

chủ yếu và trầm trọng gây nên nạn đói khổ và dòng người tỵ nạn môi trường dài vô tận, tạo thành mối đe dọa cho nền hòa bình thế giới. Các nước công nghiệp hóa cũng khó tránh khỏi những hậu quả nặng nề và những biến động xã hội do các dòng di dân đến từ những vùng ngập lụt, hạn hán hoặc những vùng bị đặt vào tình thế nguy hiểm. Tai họa biến đổi khí hậu chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ hành tinh, và những tổn thất về môi trường sẽ không còn giới hạn ở một vùng hay một địa phương đặc biệt nào mà sẽ đe dọa tất cả loài người trên trái đất.

Ngoài nạn lũ lụt, hạn hán... gia tăng gây thiệt hại về người và tài sản do quá trình biến đổi khí hậu, loài người vẫn phải tiếp tục đối đầu với những hình thức ô nhiễm đã có (khói, bụi, tiếng động, phóng xạ nguyên tử, nguồn nước, rác...) mà chưa ngăn lại được, cũng như tình trạng cạn kiệt tài nguyên, các loại thiên tai truyền thống khác như núi lửa, động đất, sóng thần, sạt lở đất đá ở núi và các bờ sông, vẫn tiếp tục phát tác và ngày càng thêm mạnh, cùng với tình trạng đói nghèo, chiến tranh và khủng bố, bệnh dịch, một số loại bệnh nan y cũ và bệnh lạ mới xuất hiện..., tạo thành một tổng thể đa dạng các mối đe dọa nguy hiểm đối với sự tồn vong của mình.

ĐỐI CHIẾU THỰC TẾ: THIÊN TAI NHÂN HỌA NGÀY MỘT GIA TĂNG

Cho đến hiện tại, tình trạng nhiệt độ trái đất nóng dần lên như các dự báo đã trở thành một thực tế bình thường mà một người không cần tri thức khoa học cao sâu vẫn có thể cảm nhận được, khi so sánh một cách đơn giản năm hiện tại với những năm về trước. Thời gian gần đây, nhiệt độ cụ thể ở nhiều nơi nóng lên thấy rõ, như ở Úc, ở Việt Nam khoảng gần hai năm trước, nhiệt độ ngoài trời có lúc

lên đến 45-50⁰C, gây chết người trong một vài trường hợp... Vậy tình trạng khí hậu biến đổi theo hướng nóng dần lên trên phạm vi toàn cầu là một hiện thực phổ biến chắc chắn và cụ thể, chứ không chỉ còn nằm trên những bản báo cáo lý thuyết riêng đầu đố của các nhà khoa học. Giả định, nếu nhiệt độ có lúc lên tới 60⁰C tại một nơi nào đó, thì con người sẽ giống như bầy kiến còn sót lại trong chảo mỡ, khi người ta bắc chảo lên lò chuẩn bị nấu nướng, các con kiến chẳng còn biết bò vào đâu cho đến lúc phải bị thiêu rụi vài giây sau đó!

Trong biến đổi khí hậu toàn cầu, Việt Nam được dự đoán là một trong hai quốc gia chịu hậu quả nặng nề nhất trên thế giới khi mực nước biển dâng lên. Đây là lời cảnh báo của Ngân Hàng Thế Giới (WB) được đưa ra tại hội nghị về đa dạng sinh học và thay đổi khí hậu của Việt Nam được tổ chức tại Hà Nội vào đầu tháng 1-2009. Theo ông Mark Lowcock, một quan chức của Bộ Phát Triển Quốc Tế Anh (DFID) thì *“Việt Nam, một nước đang phát triển trong thời kỳ công nghiệp hóa, nằm trong nhóm những nước dễ bị tổn thương bởi các vấn đề môi trường do biến đổi khí hậu gây ra như lũ lụt, hạn hán, bão. Bên cạnh đó, với bờ biển dài, vấn đề mực nước biển tăng có thể làm mất 12,2% diện tích đất của Việt Nam và đe dọa tới chỗ sinh sống của khoảng 17 triệu người.”* ⁽²⁾

Một số dự báo như vừa nêu trên đã vạch ra một viễn cảnh khá bi quan cho thế giới nói chung và cho Việt Nam nói riêng, trong đó có TpHCM vốn được coi là đầu tàu của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

⁽²⁾ Báo Khoa Học & Đời Sống, 11-01-2009.

Trên cái nền biến đổi khí hậu với rất nhiều ảnh hưởng tiêu cực cho môi trường sống của loài người, người ta ngày càng nhận thấy các trận thiên tai như bão lụt, động đất - sóng thần... đang có khuynh hướng gia tăng cả về nhịp độ lẫn quy mô, gây nên sự chết chóc hàng loạt và những thiệt hại vô cùng to lớn về tài sản.

Loài người còn chưa quên được nỗi kinh hoàng được gây nên bởi trận động đất Ấn Độ Dương (còn gọi thảm họa Sóng Thần Ấn Độ Dương hay Sóng Thần Châu Á) xảy ra dưới đáy biển ngày 26-12-2004, kích hoạt một chuỗi các đợt sóng thần, tàn phá các cộng đồng dân cư sinh sống ven biển ở Indonesia, Sri Lanka, Ấn Độ, Thái Lan và những nơi khác, cướp mất sinh mạng của khoảng trên dưới 230.000 người thuộc 11 quốc gia.

Năm 2006, một đợt sóng thần xảy ra tại Java đã làm cho 750 người thiệt mạng. Ngày 12-5-2008, trận động đất Tứ Xuyên được coi là trận động đất mạnh, thảm khốc nhất xảy ra tại Trung Quốc giết chết gần 400.000 người. Cùng thời gian này, vào ngày 03-5-2008, cơn bão Nargis tàn phá đất nước Myanma làm chết khoảng 100.000 người.

Chỉ riêng trong năm 2009 và đầu năm 2010, người ta ghi nhận hàng trăm vụ thiên tai lớn nhỏ đã liên tục xảy ra trên toàn thế giới, và mới đây nhất là trận động đất 8,9 độ Richter kèm theo sóng thần ngày 11-3-2011 ở Nhật làm cho khoảng hơn 10.000 người chết và mất tích. Trận động đất lịch sử không chỉ tàn phá cả một vùng đông bắc nước Nhật về cả người lẫn của mà còn làm rung động dữ dội đến tất cả trái tim con người ở những phần đất còn lại của thế giới.

Đặc biệt, ngay sau trận động đất lịch sử, hàng loạt vụ nổ

lớn đã xảy ra tại các nhà máy điện hạt nhân đã làm tăng thêm lượng chất phóng xạ tung ra môi trường. Ngay sau các vụ nổ, mức phóng xạ ở nhiều khu vực miền đông bắc nước Nhật đã tăng cao một cách đáng kể. Mỗi lo ngại về rò rỉ phóng xạ khiến cả thế giới giật mình lo ngại về việc đảm bảo an toàn ở các nhà máy điện hạt nhân của mỗi nước. Trước tình hình này ở Nhật, và nhớ lại một vài vụ nổ khác trước đây ở Nga và ở Mỹ, nhiều nước đã tạm dừng xây dựng các nhà máy điện hạt nhân, như Thụy Sĩ, Úc, Đức, Indonesia, Thái Lan...

Sau thảm họa động đất - sóng thần lần này, cùng với nhiều vụ thiên tai lớn khác xảy ra ngày càng nhiều hơn trên khắp thế giới, nhân loại cũng ngày càng nhận thức rõ hơn ra tính chất hạn chế cố hữu của các nền văn minh, rằng sự tiến bộ vượt bậc về khoa học - kỹ thuật (mà cường quốc kinh tế Nhật là một nước tiêu biểu) trước sau vẫn không thể tạo được cho con người khả năng kiểm soát và chế ngự được thiên nhiên một cách hoàn toàn. Rằng, tri thức khoa học - kỹ thuật của loài người tuy ngày một tăng cao cả về nhịp độ lẫn số lượng, nhưng các nhà địa chất học, địa chấn học, địa cầu vật lý học, tương lai học, cũng như tất cả các chính quyền với nhiều công cụ hiện đại trong tay..., vẫn bị giới hạn ở mức chỉ giải thích được cơ chế xảy ra các hiện tượng thiên nhiên trên lý thuyết thôi chứ không thể ngăn chặn được một cách hiệu quả sự trừng phạt khốc liệt của chúng trên thực tế!

Người ta còn thấy rõ hơn, một cách tiêu biểu nhất, ngoài thiên tai còn có nhân họa kèm theo, đó là những vụ nổ liên tiếp của nhiều nhà máy điện hạt nhân gây nhiễm xạ đe dọa sức khỏe con người. Bù qua sót lại, trong thế giới gọi là

văn minh, bên cạnh cái lợi tất phải có cái hại kèm theo, đơn giản tương tự như càng có nhiều nhà máy, xe cộ... thì càng có nhiều khói độc phun ra môi trường sinh hoạt, càng có nhiều tai nạn giao thông chết người vậy! Cái bi kịch nằm ở chỗ, loài người tiếp tục tiến hóa vẫn không thể không tiếp tục sản xuất ra những cái hại cần thiết, trừ phi giả định họ có thể quay trở lại được cuộc sống nguyên thủy với một nền văn minh tinh thần thuần túy, hoặc là dung hòa được một cách hợp lý giữa văn minh tinh thần với văn minh vật chất.

Chưa cần viện dẫn đến kiến thức chuyên môn sâu của các nhà khoa học, chỉ dựa trên thực tế và kinh nghiệm thông thường, ai trong chúng ta cũng thấy rằng ngôi nhà địa cầu của chúng ta hiện đang xiêu vẹo giống như một con bệnh nặng, bị tổn thương hết các phần tử lục phủ ngũ tạng đến da thịt, mà các bộ phận này đều có sự tương quan, tương tác lẫn nhau để có thể dẫn đến những biến chứng nặng đột ngột mà người thầy thuốc dù giỏi đến đâu cũng không thể trở tay kịp. Rốt cuộc, con người vẫn tiếp tục lúng túng ở trong cái vòng lẩn quẩn, vì thực tế không thể ngăn chặn sự khai thác bừa bãi (nhất là ở những nước nghèo) hoặc ngưng lại các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, và đó chính là một trong những lý do để một số người nào đó còn có thể vận dụng biện minh được cho những thuyết liên quan đến vấn đề tận thế mà có những người khác cẩn thận hơn gọi là “*tận thế từng phần*”.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG: CÁC VẤN NẠN, BẾ TẮC VÀ SỰ CHẬM TRỄ

Việc bảo vệ môi trường thiên nhiên hay môi trường sống đã và đang là một trong những vấn đề chung bức xúc nhất của toàn thể nhân loại. Trong hoạt động bảo vệ môi trường

có một nội dung quan trọng là bảo vệ tài nguyên, bao gồm việc quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên để tránh khai thác quá mức hoặc phá hủy chúng. Các tài nguyên thiên nhiên có thể tái tạo được như rừng và hải sản cần được bảo vệ ngay cả khi đang thu được nhiều lợi ích nhất; còn các tài nguyên khác không thể tái tạo được như nhiên liệu hóa thạch, trừ khi phải trải qua những khoảng thời gian địa chất rất lâu dài và phải được sử dụng một cách thận trọng theo hướng tìm cách thay thế bằng những dạng tài nguyên khác (như nhiên liệu có gốc thực vật...). Theo một quan niệm hiện đại, “Việc bảo vệ tài nguyên đôi khi cần đặt ra một cách vô điều kiện, vì bản thân các hệ tự nhiên còn quan trọng hơn việc khai thác sử dụng chúng.”⁽³⁾

Thông qua quá trình khai thác dai dẳng từ thiên nhiên nhưng thiếu hẳn tính kế hoạch để làm giàu vật chất cho mình, những nước đã thành công về mặt kinh tế trước đây trên thực tế cũng đã góp phần xấu hủy hoại môi trường, làm cạn kiệt tài nguyên rừng và khoáng sản gây biến đổi khí hậu cùng sự mất quân bình trong hệ thống sinh thái, đều là những nguyên nhân tổng quát trực tiếp hay gián tiếp gây nên các loại thảm họa thiên nhiên như nhân loại đã từng chứng kiến, mà các thế hệ về sau phải trả giá rất đắt để khắc phục nhưng e không còn kịp được nữa.

Ô nhiễm môi trường và bảo vệ môi trường vì thế còn là một vấn nạn chung cho cả loài người, đặc biệt trong hiện thực thế giới ngày nay nó ứng ngay vào những nước còn nghèo, trước hết vì đó là một cái vòng lẩn quẩn không dễ

⁽³⁾ *Từ Điển Môi Trường Anh Việt – Việt Anh*, Nxb Khoa Học Và Kỹ Thuật, Hà Nội, 1995, tr. 57.

giải quyết: Muốn phát triển thì phải mở thêm các nhà máy và như thế là làm gia tăng ô nhiễm; muốn cải thiện tình trạng lương thực thì phải dùng các loại phân bón và nông dược, thuốc kích thích sinh trưởng có nguồn gốc hóa học độc hại; thất nghiệp không có gì để sống, muốn kiếm được miếng ăn thì phải giết thú, chặt cây rừng... Ở Việt Nam, một nhà lãnh đạo chính trị cấp tỉnh đã trả lời một nhà khoa học khi nhà khoa học cảnh giác ông ta về nguy cơ gây ra bệnh ung thư của những nhà máy phốtphat tại địa phương: “*Đồng ruộng cần phân bón hơn, năng suất lúa thấp lắm, dân sợ đói hơn sợ ung thư.*” Nhà lãnh đạo đã nói rất thật lòng, mà cũng sát với thực tế cuộc sống của người dân, phải giải quyết cái ăn trước đã, bao giờ bệnh sẽ tính sau, mặc dù có khi không thể chữa được.

Dường như tại những nước còn nghèo, mọi “mô hình” hay con đường dẫn đến vẩn nạn rắc rối về môi sinh đều diễn ra một cách tương tự như những câu chuyện vừa kể. Với hiện thực Việt Nam, môi trường cũng đã và đang bị phá hủy một cách hết sức nghiêm trọng, mà theo ý kiến đánh giá của GS Võ Quý, “*đang tiến đến chỗ không kiểm soát nổi*”. Cũng theo GS Võ Quý,⁽⁴⁾ những thiên tai liên tiếp vừa qua ở Việt Nam như lũ quét, trận ngập lụt lịch sử ở Hà Nội... không thể gọi là thiên tai mà chính là nhân tai, “*Lấp hết hồ ao, lấn sông lấn ngòi thì nước thoát vào đâu mà không ngập úng. Chặt hết cây rừng thì lấy gì giữ nước mà không lũ quét.*”⁽⁵⁾

⁽⁴⁾ GS Võ Quý là một nhà sinh học Việt Nam từng nhận giải thưởng “Hành Tinh Xanh” năm 2003, từng được tạp chí *Time* bình chọn là “Anh Hùng Môi Trường” năm 2008.

⁽⁵⁾ Báo *Tuổi Trẻ*, 26-11-2008.

Ngày nay, ngày càng có nhiều người và nhiều dân tộc ý thức được rằng tai họa sinh thái một khi đã xảy ra sẽ không còn ranh giới quốc gia, nên phải có sự hợp lực giữa mọi quốc gia dân tộc để cùng nhau đối phó. Tuy nhiên, cho dù đã đồng nhận thức được vấn đề là có tính chất toàn cầu, sự chú ý vẫn đề lại không đồng đều nhau. Ở các quốc gia đang phát triển, khác với quốc gia đã có nền công nghiệp phát triển cao, vấn đề làm thế nào thoát ra khỏi sự nghèo đói thường được quan tâm trước tiên trong khi vấn đề bảo vệ môi trường chỉ được xem là thứ yếu, đôi khi còn bị xem là một việc làm xa lạ - xa xỉ, hoặc chỉ được làm một cách chấp vá chiếu lệ đầy tính hình thức, như trường hợp Việt Nam cũng là một thí dụ khá điển hình, nói chỉ đến một số nước châu Phi khác mà tình trạng còn có thể tồi tệ hơn rất nhiều. Vì vậy, tại các cuộc hội nghị quốc tế về môi trường, luôn diễn ra các cuộc tranh luận gay gắt giữa các nước có trình độ phát triển khác nhau: Các nước giàu không muốn ký kết các hiệp ước có nguy cơ làm giảm lợi nhuận trước mắt và mức sống hiện nay của họ; trong khi các nước nghèo cho rằng không có lý do gì họ phải giảm tốc độ phát triển, đồ thừa 80% tình trạng ô nhiễm hiện nay là do các nước giàu gây ra trong quá trình đã công nghiệp hóa.

Tựu trung, vấn đề là phải có một sự nhận thức sâu sắc đồng đều mang tính toàn cầu vì mỗi hiểm họa sẽ không chừa riêng một ai, trong một thế giới liên thuộc hoàn toàn cả về điều kiện thiên nhiên lẫn xã hội. Bên cạnh sự phát triển khoa học và kinh tế còn phải nghĩ đến yếu tố “phát triển cân bằng - bền vững” trên phạm vi toàn cầu, và điều đó nhất thiết phải liên quan đến những vấn đề thuộc về lối sống và hoạt động xã hội, cùng với những tiến trình chính trị phù hợp.

Đã có khá nhiều nỗ lực quốc tế để cứu vãn tình thế, thể hiện qua rất nhiều cuộc họp đa quốc gia, như Hội Nghị Khí Hậu Toronto năm 1988, Hội Nghị Liên Hiệp Quốc Về Môi Trường Và Phát Triển tháng 1-1992, Hội Nghị Thượng Đỉnh Trái Đất tháng 6-1992..., nhưng kết quả đều còn rất giới hạn. Vô số các vấn đề trên thế giới đã được thảo luận tại các hội nghị nhưng không đem lại một giải pháp dứt khoát nào, đặc biệt là các vấn đề về bùng nổ dân số, đói nghèo, phát triển, và năng lượng, mà tất cả đều có mối liên hệ chặt chẽ và tác động qua lại với tai họa biến đổi khí hậu đang đe dọa. *“Một vài vấn đề trở nên lớn đến nỗi không còn chỗ trống nào để tìm các giải pháp thành công.”*⁽⁶⁾ Trước tình trạng tổng khủng hoảng và tiến thoái lưỡng nan như thế, một số quan điểm bi quan còn cho rằng việc cứu chữa trái đất là đã quá trễ tràng!

CĂN BẢN TRIẾT LÝ HAY LỊCH SỬ NHẬN THỨC VẤN ĐỀ

Để phát triển kinh tế trong cái thế triệt buộc của những thời kỳ từ còn mông muội đến lúc chưa khai sáng hẳn, nhằm thỏa mãn dục vọng của mình, con người đã và vẫn đang chặt phá cây rừng, giết hại động vật hoang dã, đào khoáng sản dưới lòng đất, chặn dòng nước để làm thủy điện, lấp kênh rạch để xây nhà cửa dinh thự, mở thêm các nhà máy xả khí thải, nước thải và rác rến vào môi trường... Còn về thực phẩm thời hiện đại, hầu như trong bất cứ loại nào, từ tươi sống đến đóng gói, đều có đi kèm theo một hay nhiều loại hóa chất nào đó, gồm các chất để bảo quản, làm tươi, giục cho mau chín, kích thích tăng trưởng...; thịt cá

⁽⁶⁾ Lê Huy Bá, *Môi Trường Khí Hậu Thay Đổi – Mối Hiểm Họa Của Toàn Cầu*, Nxb TPHCM, 1997, tr. 18.

được nuôi bằng thuốc tăng trọng, hormone tăng trưởng, rau quả dùng thuốc trừ sâu... đều rất có hại cho sức khỏe... Và có lẽ chỉ có con người, chứ không phải loài vật, là thủ phạm chính gây ra tình trạng phá hủy chính môi trường mà họ luôn luôn muốn được sống... khỏe ở trong đó.

Các sự cảnh báo thật ra cũng đã có từ lâu, do các nhà khoa học, triết học và hoạt động tôn giáo, nhưng riêng trong phạm vi bảo vệ môi trường sống, con người thường khó tránh khỏi một “độ trễ nhận thức”, từ lúc mới được cảnh báo cho đến khi có đủ độ chín muồi nhận thức thực tế, mà khi thấy ra thì sự việc thường đã quá trễ tràng!

Nhiều người thấy rằng khoa học như một lưỡi dao bén, có mặt trái của nó, và cái gọi là “phát triển” lâu nay như Ivan Alice quan niệm, thực chất chỉ là một sự phá hoại trái đất, phá hoại môi trường, hậu quả cuối cùng là phá hoại con người trên tất cả các mặt.⁽⁷⁾ Một loại văn chương mới, loại ám tưởng, đã xuất hiện để báo động về tương lai u ám nếu con người cứ đuổi theo những khuynh hướng như hiện nay, tiêu biểu có quyển *Brave New World* (1932) của Aldous Huxley, và quyển *1984* (1949) của George Orwell. Những phim ám tưởng như *Metropolis* (1926) và *Modern Time* (1936) mô tả cảnh nhân loại chịu sự áp chế của chính trị và kỹ thuật.

Trong lịch sử, có khá nhiều dự báo về tương lai u ám của nhân loại đã được nêu ra hàng ngàn, hàng trăm năm trước. Từ xa xưa Khổng Tử từng nói: “*Nhân vô viễn lự, tất hữu cận ưu.*” (Người ta không biết lo xa tất phải có cái lo gần).

⁽⁷⁾ *Triết Học Tư Sản Phương Tây Hôm Nay*, Nxb Thông Tin Lý Luận, Hà Nội, 1986, tr. 142-143.

Các triết gia phương Đông quan niệm vũ trụ bao gồm cả vạn hữu và con người, là một bộ máy toàn hảo luôn vận động tuần hoàn theo luật Âm Dương. Đó là hai yếu tố căn bản, vừa tương phản nhưng cũng vừa tương hội, tương sinh, tương thành, thôi thúc, xô đẩy nhau để tạo nên thiên hình vạn trạng, trong cuộc biến hóa bất tận của thế giới sinh vật lẫn vô cơ.⁽⁸⁾ Trong Âm có Dương, trong Dương có Âm, nghĩa là hiện tượng nào cũng chứa sẵn mầm tự hủy của nó. Một vật sinh ra đã bắt đầu đi dần tới sự tan rã, và khi tan rã thì mở đầu cho một cái gì mới khác đang sinh, trong một dòng biến dịch không ngừng. Cái nhà Nho gọi là *dịch hóa* thì nhà Phật gọi là *vô thường* (sinh trụ dị diệt, hoặc: thành trụ hoại không), không có gì còn mãi hoặc mất luôn, mà đắp đổi, bổ túc cho nhau. Điều này hoàn toàn phù hợp với định luật bảo toàn khối lượng chất, mà theo cách phát biểu của M.V. Lomonôxốp (1711-1765) thì “*Tất cả những biến đổi diễn ra trong tự nhiên đều có đặc điểm là một vật thể mất đi bao nhiêu lượng chất thì lại có bấy nhiêu lượng chất kết hợp vào một vật thể khác. Định luật tự nhiên phổ biến này cũng áp dụng được cho cả những quy luật chuyển động.*”⁽⁹⁾ Cũng theo quan niệm Dịch học, một vật gì đạt tới trạng thái toàn thịnh (hay cùng cực) thì phải quay trở lại (*Lão Tử*: “Vật cực tắc phản”), và “Không có gì bằng mãi mà không nghiêng, đi mãi mà không trở lại.”⁽¹⁰⁾

Tìm thêm trong kinh sử để soi sáng thêm cho các vấn đề sinh tử đã nêu trên, có lẽ chúng ta dễ dàng đồng tình với

⁽⁸⁾ *Dịch*: “Hệ từ”: *Âm Dương tương thôi nhi sinh biến hóa.*

⁽⁹⁾ *Từ Điển Bách Khoa Nhà Hóa Học Trẻ Tuổi*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội, tr. 91.

⁽¹⁰⁾ *Dịch*: *Hào từ quẻ Thái*: “*Vô hình bất pha, vô vãng bất phục.*”

quan điểm khá quen thuộc của Aristote (384-322 TCN) rằng “*Mọi sinh vật đều có điều kỳ diệu của nó.*” Ý tưởng chính xác này có lẽ không khác gì mấy so với Khổng Tử (551-479 TCN) cũng mấy ngàn năm trước phát biểu về mối tương quan ứng xử đáng phải có với con người và các loài vật trong môi trường sống, mà ông coi là “đồng loại”, còn được Tư Mã Thiên ghi lại trong bộ *Sử Ký* (“Khổng Tử Thế Gia”): “*Tát cạn đầm làm khô nước cá thì giao long (thuồng luồng) không hợp âm dương, trút tổ chim phá vỡ trứng thì phượng hoàng không còn bay lượn. Vì sao thế? Là vì người quân tử tránh làm thương tổn đến đồng loại của mình.*” Loại ý tưởng thâm trầm sâu sắc và nhân bản như thế của người xưa, có thể dẫn chúng được nhiều thêm nữa, phải chăng là những lời khuyên cáo rất giá trị đối với loài người ngày nay liên quan đến trách nhiệm phải bảo vệ môi trường sống của chính mình bằng cách tôn trọng mọi sinh linh đang cùng sống chung trong ngôi làng Địa Cầu?

Bên cạnh những quy luật vận động, biến dịch mang tính biện chứng, chúng ta còn biết rằng loài người từ lâu đã nhận ra các luật về mâu thuẫn, khắc chế nhau giữa các sự vật cùng tồn tại trên thế giới, nhờ đó giữ được thế quân bình trong thiên nhiên hay là sự cân bằng sinh thái. Hãy xem cây cỏ, loài dế và chim sáo. Nếu ta bắn chết nhiều chim sáo thì loài dế có nhiều cơ hội sống hơn, chúng sẽ tàn diệt cây cỏ nhiều hơn rồi đến lượt chúng cũng sẽ chết vì cây cỏ trụi hết không còn gì để mà ăn nữa. Ba loài đó hợp thành một hệ thống sinh giới nhỏ; nếu có một bộ phận bị thay đổi thì toàn hệ thống cũng thay đổi theo và có thể bị tiêu diệt. Các nhà khoa học nhận xét rằng hệ thống càng phức tạp thì càng dễ giữ được thế quân bình. Bằng khoa học - kỹ thuật và trí thông minh, con người can thiệp vào

giới tự nhiên để phục vụ cho lợi ích mình, nhưng nếu không chú ý mà làm phá vỡ thế cân bằng ấy thì tất những cái hại tiếp theo sẽ được sinh ra...

Hơn một trăm năm về trước, trong tác phẩm nổi tiếng *Biện Chứng Của Tự Nhiên* (1873-1876), Friedrich Engels (1820-1895) chẳng đã từng nhắc rõ: “*Chúng ta cũng không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên. Bởi vì cứ mỗi lần ta đạt được một thắng lợi, là mỗi lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta. Thật thế, mỗi một thắng lợi, trước hết là đem lại cho chúng ta những kết quả mà chúng ta hằng mong muốn, nhưng đến lượt thứ hai, lượt thứ ba, thì nó lại gây ra những tác dụng hoàn toàn khác hẳn, không lường trước được, những tác dụng thường hay phá hủy tất cả những kết quả đầu tiên đó... Những sự việc đó nhắc nhở chúng ta từng giờ từng phút rằng chúng ta hoàn toàn không thống trị được giới tự nhiên như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác, như một người sống bên ngoài giới tự nhiên, mà trái lại bản thân chúng ta, máu mủ và đầu óc chúng ta, là thuộc về giới tự nhiên, và tất cả sự thống trị của chúng ta đối với giới tự nhiên biểu hiện ở chỗ là chúng ta có ưu điểm hơn tất cả những sinh vật khác, nghĩa là chúng ta nhận thức được quy luật của giới tự nhiên và có thể sử dụng được những quy luật đó một cách chính xác...*”⁽¹¹⁾

Trong những lời nhắc nhở minh triết vừa trích dẫn, nhà triết học Friedrich Engels trong khi nhận thức rất rõ mối nguy cơ về sự trừng phạt ác liệt của giới tự nhiên (bây giờ chúng ta gọi là khủng hoảng môi sinh, biến đổi khí hậu...),

⁽¹¹⁾ Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1971, tr. 168-169.

vẫn còn có một niềm tin ở khả năng chế ngự của con người đối với giới tự nhiên, do chỗ con người “*nhận thức được quy luật của giới tự nhiên và có thể sử dụng được những quy luật đó một cách chính xác...*” Tuy nhiên, “có thể” và “hiện thực” là hai khái niệm vẫn luôn luôn giữ một khoảng cách chênh lệch khá xa với tổng hợp kết quả tối hậu của chúng có khi là một ẩn số hay bí ẩn lịch sử mà con người phải cố gắng tìm kiếm để giải đáp cho những vấn đề thuộc số phận của mình.

Ban đầu các dự báo thường không được nhân loại quan tâm đúng mức, thậm chí còn thờ ơ ghẻ lạnh, nhưng sau nghiệm lại thì thấy đúng “y như trong kính”, như có thể dẫn chứng những lời cảnh báo thiết tha của nhóm Câu Lạc Bộ La Mã (*The Club of Rome*) khi tổ chức quốc tế phi chính phủ này lần đầu tiên đưa ra bản báo cáo “*Những Giới Hạn Tăng Trưởng*” (*The Limits to Growth*) vào tháng 3-1972 nói tới hậu quả của năm xu hướng lớn trên toàn cầu: công nghiệp hóa gia tăng, dân số tăng lên quá nhanh, nạn suy dinh dưỡng lan rộng, các nguồn tài nguyên không thể tái tạo vì bị vắt kiệt, môi trường xuống cấp vì bị con người hủy hoại: “*Chừng nào một xã hội nhận ra rằng không thể nào tối đa hóa tất cả mọi thứ cho tất cả mọi người, thì nó phải bắt đầu lựa chọn... Thêm người hay thêm của, thêm khoảng đất hoang vu hay thêm xe hơi, thêm thực phẩm cho kẻ nghèo hay thêm dịch vụ cho người giàu?*”⁽¹²⁾

Mối nguy hại của tình trạng khủng hoảng sinh thái toàn cầu ngày càng được loài người văn minh nhận mạnh và

⁽¹²⁾ *Giới Hạn Phát Triển* - Phúc trình cho dự án nghiên cứu của Câu Lạc Bộ La Mã về nguy cơ nhân loại, Nxb Hiện Đại Thư Xã, 1974, tr. 177-178.

nhận thức rõ hơn. Đáng ghi nhận còn có bản “*Tuyên Bố Vancouver*” năm 1989. Khoảng hơn 20 chuyên gia từ khắp nơi trên thế giới đã họp nhau tại Vancouver (Canada) để suy nghĩ về “*Khoa học và văn hóa ở thế kỷ 21: một chương trình để sống còn*”. Kết thúc hội thảo, họ đã thông qua bản tuyên bố nói trên với nhận định cơ bản cho rằng hành tinh của chúng ta không ổn định, đó là một động cơ nhiệt không ngừng thay đổi chế độ vận hành. Sự sống, xuất hiện trên trái đất cách đây 4 tỷ năm, phát triển trong thế cân bằng với một môi trường trong đó sự thay đổi đột ngột và không lường trước lại là một thông lệ. Nhân loại hiện đứng trước một tình thế trong đó mọi sự cân bằng giữa giống loài chúng ta và toàn bộ sự sống còn lại trên trái đất có nguy cơ sụp đổ. Rằng nguồn gốc của những khó khăn hiện nay cơ bản nằm trong một số tiến bộ khoa học đã hoàn thành chủ yếu vào đầu thế kỷ XX. Những tiến bộ ấy... đã đem lại cho con người một quyền lực đối với tự nhiên... Say sưa với việc khai thác quyền lực ấy, loài người có khuynh hướng làm thay đổi các giá trị của mình, đề cao giá trị của thứ gì đẩy mạnh việc khai thác tối đa những khả năng vật chất mà quyền lực mới kia đem lại. Đồng thời, những giá trị... từng làm nền tảng cho các nền văn hóa trước kia, bị bỏ rơi. Rằng thời gian không còn nhiều: Mọi chậm trễ trong việc thiết lập một nền hòa bình sinh thái - văn hóa thế giới sẽ chỉ làm tăng lên cái giá phải trả cho sự sống còn. Rằng chúng ta phải thừa nhận thực tế của một thế giới đa tôn giáo và sự cần thiết phải có một kiểu khoan dung cho phép các tôn giáo có thể hợp tác với nhau cho dù khác biệt nhau đến đâu. Sự hợp tác ấy sẽ góp phần đáp ứng những đòi hỏi cho sự sống còn của loài người và việc duy trì các giá trị cơ bản chung của tình đoàn kết giữa con người, của các quyền con

người và nhân phẩm. Đó là di sản chung của loài người, sinh ra từ nhận thức của chúng ta về ý nghĩa siêu nghiệm của cuộc sống con người và từ một ý thức toàn cầu mới.⁽¹³⁾

Sau “Tuyên Bố Vancouver” vài năm, một Hội Nghị Thượng Đỉnh Trái Đất họp ở Rio de Janeiro (Brazil) vào ngày 6-3-1992 tiếp tục khẳng định các mối đe dọa về môi trường, cho rằng môi trường đã trở thành những vấn đề quan trọng nhất của nhân loại. Nếu trước kia các cuộc thảo luận thường tập trung ở các yếu tố có khả năng hủy hoại môi trường, những mối hiểm họa lớn lao về môi trường mà con người đang và sẽ phải đối phó thì trong cuộc họp quan trọng lần này, trọng tâm của vấn đề chính là một tổng thể các biện pháp giải quyết có hiệu quả, trong đó có vấn đề tài chính để thực hiện.

Tiếp theo Hội Nghị Thượng Đỉnh Trái Đất năm 1992, còn có khoảng gần một chục cuộc hội nghị thượng đỉnh quốc tế khác do Liên Hiệp Quốc triệu tập với sự có mặt của nhiều nguyên thủ quốc gia nhằm mục đích lay động mọi thành viên quốc gia và cá nhân trên thế giới nhất trí cao hướng sự tập trung của mình vào việc bảo vệ môi trường sống chung của loài người trên trái đất.

Mới đây nhất, thế giới hơi giật mình suy nghĩ về một sự kiện mà mới thoát nhìn người ta ai cũng dễ cảm thấy như không quan trọng: Canada đòi rút khỏi Nghị Định Thư Kyoto, với lý do chính cho rằng, theo Bộ Trưởng Môi Trường Peter Kent của nước này loan báo, nghị định thư này “không phải là con đường đi về phía trước của

Canada” và quốc gia này có thể đối diện với sự trừng phạt khắc nghiệt nếu không đạt được các mục tiêu đã cam kết.

Như chúng ta đều biết, Nghị Định Thư Kyoto ký kết ngày 11-12-1997 tại Kyoto và chính thức có hiệu lực vào ngày 16-02-2005 là một thỏa thuận chung có tính toàn cầu về việc cắt giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính để ngăn ngừa khả năng hủy diệt thế giới do những khó khăn của nhân loại trong vấn đề đối phó với tình trạng khủng hoảng môi sinh đang ngày càng thôi thúc và gia tăng mức độ đe dọa.

Bằng một lương tri thông thường, chúng ta có thể nhận ra rằng những lời tuyên bố của Bộ Trưởng Kent là có tính trách nhiệm cao của những người cần trọng không ưa sự “hứa ầu” hoặc lẫn tránh sự thật, thêm một lần nữa chứng tỏ trên thực tế rằng hầu hết các cuộc hội nghị thượng đỉnh đa quốc gia liên kết chống lại nạn ô nhiễm môi trường thế giới đều thất bại phần lớn, do có sự đùn đẩy trách nhiệm lẫn nhau giữa nước này với nước khác, như ở một đoạn trên đã nói.

Trong một tình trạng hầu như có thể gọi là bế tắc như vậy, thì một tia hy vọng mới lại được lóe lên: Trong tháng cuối cùng của năm 2011, Hội Nghị Durban ở Nam Phi về khí hậu toàn cầu của Liên Hiệp Quốc đã đạt được một thỏa thuận rất lạc quan vào phút chót, sau nhiều lần tưởng như đổ vỡ vì không thể tìm được tiếng nói chung giữa các quốc gia. Theo thỏa thuận này, Liên Minh Châu Âu đã đáp ứng một đòi hỏi căn bản của các nước đang phát triển bằng cách đưa các cam kết cắt giảm khí thải vào khuôn khổ Nghị Định Thư Kyoto vốn có tính ràng buộc về mặt pháp lý.

Các cuộc thảo luận về một thỏa thuận chung mang tính

⁽¹³⁾ Xem “Tuyên Bố Vancouver”, tạp chí *Phát Triển Kinh Tế*, số 21, tháng 7-1992, tr. 12-13.

ràng buộc mới giữa tất cả các quốc gia sẽ bắt đầu vào năm 2012 cho đến trước năm 2015. Thỏa thuận mới này sẽ có hiệu lực trước năm 2020.

Trong khi nhiều nỗ lực đàm phán đi đến các thỏa thuận ký kết đa quốc gia đã đạt được một cách tương đối lạc quan trên cơ sở một ý thức nhân loại toàn cầu mới ngày càng tỏ lộ rõ nét hơn thì Liên Hiệp Quốc vẫn phải tiếp tục cho hay rằng tình trạng thiên tai trên thế giới vẫn sẽ tiếp tục hoành hành ngày một dữ dội hơn. Ngày 18-11-2011, Ủy Ban Liên Chính Phủ Về Biến Đổi Khí Hậu (IPCC) của Liên Hiệp Quốc đã công bố một bản báo cáo đặc biệt về hiện tượng trái đất ấm dần lên. IPCC cảnh báo hiện tượng thời tiết nguy hiểm có thể biến một số khu vực trở nên không thể sinh sống được; các đợt nóng kéo dài vốn hiếm gặp thì đến giữa thế kỷ này sẽ xảy ra với tần suất năm năm một lần; mưa bão ở Mỹ và Canada cũng sẽ xảy ra thường xuyên hơn trong thời gian tới. Tại Đông Nam Á, nơi thường xuyên xảy ra lũ lụt, thì trong tương lai tần suất thiên tai loại này sẽ cao hơn gấp bốn lần so với hiện tại... IPCC cũng cảnh báo các nhà lãnh đạo trên thế giới nên chuẩn bị tốt hơn để đối phó với thời tiết khắc nghiệt và cần phản ứng kịp thời, giảm thiểu rủi ro, đừng đợi thảm họa xảy ra mới tìm cách khắc phục hậu quả...

TRỞ LẠI VẤN ĐỀ TẬN THỂ VÀ SỰ CHỌN LỰA LỐI SỐNG CỦA CON NGƯỜI

Tạo Hóa dựng nên con người, ban cho ngôi nhà trái đất để ở và các thức tùy dụng, nhưng từ khi có lịch sử đến giờ, con người hình như vẫn phải tiếp tục tìm cách giải quyết những vấn đề cơ bản của mình, để được sống bình yên, no đủ và hạnh phúc. Nền khoa học - kỹ thuật mà có lúc người ta tưởng là phép mầu, nay đã không chứng tỏ được khả

năng chế ngự tuyệt đối của nó đối với sức mạnh huyền diệu của thiên nhiên. Trái lại cách sử dụng khoa học theo kiểu nào đó như đã từng được thấy còn có thể đẩy con người đến trước những mối đe dọa mà giải pháp khó thể được minh định một cách chắc chắn.

Giờ đây, đứng trước nhiều mối hiểm họa, nhất là tình trạng khủng hoảng môi sinh có tính toàn cầu – hệ quả của nạn nhân mãn và sự phát triển thiếu cân bằng của nền khoa học - kỹ thuật, nổi ám ảnh về một ngày “tận thế” nào đó không phải là không có thực đối với một bộ phận không nhỏ con người trên hành tinh. Tuy nhiên, cho đến nay, điều đó chỉ có thể suy diễn theo độ nhạy cảm riêng của mỗi người thôi chứ chưa thể tìm đủ được căn cứ khoa học để chứng minh theo hướng khẳng định hay phủ định; và nếu điều đó giả định có xảy ra thì cũng không ai có thẩm quyền để xác nhận về mặt thời gian chừng nào nó xảy ra, khi mà con người vẫn còn đang đi tới trong cuộc hành trình vất vả của mình mà cái đích tối hậu còn tùy thuộc rất nhiều ở họ.

Như được biết, từ lâu và thời nào nhân loại cũng có những nhà tiên tri, các khái niệm về “tận thế” hay “mạt pháp” hay “Hội Long Hoa”..., tùy theo tôn giáo, cũng được một số không ít người tin theo. Ngoài ra, một số nhà tu hành cũng đã dựa vào những niềm tin như thế để khuyến khích con người làm điều thiện, tránh điều ác, “tu mau kéo trễ”, xét cho cùng về nhiều mặt đều có tác dụng lợi lạc cho cuộc nhân sinh, dựa trên niềm xác tín rằng điều ác vẫn còn có thể trừ bỏ được. Trên thực tế, các lời tiên tri gì gì đó cũng có thể có giá trị nhất định riêng của chúng, vì cũng là sản phẩm tư duy của loài người. Chúng chỉ khác với các dự báo mang tính khoa học ở chỗ con đường và phương pháp

tiếp cận, một đẳng chú trọng trực giác và những suy nghiệm thuần túy tâm linh hoặc tư tưởng, còn đẳng kia căn cứ trên khoa học thực nghiệm. Nhưng ngay cả tất cả các khoa học tự nhiên và khoa học xã hội dựa trên điều tra, thống kê và thực nghiệm cũng không thể giải quyết được mọi vấn đề của con người (như hạnh phúc, đau khổ, sự rủi ro, cái chết...), vì thế nếu có sự hợp tác, bổ sung lẫn nhau giữa khoa học, triết học, tôn giáo thì đó cũng là điều mà loài người tiến bộ hoàn toàn có thể chấp nhận được, nếu không muốn nói là phải nên như thế.

Trong tình trạng biến đổi khí hậu sâu sắc hiện nay, người ta tuy chưa thể đoán ra chính xác ngày tận thế cụ thể nhưng đã có thể trông thấy được hiện tượng “tận thế cục bộ hay từng phần”, biểu hiện ở những trận thiên tai ngày càng khủng khiếp với mỗi lần tiêu diệt đến hàng trăm ngàn người, mà các hậu quả về mặt đấu tranh xã hội tiếp sau là không thể tránh khỏi!

Mặc dù dự báo vẫn chỉ là dự báo, phải đợi sự kiểm nghiệm của thực tiễn mới đủ điều kiện đánh giá đầy đủ, nhưng một khi nó đã được đưa ra căn cứ vào những dữ liệu đầu vào tương đối chính xác thì thường thường cũng có thể đạt được một mức độ khả tín nhất định, hay tệ nhất cũng chỉ ra được xu thế phát triển chung mà xu thế này không thể đảo ngược so với những điều đã được dự báo. Trong một thế giới vốn dĩ liên thông toàn diện mọi mặt cả về thiên nhiên lẫn kinh tế - chính trị - xã hội, tùy thuộc vào hàng triệu triệu yếu tố tác động qua lại lẫn nhau và không đứng yên một chỗ trong cái dòng biến dịch bất tận diệu kỳ của thiên nhiên mà kiến thức loài người không thể đo đếm hay kiểm soát được hết, thì người ta cũng không nên quá

khắt khe đòi hỏi các điểm dự báo áp dụng cho từng khu vực cụ thể nhất định nào đó trên trái đất phải đạt được mức độ hoàn hảo, miễn là nó phải được đưa ra một cách nghiêm túc căn cứ vào các dữ kiện khoa học khách quan chứ không nhằm mục đích vụ lợi rẻ tiền hoặc tùy thuộc vào ý chí chủ quan của bất kỳ lực lượng chính trị nào.

Hoặc giả, nhân loại vẫn sẽ còn tồn tại dài dài, không tận thế nhưng cũng không lúc nào được sống yên ổn. Nói như nhà sử học Will Durant (1885-1981), dựa vào thực tế lịch sử đã khảo sát kỹ trong suốt mấy ngàn năm, là “*Nếu loài người trở nên đông quá không kiếm đủ thức ăn thì Tào Hóa có ba cách để lập lại thế quân bình: nạn đói, bệnh dịch và chiến tranh.*”⁽¹⁴⁾ Durant quên nhắc đến yếu tố thiên tai và các loại nhân họa khác còn giết người nhiều hơn cả nạn đói hay chiến tranh, bệnh dịch, có lẽ vì khi viết bộ *Câu Chuyện Của Nền Văn Minh* (The Story of Civilization) nổi tiếng của mình, từ hơn nửa thế kỷ trước, tình trạng thiên tai và nhân họa lúc đó còn ít hơn bây giờ rất nhiều.

Nhờ sự tiến bộ của khoa học, nhân loại có thể ngày càng nhận thức sâu hơn tình trạng hiểm nguy của mình trong biến đổi khí hậu cũng như đã dễ dàng nắm bắt vững hơn những phương thức gì cần được thi triển để ứng phó thích hợp. Nhưng cái khó nhất của loài người không phải ở chỗ thiếu tri thức khoa học, mà rốt cuộc là ở chỗ hầu như không thể thay đổi được lối sống của mình, khi vẫn tiếp tục tranh nhau duy trì hoặc gia tăng mức thu nhập, nhằm thỏa mãn các dục vọng về nhu cầu vật chất, bằng cách tiếp tục sản

⁽¹⁴⁾ Nguyễn Hiến Lê, *Bài Học Của Lịch Sử*, Nxb Tổng Hợp TPHCM, 2006, tr. 24-25.

xuất, mua sắm... quăng vào môi trường đủ loại yếu tố ô nhiễm, vốn là căn nguyên gây nên cuộc tổng khủng hoảng môi sinh toàn cầu như hiện nay.

Còn các nhà lãnh đạo ở mỗi nước, mặc dù đã nhận được lời khuyên nhiều lần của tổ chức Liên Hiệp Quốc, người ta có thể hy vọng được gì ở họ, trong khi vẫn thấy rõ ràng phần lớn họ vẫn tiếp tục chủ trương đua nhau phát triển kinh tế và phô trương các loại vũ khí để ghìm nhau trong cuộc cạnh tranh quyền lợi bất tận và ngày càng ác liệt?

Cho nên, có tránh được một trận Đại Hồng Thủy hủy diệt thế giới hay không thì đó có lẽ cũng là một câu đố bí ẩn của lịch sử, chưa thể có lời giải đáp ngay được trong lúc này!

Trong khi chưa thể có căn cứ chắc chắn để xác định về hiểm họa và thời gian xảy ra tận thế toàn phần, một thực tế mới ngày nay là phần khá lớn con người cũng đã bắt đầu chịu suy nghĩ nhiều hơn về tương lai cùng thái độ sống hiện tại của mình. Một bản báo cáo quan trọng dày 6.700 trang về tương lai hành tinh, trong đó chủ yếu liên quan đến vấn đề biến đổi khí hậu do UNESCO, Ngân Hàng Thế Giới và vài tổ chức khoa học nghiêm túc khác phối hợp thực hiện đã được chính thức công bố vào tháng 8-2009, có thể chứng minh được cho những luận điểm vừa nêu ra ở trên. Được biết, bản báo cáo đã đưa ra kết luận: *“Nếu không có tăng trưởng bền vững, hàng tỷ người sẽ rơi vào đói kém và nhiều nền văn minh sẽ sụp đổ.”* Loài người muốn tìm kiếm cơ hội sống sót trong biến đổi khí hậu, họ cần phải bỏ ra thật nhiều nỗ lực tương tự như muốn đưa người lên mặt trăng vậy! Bản báo cáo còn đánh giá tình trạng suy thoái hiện nay khiến mười năm tới một nửa thế giới sẽ phải đối

mặt với bạo lực, bất ổn do nạn thất nghiệp gia tăng, cộng thêm tình trạng thiếu nước, lương thực và năng lượng, và trên cái nền biến đổi khí hậu, sẽ tạo ra hàng loạt vấn đề về an ninh môi trường, với cảnh báo rằng những thay đổi về khí hậu sẽ khiến thiệt hại sinh mạng tăng cao, dẫn tới nguy cơ nhiều quốc gia bị xóa sổ, và mối đe dọa bị xóa sổ này đang và sẽ tạo ra những vấn đề rất lớn về chính trị - xã hội.

Nếu mối đe dọa về một ngày tận thế hay mặt pháp có thể làm cho một số người tu tỉnh, bằng cách điều chỉnh lại nhân sinh quan, xem xét lại lối sống, hành động của mình và đặt lại các bậc thang giá trị mà lâu nay mình vẫn nhắm mắt theo đuổi (thí dụ quá chạy theo tiền bạc, của cải vật chất...), thì bản báo cáo nêu trên của UNESCO cũng hy vọng có một tác dụng tương tự về mặt điều chỉnh nhận thức, lối sống cho loài người hiện đại, khi các tác giả tự tin rằng họ cũng thấy một chút tích cực về tương lai: *“Tin tốt lành là khủng hoảng tài chính toàn cầu và biến đổi khí hậu sẽ giúp loài người chuyển dịch từ lối cư xử và suy nghĩ ích kỷ, coi mình là trung tâm, sang lối ứng xử trưởng thành hơn, có trách nhiệm hơn với cộng đồng thế giới... Nhiều người tin rằng thảm họa kinh tế hiện nay là một cơ hội để đầu tư cho một thể hệ công nghệ xanh tiếp theo, đánh giá lại những lý thuyết về phát triển kinh tế, và đưa thế giới vào quỹ đạo đến một tương lai tốt hơn...”*

20-02-2012

TRẦN VĂN CHÁNH

* Một số nội dung cốt lõi trên đây được phát biểu trong bài *Tương lai nhân loại qua vấn nạn khủng hoảng môi sinh toàn cầu* (ký tên Trần Khuyết Nghi), đăng trong *Suối Nguồn* số 1 (Nxb TpHCM, tháng 5-2011). Nay tác giả chỉnh sửa, bổ sung nhiều thông tin cập nhật, để trình bày vấn đề cho rõ hơn. [VĂN UYÊN]

LIÊN TÔN TRONG TÌNH ĐẠI ĐẠO

** Giai phẩm Xuân Hòa Đồng ⁽¹⁾ đầu năm Nhâm Thìn (2012) không kịp tường thuật một sinh hoạt liên tôn đầy ý nghĩa là lễ Giáng Sinh 2011 tại thánh thất Bàu Sen. Chúng tôi hân hạnh trích đăng lại đây bài viết của hiền huynh **HÒA DUYÊN**, nhan đề: “Chung Vui Mừng Lễ Chúa Giáng Sinh Tại Thánh Thất Bàu Sen”. Có thể xem bài viết này như một bổ túc cho phần Nhìn Lại Một Năm, in trong quyển Con Đường Hạnh Phúc, ⁽²⁾ để lưu niệm mối duyên lành hội ngộ giữa Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn Tổng Giáo Phận Tp.HCM và họ đạo Bàu Sen cũng như Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.*

Ban Ấn Tống

*

Theo thông lệ từ hai năm nay, Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn (MVĐTLT) đến mừng lễ tại thánh thất Bàu Sen (TTBS) sáng 24-12-2011. Tấm băng rôn mang dòng chữ: “VINH DANH THIÊN CHÚA TRÊN TRỜI, BÌNH AN DƯỚI THẾ CHO NGƯỜI THIỆN TÂM” trong hội trường như nói thay cho người mời, lý do tụ họp anh chị em đến từ nhiều vùng miền đất nước, từ nhiều niềm tin tôn giáo và không tín ngưỡng tại hội trường TTBS.

Riêng phía Công Giáo, đây là lần chúng tôi tham dự lễ với lượng nhân sự phong nhiêu về con số lẫn thành phần:

⁽¹⁾ Nhiều người viết. NXB Tôn Giáo, 2012.

⁽²⁾ Của Huệ Khải. NXB Tôn Giáo, 2011, tr. 30-70.

36 sœurs thuộc 16 dòng tu, hơn 10 quý anh chị thuộc lớp Thực Hành ĐTLT của Học Viện Mục Vụ, Cha Giuse Trần Đình Thụy (Giám Học Đại Chung Viện Thánh Quý, Cần Thơ), ông Giacôbê Lê Văn Lễ – giáo dân giáo xứ Chợ Quán, là bạn thân của Quý huynh tử Cao Đài, hai linh mục, hai nữ tu và năm giáo dân thuộc Ban MVĐTLT.

Chào đón

Sau *Kinh Nhập Hội* (khai hội) là phần phát biểu khai mạc của đạo huynh Đạt Tịnh – Chánh Hội Trưởng TTBS với những nội dung chính: TTBS được khai sáng từ năm 1949 với đồ hình kiến trúc chữ VẠN (ý nghĩa là cát tường, hàm ý cầu nguyện cho bá tánh được an lạc). Các đạo hữu TTBS càng ngày càng thắt chặt mối thâm giao với các tôn giáo, đặc biệt là với Ban MVĐTLT. Năm 2011 là năm có nhiều hoa trái thơm ngọt... đó là nhờ ơn phước của Đức Giêsu – Đấng Cứu Thế. Xin cảm ơn sự hiện diện cùng những hoa, quà mừng của các cấp chính quyền, của các đơn vị khách mời và đại diện của các thánh thất, thánh tịnh...

Thuyết minh giáo lý

Đạo huynh Huệ Khải mở lời giới thiệu “*Học tu theo Lời Chúa qua Kinh Thánh*” và trình bày đề tài *Con Đường Hạnh Phúc*.

Đạo huynh Huệ Khải khởi đi từ thói quen của mọi người chúc nhau nhân dịp Giáng Sinh là “*Merry Christmas and A Happy New Year*”. Ông dẫn đến nhu cầu sâu xa nhất của con người là mưu cầu hạnh phúc. Vậy hạnh phúc là gì? Làm sao để đạt được hạnh phúc?

Người thương gia làm ăn kiếm được nhiều lợi nhuận, ấy

là hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc này không thật! Lời Chúa Giêsu dạy ta trong Tân Ước là: *“Anh em đừng tích trữ cho mình những kho tàng dưới đất, nơi mỗi một làm hư nát, và kẻ trộm khoét vách lấy đi.”* Ông dí dỏm nói: Chúa dạy chúng ta gởi lên ngân hàng Thượng Giới thì không sợ gì cả, vì Lời Chúa nói: *“Nhưng hãy tích trữ cho mình những kho tàng trên trời, nơi mỗi một không làm hư nát, và kẻ trộm không khoét vách lấy đi. Vì kho tàng của anh ở đâu, thì lòng anh ở đó.”* (Mt 6,19-21)

Xin thưa, “hạnh phúc là những gì ta đón nhận từ Ôn Trên ban cho chúng ta”. Như Thánh Giacôbê nói: *“Mọi ân lành và mọi phúc lộc hoàn hảo đều do từ trên, đều tuôn xuống từ Cha là Đấng dựng nên muôn tinh tú.”* (Gc 1,17)

Đức Phật dạy rằng “Đời là khổ hải (biển khổ)!” và trong thánh giáo, Đức Chí Tôn dạy: *“Cam lòng với cảnh thuyền xê / Có Thầy con trẻ ử ê chi mà.”* Vâng, trong Phúc Âm theo Thánh Gioan viết ở đầu chương 14: *“Anh em đừng xao xuyến! Hãy tin vào Thiên Chúa và tin vào Thầy. Trong nhà Cha Thầy, có nhiều chỗ ở ...”*

Chúng ta phải có thái độ sống thế nào để được hạnh phúc? Con người luôn bị những thử thách do satan bày ra và do xác thịt nặng nề. Nếu đức tin ta yếu đuối, thì sẽ bị chi phối và theo đường tà. Kinh Sám Hối có viết: *“Biết chước quỷ đánh lừa phá hoại / Yếu đức tin nên phải lụy mình.”*

Luật pháp có là để làm “rào cản an toàn” bảo vệ cho con người. Chúng ta có: luật công bình của trời đất, luật trong lương tâm của mỗi người, luật trong Lời Chúa được ghi ở Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước.

Kết luận, muốn sống đặng hạnh phúc trong năm 2012,

đạo huynh có ba điều tâm niệm: ① Chia sẻ với đồng loại không may mắn bằng mình. ② Gắn mỗi liên kết với các Đấng thiêng liêng Trời-Phật-Chúa ... như cành gắn với thân gốc. ③ Hãy khôn ngoan chọn hạnh phúc thật, từ bỏ hạnh phúc giả. Lấy trí mà chọn chưa đủ, mà cần lấy Chính Pháp làm đuốc tuệ để soi sáng.

Đạo huynh đã trình bày chuyên đề một cách mạch lạc, bằng lối diễn giải từ tốn, trân trọng, xác tín, có duyên và rất dí dỏm ... Nội dung bài thuyết minh có trích dẫn Kinh Thánh Cựu Ước, Tân Ước đến 15 lần, đồng thời trích dẫn Đức Lão Tử, thánh giáo của Đức Cao Đài, nhà thơ Tagore (1861-1941) ... Quả là “nói có sách và mách có chứng”.



Nữ tu MAI THÀNH (Dòng Đức Bà) tặng hoa và thiệp Giáng Sinh chúc mừng Đh Huệ Khải sau bài nói chuyện.

Phát biểu cảm tưởng

* Linh mục PX Bảo Lộc (Trưởng Ban MVĐTLT) trình bày về linh đạo lễ Giáng Sinh qua hai thuật ngữ “Emmanuel” và “Kenosis”. Chính xác tín Thiên Chúa ở cùng chúng ta và sự khiêm nhu giúp con người cảm nghiệm được hạnh phúc.



Cuối bài chia sẻ của Lm Bảo Lộc, các nữ tu sinh viên thuộc Học Viện Liên Dòng Nữ Phaolô Nguyễn Văn Bình đồng ca bài “Hát Khen Mừng Chúa Giáng Sinh Ra Đời”.

* Ông Lê Hồng Phúc (Phó Giám Đốc Sở Nội Vụ kiêm Phó Ban Tôn Giáo Và Dân Tộc Tp.HCM) phát biểu: “Hiện nay, các doanh nghiệp là những người làm ra sản phẩm cho xã hội, còn chúng ta là những nhà tu hành. Đức tin thì không có định tính, không có định hình, nhưng mà định hướng được cho nhân loại. Quý vị sẽ giúp cho hàng ngàn, hàng vạn, hàng tỷ người sống an lành ... Tôi thành tâm cầu Thiên Chúa ban phúc lành cho chúng ta đón mùa Giáng Sinh và năm mới mọi sự tốt đẹp ...”



DH Trần Văn Quang (Phó Ban Cai Quản TTBS) trao đổi với hiền huynh Giuse Bùi Văn Hóa (Phó Ban MVĐTLT).

*

Tôi nghiệm ra rằng hôm nay mọi người đến với nhau theo thiệp mời của CHÚA GIÊSU HÀI ĐỒNG. Và Ngài như đã phát ngôn “LỜI YÊU THƯƠNG”, qua môi miệng tất cả mọi người. “Lòng chúng ta đã chẳng bùng cháy lên sao?” (Lc 24, 32). Đó chẳng phải là “hang đá nhỏ trong tâm mỗi người” đã có đầy ư! Chỉ còn việc “Mời Chúa Nhập Thể cùng Nhập Thể với mọi người”.

HÒA DUYÊN

<http://www.nhipcautamgiao.net>

XUÂN ĐƯA BẠN ĐẾN

Linh Mục **TÂM GIAO**

Trước thềm năm mới Nhâm Thìn, nhiều cuộc thăm viếng đã diễn ra, bao cuộc tao phùng, tái ngộ song hành với mùa Xuân, để thắt chặt tình thân hữu.

Giữa những cuộc gặp gỡ đầu Xuân tại Trung Tâm Mục Vụ Tổng Giáo Phận (TTMV), sáng ngày 19-01-2012 (26 tháng Chạp năm Tân Mão), cùng với Linh Mục Phêrô Nguyễn Văn Hiền, Phó Giám Đốc TTMV, Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn được hoan hỷ đón tiếp ba đạo huynh phụ trách thánh thất Bàu Sen và Chương Trình Chung Tay Ân Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

Nhịp độ hội ngộ – tái ngộ giữa anh chị em Công Giáo sinh hoạt tại Trung Tâm Mục Vụ Tổng Giáo Phận với quý đạo hữu Cao Đài thuộc thánh thất Bàu Sen tăng triển nhiều trong năm Tân Mão vừa qua so với năm trước. Do đó, trong bốn khắc tương ngộ, sau khi trao nhau lời chúc nguyện và tặng phẩm xuân, đạo hữu đôi bên đã cùng tọa đàm về những dự án cộng tác để phụng sự Đạo Tâm trong năm 2012. “*Đồng thanh tương ứng...*” – đó là cảm nhận chung của anh chị em Kitô hữu lẫn quý Chánh, Phó Hội Trưởng thánh thất Cao Đài (đạo huynh Đạt Tịnh, Trần Văn Quang) và đạo huynh Huệ Khải.

Trước khi tạm biệt, các thành viên của Ban MVĐTLT cùng ba vị đạo hữu Cao Đài, đến viếng tượng đài Đức Mẹ Lộ Đức (ở trước Nhà Truyền Thống Tổng Giáo Phận), rồi anh chị em Công Giáo cất tiếng ca nhờ Mẹ Thiên Chúa cầu bầu cho mọi người, vì ý thức rằng:

Mưu sự tại nhân,
Thành sự tại thiên.

*

Chia tay những người Bạn Đạo mà lòng tự hỏi:

Xuân đưa Bạn đến hay Bạn mang Xuân về?

Dường như khi ta với mình gặp nhau, Xuân lòng hiển thị...

Ngày cuối năm Tân Mão
<http://www.nhipcautamgiao.net>



Lm PX Tâm Giao, nữ tu Anna Nguyễn Thị Phụng, ba đạo hữu Đạt Tịnh, Trần Văn Quang, Huệ Khải, và các thành viên của Ban MVĐTLT chụp ảnh lưu niệm tại tượng đài Đức Mẹ Lộ Đức (ở trước Nhà Truyền Thống TGP)



TẤM LÒNG BẠC LIÊU

Từ trái sang: Anh Lớn Đầu Sư Thượng Sáng Nhựt và Anh Lớn Phối Sư Ngọc Huỳnh Thanh. (Ảnh: Trần Văn Quang)

Thứ Năm, ngày 08-3-2012: Nhân một chuyến hành đạo tại Tp.HCM, Quý Anh Lớn và chức sắc, đạo hữu thuộc Hội Thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo, đã ưu ái ghé thánh thất Bàu Sen vào buổi chiều cùng ngày, với tính cách thân tình của cá nhân Quý Anh Lớn đối với Ban Cai Quản thánh thất Bàu Sen và Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

Đoàn gồm có mười hai vị: Đầu Sư Thượng Sáng Nhựt, Phối Sư Ngọc Huỳnh Thanh (Trưởng Ban Đại Diện tỉnh

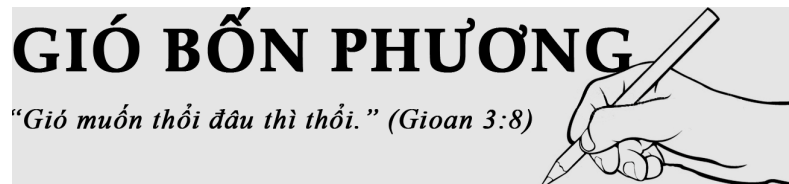
đạo Bạc Liêu), Giáo Hữu Hương Triệu (thành viên Ban Đại Diện tỉnh đạo Bạc Liêu), Lễ Sanh Ngọc Miền Thanh (Chánh Hội Trưởng thánh thất Ngọc Minh, tại Giồng Bôm, xã Phong Thạnh Tây, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu), Lễ Sanh Hương Hồng (Trưởng Phòng Thơ thánh thất Minh Xuân Quang, xã Phong Thạnh A, Giá Rai, Bạc Liêu), cùng bảy huynh ty tín đồ thuộc Hội Thánh Minh Chơn Đạo.

Với tình thương yêu trù mến các em của mình trong chương trình hoằng pháp thông qua phương tiện Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo, Anh Lớn Đầu Sư Thượng Sáng Nhựt đã ân cần khích lệ, từ ái khuyên nhủ mọi người tiếp tục cố gắng nhiều hơn nữa để giúp đồng đạo bốn đạo các nơi có thêm kinh sách giá trị ngõ hầu góp phần mở mang trình độ hiểu biết về Đạo Thầy. Anh Lớn Đầu Sư nhắc nhở rằng hành đạo chỉ với cái tâm thì chưa đủ; người hành đạo ngày nay còn phải nâng cao trình độ giáo lý cũng như một số kỹ năng cần thiết để theo kịp trào lưu thời đại.

Hân hạnh đón tiếp Quý Anh Lớn và phái đoàn, về phía thánh thất Bàu Sen gồm có: đạo hữu Đạt Tịnh (Chánh Hội Trưởng), Trần Văn Quang (Phó Hội Trưởng), Huệ Khải (Ban Ấn Tổng), và Trần Văn Ngọ (thánh thất Từ Vân)...

Rất cảm kích trước tình cảm thân thương, đầm ấm của Quý Anh Lớn và phái đoàn, Ban Cai Quản thánh thất Bàu Sen trân trọng kính lời tri ân Quý Anh Lớn Đầu Sư và Ngọc Phối Sư lúc nào cũng chiếu cố tới đàn em thuộc một thánh thất nhỏ bé như Bàu Sen; đặc biệt nhất là hai vị đã tạo điều kiện mở một điểm phát hành kinh sách ấn tổng tại thị trấn Hộ Phòng (huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu), hành đạo khá hiệu quả trong một năm qua.

VÂN QUANG



✉ **Họ đạo Trung Hòa Đắklăk:** 457 Phan Chu Trinh, thành phố Ban Mê Thuột ☎ 050-3952869. Trích đạo thư:

Đắklăk, ngày 29 tháng 10 năm Tân Mão (24-11-2011)

(...) Họ đạo Trung Hòa Đắklăk, họ đạo Trung Phước An, và cơ sở đạo Trung Điền (thuộc Hội Thánh Truyền Giáo), cùng một họ đạo thuộc Hội Thánh Ban Chính Đạo tại thị xã Buôn Hồ, đều nằm ở Tây Nguyên xa xôi.

Từ ngày có *Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Cao Đài*, họ đạo Trung Hòa đã làm điểm trung chuyển kinh sách cho các cơ sở đạo nói trên. Số đầu sách và số lượng kinh sách đã đến họ đạo Trung Hòa Đắklăk rất nhiều. Nhờ đó, những người con của Thầy Mẹ tại Tây Nguyên xa xôi này có dịp tìm hiểu giáo lý Đại Đạo, hầu trưởng dưỡng đức tin và tinh thần tu học của nhơn sanh nơi đây.

Các họ đạo và cơ sở đạo ở Tây Nguyên nghĩ rằng *Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Cao Đài* là một ý tưởng mới mẻ và là hình thức phổ truyền Đạo Thầy to lớn nhất từ trước đến nay.

Đọc “*Đôi lời tha thiết*” và phương danh của quý Mạnh Thường Quân xa gần công quả, chúng tôi vô cùng cảm động. Lại nghĩ rằng Thầy Mẹ đã sản sinh ra những người con học rộng, hiểu thông giáo lý, cùng những tâm lòng vàng quý hóa của các bậc Mạnh Thường Quân đã chung

tâm chung sức làm nên một chương trình phổ tế rộng rãi, hiệu quả vô cùng.

Kính nguyện cầu Thầy Mẹ cùng các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân, hộ trì cho quý đạo huynh, đạo tỷ sức khỏe dồi dào, thân tâm thường lạc, để tiếp tục đóng góp sự hy sinh cả này.

Nay kính thư,

*TM. Họ đạo Trung Hòa (Đắklăk),
Trung Phước An, cơ sở đạo Trung Điền,
và họ đạo thuộc Ban Chính Đạo*

Đầu Họ Đạo Trung Hòa
Lễ Sanh **THÁI MINH THANH**

*

✉ **Đạo hữu Phan Ba** (thánh thất Trung Nghĩa): đường 30 tháng 4, thành phố Vũng Tàu. Trích thư ngày 02-02-1012:

*Xuất bản kinh sách rất cần
Tôi nay góp tiếp một phần quả công
Chung Tay Ấn Tổng rất mong
Đạo hữu chung sức khắp trong mọi miền
In thêm kinh sách phổ truyền
Người người học đạo biết nên sửa mình.*

*

● **BAN ÁN TỔNG** chân thành cảm tạ tấm lòng mến mộ việc hoằng pháp Kỳ Ba của hiền huynh **Lễ Sanh Thái Minh Thanh** và hiền huynh **Phan Ba**. Chúng ta luôn cầu mong kinh sách ấn tổng càng ngày càng được thêm đông đảo bà con quan tâm, trân trọng, chuyển tới đúng người có tâm đạo đang cần tài liệu tham khảo bổ ích cho việc tu học.

☒ **Thánh tịnh GIÁC MINH ĐÀN** (Hội Thánh Cao Đài Chiếu Minh Long Châu): ấp 7, xã Lương Nghĩa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Trích đạo thư:

(...) Thánh tịnh chúng tôi ở vùng sâu, vùng xa, dân trí còn thấp, lại thêm kinh tế khó khăn nên đạo trí cũng vì thế mà kém sút về phần giáo pháp Cao Đài.

Từ lâu rồi thánh tịnh chúng tôi ước mong thành lập Thư Viện để giúp tín đồ những lúc nông nhàn đến đọc kinh sách, học hỏi giáo lý.

Nay chúng tôi được chánh quyền cho phép thành lập Thư Viện tại thánh tịnh nhưng lại thiếu kinh phí để mua sách. Khi biết đang có *Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo*, thật là nắng hạn gặp mưa rào! Chúng tôi rất mong Chương Trình Ấn Tống giúp đỡ một số kinh sách trang bị cho Thư Viện của thánh tịnh Giác Minh Đàn.

Lương Nghĩa, ngày 15 tháng Giêng năm Nhâm Thìn.

TM. Ban Cai Quản – Trưởng Ban
Giáo Hữu **NGỌC ĐÔ THANH**

*

● **BAN ÁN TỔNG** rất hoan hỷ khi nhận được thư của **Ngọc Giáo Hữu Phan Văn Đô** bày tỏ việc đạo ở thánh tịnh Giác Minh Đàn. Chúng tôi cũng rất khâm phục tấm lòng vị nhơn sanh và tầm nhìn của Ban Cai Quản. Nếu cộng đồng Cao Đài càng ngày càng được thêm nhiều chức sắc, chức việc tha thiết quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao công trình học đạo và mức độ hiểu đạo cho địa phương thì còn lo gì hột giống Đại Ân Xá Kỳ Ba không mau chóng nảy nở để phát triển thành đồng lúa phì nhiêu bát ngát nuôi dưỡng tâm linh con cái Thầy Mẹ khắp nơi.

Do đó, không những thường xuyên cung cấp miễn phí kinh sách cho Thư Viện Giác Minh Đàn, chúng tôi còn sẵn sàng kính biếu nhiều kinh sách (thông qua Ban Cai Quản sở tại) để bổn đạo Giác Minh Đàn dễ dàng tham khảo, tìm hiểu giáo lý tại nhà, lần hồi mỗi tín hữu sẽ có được một *tủ sách gia đình* gồm nhiều kinh sách giá trị.

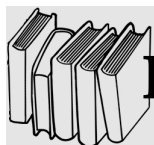
Trong hoàn cảnh cộng đồng Cao Đài chúng ta còn thiếu quá nhiều giảng đường thuyết minh giáo lý vào hai ngày sóc vọng mỗi tháng (đúng như *Tân Luật* cũng như *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* và *Thánh Huân Hiệp Tuyển* quy định), trong thực trạng mà quý anh chị Giáo Sĩ Đại Đạo chưa đủ số lượng để đáp ứng hết nhu cầu khát khao học đạo ở khắp các thánh sở Cao Đài, thì chúng ta nên mượn phương tiện kinh sách để bù đắp vào hai khoản thiếu thốn đó.

Xây dựng *thư viện tại họ đạo* và trang bị *tủ kinh sách gia đình* nên là mối quan tâm của người tín hữu chúng ta.

VĂN HÓA ĐỌC ngày nay đang bị văn hóa nghe-nhìn lấn át! Tuy nhiên, muốn thâm thía sâu sắc giáo lý thì cần phải *nghe, ngắm, suy tư* với chữ nghĩa được in rõ ràng trên giấy. Do đó, **ĐỌC SÁCH** luôn luôn rất cần thiết.

Để phát triển văn hóa đọc, Ban Án Tổng rất chú trọng việc xuất bản kinh sách với câu cú phân minh, chánh tả chính xác, lời lẽ trong sáng, diễn giải dễ hiểu... Như thế, vừa góp phần nâng cao trình độ sử dụng chữ Quốc Ngữ của bổn đạo, vừa tỏ lòng tôn kính Tiếng Việt đang trở thành **LINH NGŨ** kể từ khi Đức Chí Tôn mở Đạo, lấy Tiếng Việt làm phương tiện chánh thức phổ truyền giáo pháp Kỳ Ba.

TM. Ban Án Tổng
ĐẠT TỊNH – VÂN QUANG



KINH SÁCH MỚI IN

Kinh sách ấn tống trong Quý 1-2012 (mười nhan đề):

01-3. Đất Nam Kỳ - Tiến Đế Văn Hóa Mở Đạo Cao Đài (Huệ Khải). Quý ĐH L.V.T. (Ph.D., Can.), THANH PHONG, GIÁO THIỆN (Long Vân Đàn, Mỹ Tho) ấn tống 3.000 quyển.

02-3. Ngô Văn Chiêu – Người Môn Đệ Cao Đài Đầu Tiên (Huệ Khải). Quý ĐT TRẦN THỊ NGỌC YẾN, YẾN HOA (Long Vân Đàn, Mỹ Tho) ấn tống 3.000 quyển.

08-2. Bồi Dưỡng Đức Tin (Ngọc Giáo Hữu Bùi Văn Tâm). ĐT Hiền Sĩ LÂM THỊ HÓA và các học trò cũ của thầy giáo Bùi Văn Tâm ấn tống 3.000 quyển.

10-3. Cơ Duyên Và Tuổi Trẻ (Phạm Văn Liêm). ĐT NGUYỄN THỊ ĐÌNH (tín hữu HT Truyền Giáo tu học tại TT Houston, Texas, Hoa Kỳ) ấn tống 1.640 quyển, hồi hướng về sự tu học; gia đình ĐT HÀ THỊ MẬT cùng hai con LÊ HÀ THỊ THỦY và LÊ THỊ THỊ (TT Trung Hòa, xã đạo Buôn Hồ, Daklak) ấn tống 1.360 quyển, kính nguyện cầu an cho chồng và cha là Tòng Sĩ Quân Lê Văn Yên (HT Truyền Giáo).

38-2. Kinh Sám Hối (tranh 4 màu). Quý ĐT YẾN HƯƠNG, THỦY NHƯ HƯƠNG, NGUYỄN THỊ XUÂN (Long Vân Đàn, Mỹ Tho) ấn tống 3.000 quyển; ĐT NGUYỄN NGỌC LAN (An Lạc A, Bình Tân), ĐT HỒ THỊ MỸ PHƯƠNG (Tân Thuận Tây, Quận 7), ấn tống 2.000 quyển; ĐT Hiền Sĩ LÂM THỊ HÓA và gia đình ấn tống 5.000 quyển.

39-2. Tìm Hiểu Hai Bài Tiên Thiên Khí Hóa Và Quế Hương Nội Điện (Huệ Khải). ĐT HUỖNH THỊ MƯỢT (An Bình Tây, Ba Tri, Bến Tre) ấn tống 1.650 quyển, hồi hướng giác linh mẹ (ĐT Nguyễn Thị Khuê) và chị Hai (ĐT Huỳnh Thị Hai); ĐT PHẠM THỊ KHA (Long Vân Đàn, Mỹ Tho) ấn tống 1.350 quyển.

49-1. Kinh Cúng Tứ Thời (Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi). ĐT BẠCH MINH HOA Nguyễn Thị Đạm (Thánh Đức Tổ Đình Chiếu Minh, Cần Thơ), ấn tống 5.000 quyển.

50-1. Xuân Hòa Đồng (Hiệp tuyển thơ văn đạo lý). Quý Thiên ân chúc sắc, chúc việc, tín hữu, đạo tâm trong Tam Kỳ Phổ Độ ấn tống 5.000 quyển; Ban Giám Đốc và công nhân viên Xí Nghiệp In Fahasa ấn tống 2.000 quyển.

51-1. Cuộc Đời Phật Thích Ca (tranh 4 màu, Ngô Bái Thiên). ĐT HUỖNH THỊ NIẾU

(Long Vân Đàn, Mỹ Tho) ấn tống 4.500 quyển; hiền tử CHƠN ĐIỂN Huỳnh Kim Chi (Mình Đức Nho Giáo, An Dương Vương, quận 5) ấn tống 500 quyển.

● **ĐẠI ĐẠO VĂN UYÊN** (Hiệp tuyển thơ văn đạo lý). Tập Nguyên – năm Nhâm Thìn, do Quý vị Mạnh Thường Quân phụng danh sau đây ấn tống 5.000 quyển:

01	ĐT LÊ THỊ BÍCH CHI (TT Trung Hòa): xã đạo Buôn Hồ, Daklak	1.000.000
02	ĐH NGUYỄN QUỐC DOANH (TT Trung Hòa): xã đạo Buôn Hồ, Daklak	1.000.000
03	ĐH MINH KIỆT & MINH TẠO (Chiếu Minh)	1.000.000
04	ĐT HỒ KIM BÁC ÁI, ĐT HỒ THỦY CÔNG BÌNH, Đạo hữu LÊ MINH HIẾN (Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh): Lâm Văn Bến, Q7 0908068xxx. Hồi hướng cứu huyến thất tổ và thân phụ (ĐH Hồ Thái Bạch, quy năm 1985).	1.000.000
05	Gia đình cháu LÊ PHẠM NGUYỄN KHANG: Tp Cần Thơ (cháu ĐT Lê Thị Hữu, VL)	1.000.000
06	ĐT MINH ANH, ĐT MINH TIẾN (Chiếu Minh?): ấp 3, X Nhị Bình, Hóc Môn	1.000.000
07	ĐH MINH LƯỢNG (Chiếu Minh?)	1.000.000
08	ĐH MAI VĂN HAI: Long Hiệp, Bến Lức, Long An	1.000.000
09	Đạo hữu MAI NGỌC LƯỢNG (Vĩnh Nguyên Tự): X Long An, Cần Giuộc, Long An	1.000.000
10	Gia đình ĐH HUỖNH PHÙNG (TT Quảng Hòa) 0510-3865xxx	1.000.000
11	LIÊN HOA CỬU CUNG (Thiên Đạo Học Đường): Quốc lộ 1K, Linh Xuân, Thủ Đức	1.000.000
12	ĐT HUỖNH THỊ BÍCH LOAN (Họ Đạo Trung Mỹ II): Tam Kỳ, Quảng Nam	1.000.000
13	ĐT HUỖNH THỊ NGỌC NĂM (TTi Ngọc Điện Huỳnh Hà)	1.000.000
14	ĐH ĐỨC LÊ (TT Vĩnh Hòa): Hồi hướng cứu huyến và bá tánh.	1.000.000
15	ĐT LÊ THỊ CỨNG (TT Cai Lậy): Tiền Giang	1.000.000
16	ĐT HỒ THỊ Ý (TT Trung Hiến): Ca Văn Thỉnh, Tân Bình, 0xxx. Hồi hướng giác linh thân phụ (ĐH Hồ Tấn Tại: sanh năm Ất Sửu, quy 12-4 Canh Dần).	1.000.000
17	ĐT LƯU THỊ LẾN (TT Phong Thạnh): ấp 1, Phong Thạnh, Cầu Kè, Trà Vinh. 0xxx	1.000.000
18	Đạo hữu MINH HUỆ MINH: 99 C Nguyễn Thị Thân, X Trung An, TP Mỹ Tho.	1.000.000
19	ĐH LÂM ĐĂNG HẢI: Hồi hướng mẹ (ĐT Nguyễn Thị Cảnh) và anh (Lâm Đăng Hải).	1.000.000
20	Đạo hữu VAN DUC NHAT (chuyển qua ACB ngày 28-12-2011).	1.000.000
21	ĐT NGÔ MINH BÍCH DUYỄN, BÍCH HẰNG, BÍCH HỒNG, BÍCH LOAN, BÍCH PHƯƠNG: Tân Uyên, Bình Dương (gia đình ĐT THANH VÂN).	1.000.000
22	CTS LÂM VĂN NĂM (TT Phương Thạnh, Ban Chính Đạo): Càng Long, Trà Vinh.	1.000.000
23	ĐH HOÀNG HỮU THANH (TT Phụng Mỹ, HT CK-Tam Quan): An Dương, Hoài Tân	1.000.000
24	Giám Đạo THIÊN TÁNH, GS HƯƠNG ANH THANH DIỆU HUỖN (Tòa Thánh Châu Minh, HT Tiên Thiên): Hồi hướng ĐH Đình Văn Tống và ĐH Đình Hòa Khiêm.	1.000.000
25	ĐT HUỖNH THỊ TRÂM, ĐT HUỖNH THỊ SƯƠNG (TTi Thanh Quang): xã đạo Kỳ Bi.	1.000.000
26	Nhà báo LAM ĐIỂN (Bảo Tuổi Trẻ).	1.000.000
27	ĐT ANNA Nguyễn Thị Tuyết Hoa: Phú Cường, Thủ Dầu Một, Bình Dương. 0xxx	1.000.000
28	ĐT TRẦN THỊ SƯƠNG (TTi Phương Quế Ngọc Đài): Long An.	1.000.000
29	ĐH MAI VĂN VI: Cách Mạng Tháng Tám, P Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai.	1.000.000

30	ĐH MAI VĂN VỊ, Hội Trưởng TT Tân Hạnh, X Tân Hạnh, Biên Hòa, Đồng Nai.	1.000.000
31	Công Ty Dược AN TÂM, Q10. Hối hướng thân phụ (ĐH Trần Ngọc Hai).	2.000.000
32	ĐT HỒ THỊ ANH, ĐT HỒ THỊ SANG	2.000.000
33	ĐT HUỖNH THỊ BẠC (TT Bàu Sen): Hối hướng thân phụ (ĐH Nguyễn Văn Cảnh) và cữu huyền thất tổ.	2.000.000
34	ĐT LÊ THỊ NGỌC HƯƠNG: Tổ 19, KP3, Thạnh Lộc, Q12. ③01225015xxx. Hối hướng cha (ĐH Lê Văn Sĩ) và cữu phúc thọ cho mẹ (ĐT Nguyễn Thị Đây).	2.000.000
35	Đạo hữu LÝ MINH ÁNH	2.000.000
36	Thượng GS LÊ VĂN NHÂN, và Quý Anh Lớn HT Cầu Kho - Tam Quan, Bình Định.	2.000.000
37	ĐT NGUYỄN THỊ MÀNH: Hối hướng giác linh ĐT Nguyễn Thị Tảo. (c/Thư Vạn)	2.000.000
38	ĐH MINH TRÍ Phạm Đức Trí (Chiếu Minh): ③01227622xxx.	2.500.000
39	ĐT PHẠM THỊ THỜI, ĐT PHẠM THỊ MÃNH (TTi Ngọc Minh Đài): Tân Qui, Q7. ③7713xxx. Hối hướng thân phụ (ĐH Phạm Văn Chiêu) và cữu huyền thất tổ.	3.500.000

Tổng cộng: **50.000.000 VNĐ**

Quý Thiên ân chúc sắc, chức việc, tin đồ và đạo tâm chung tay đóng góp công quả trong nhiều đợt khác nhau. Ban Ấn Tổng mở tài khoản ghi nhận công quả pháp thí của từng vị và tổng kết từng đợt để tùy nghi phân bổ mỗi khi in sách mới, ngõ hầu bày tỏ lòng biết ơn và trân trọng lưu niệm nghĩa cử cao cả của Quý vị Mạnh Thường Quân.

PHƯƠNG DANH QUÝ VỊ MẠNH THƯỜNG QUÂN CÔNG QUẢ ẤN TỔNG

Đợt Năm Mười Chín: Từ ngày 27-12-2011 đến ngày 31-01-2012

01	PTS NGUYỄN VĂN OI (TT Hưng Phong): ấp 2, Hưng Phong, Giồng Trôm, Bến Tre.	10.000
02	Thơ Ký Đẩu Họ Đạo VÕ THỊ CẨM LŨNG (TT Hưng Phong): ấp 2, Hưng Phong.	10.000
03	ĐTNH NGUYỄN PHƯƠNG LOAN: Cẩn Thơ	50.000
04	ĐT LÊ THỊ HỒNG CHÂU: Trà Vinh.	50.000
05	Đồng Nhi ĐẶNG THỊ DIỄM CHI (TT Hưng Phong): ấp 2, Hưng Phong, Giồng Trôm.	50.000
06	Đồng Nhi ĐẶNG THỊ NGỌC NGÂN (TT Hưng Phong): ấp 2, Hưng Phong, Giồng Trôm.	50.000
07	ĐT NGUYỄN THỊ LAN, ĐH NGUYỄN TÔN TẬP: Trần Cao Văn, Tam Kỳ, Quảng Nam. Hối hướng cữu huyền thất tổ.	50.000
08	ĐH TRẦN BẮC THẠNH (TTi Ngọc Linh): Đồng Nai.	100.000
09	ĐT HUỖNH THỊ DIỄM: P3, Q4	100.000
10	Chơn linh ĐT LÊ THỊ NHỎ	100.000
11	Lễ Sanh HƯƠNG LIẾU Nguyễn Thị Liễu (TT Phước Long, HT Ban Chỉnh Đạo): ấp Phước Mỹ, Phước Long, Giồng Trôm, Bến Tre.	100.000
12	Phó Hội Trưởng ĐẶNG VĂN THƠ (TT Hưng Phong): ấp 2, Hưng Phong, Giồng Trôm.	100.000
13	ĐH NGUYỄN THANH VŨ (TT Hưng Phong): ấp 3, Hưng Phong, Giồng Trôm, Bến Tre.	100.000

14	ĐT CHÂU PHƯƠNG LOAN (TT Hưng Phong): ấp 3, Hưng Phong, Giồng Trôm, Bến Tre.	100.000
15	ĐH NGUYỄN TIẾN ĐẠT (TT Hưng Phong): ấp 3, Hưng Phong, Giồng Trôm, Bến Tre.	100.000
16	ĐH NGUYỄN TẤN CÔNG (TT Trung Hiệp): Khánh Hòa. Hối hướng cữu huyền thất tổ.	100.000
17	CTS TRẦN MINH THANH (TT Trung Hiệp): Hối hướng thân phụ (CTS Trần Minh Cảnh).	100.000
18	ĐT TRANG KIM TUYẾN: Ba Vi, P15, Q10. Cầu an cho gia đình.	100.000
19	ĐT NGUYỄN THỊ KHÁCH (TT Phước Lý): Bình Chánh.	100.000
20	ĐH HUỖNH NGỌC TRUNG (TT Phú Sơn): Chợ Lách, Bến Tre	100.000
21	ĐT HUỖNH THỊ MỘT (TT Vũng Liêm)	100.000
22	ĐH PHẠM THANH HIẾU, ĐT NGUYỄN THỊ MỸ AN: Nguyễn Thiện Thuật, P3, Q3	100.000
23	ĐH NGUYỄN MÃNH (TT Long An, HT Ban Chỉnh Đạo)	100.000
24	ĐH TRƯƠNG MINH ĐỨC (TTi Ngọc Thanh Quang): Vũng Liêm, Vĩnh Long.	100.000
25	ĐH NGUYỄN VĂN PHƯỚC: Nguyễn Thiện Thuật, P3, Q3	100.000
26	ĐH NGUYỄN VĂN HIỆP: Nguyễn Thiện Thuật, P3, Q3	100.000
27	ĐT NGUYỄN THỊ MỸ HÒA: Nguyễn Thiện Thuật, P3, Q3 ③ 38398xxx	100.000
28	ĐT PHẠM THỊ HOÀNG LAN: Phú Lộc, Phú Thạnh, Phú Tân, An Giang	100.000
29	ĐH PHẠM THIÊN PHÚC, ĐT VÕ THỊ MỸ PHƯƠNG: Phú Lộc, Phú Thạnh, Phú Tân, A.G.	100.000
30	Lễ Sanh THƯƠNG LANG THANH Lâm Văn Lang (TT Long An): Long An, Cần Giuộc	100.000
31	ĐH PHẠM THANH HIẾU (sinh 1963): Nguyễn Thiện Thuật, P3, Q3.	100.000
32	ĐT NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUẾ (sinh 1933): Nguyễn Thiện Thuật, P3, Q3. Hối hướng cữu huyền thất tổ.	100.000
33	CTS NGUYỄN VĂN MAI (TT Hưng Phong): ấp 3, Hưng Phong, Giồng Trôm, Bến Tre.	150.000
34	Lễ Sanh HƯƠNG YÊN Võ Thị Yên (TT Hưng Phong): ấp 3, Hưng Phong, Giồng Trôm.	150.000
35	ĐT THANH THÚY (Hu Vô Chơn Nhứt): Phước Hải, Bà Rịa - Vũng Tàu	200.000
36	ĐH NGUYỄN THÀNH HỒNG (TT Trà Vinh).	200.000
37	ĐT BUI THỊ LÒNG (TT Hưng Phong): Hối hướng ĐH Bùi Văn Tim, ĐT Nguyễn Thị Hương	200.000
38	Lễ Sanh HƯƠNG RẪNH Lê Thị Rảnh (TT Hưng Phong): ấp 3, Hưng Phong, Giồng Trôm	200.000
39	Lễ Sanh HƯƠNG HIỆP Nguyễn Thị Hiệp (TT Hưng Phong): ấp 2, Hưng Phong, G. Trôm	200.000
40	ĐH HOÀNG HỮU THANH (TT Phụng Mỹ, HT CK-Tam Quan): An Dương, Hoài Tân.	200.000
41	Giám Đạo THIÊN TÁNH, GS HƯƠNG ANH THANH DIỆU HUYỀN (Tòa Thánh Châu Minh): Hối hướng ĐH Đình Văn Tống, ĐH Đình Hòa Khiêm.	200.000
42	ĐT BẠCH THẢO HOA: Phó Hội Trưởng Bửu Quang Đoàn.	200.000
43	ĐT NGUYỄN THỊ HỒNG (TT Tân Định)	200.000
44	ĐT NGUYỄN THỊ PHƯỢNG (TT Hưng Phong): ấp 2, Hưng Phong, Giồng Trôm, Bến Tre.	200.000
45	Cố ĐH ĐẶNG VĂN TRUYỀN (TT Hưng Phong): ấp 3, Hưng Phong, Giồng Trôm, Bến Tre	200.000
46	ĐT CHÂU PHƯƠNG LOAN (TT Hưng Phong): ấp 3, Hưng Phong, Giồng Trôm, Bến Tre. Hối hướng cha (ĐH Châu Văn Kim, ấp 2, Hưng Phong).	200.000
47	ĐH NHÂN NGUYỄN ĐƯỜNG: Long Giao, Cẩm Mỹ, Đồng Nai	200.000
48	Lễ Sanh LÊ HƯƠNG NHẪN (tịnh thất Thanh Định, Qui Nhơn)	200.000
49	ĐT PHAN THỊ DUYỀN (77 tuổi), ĐT NGUYỄN THỊ LIÊN (49 tuổi), ĐH NGUYỄN VĂN TUẤN	200.000

	(41 tuổi), ĐT NGUYỄN THỊ DIỄM (34 tuổi): Cù lao Long Khánh, Hồng Ngự, Đồng Tháp.	
50	Đạo hữu ẨN DANH (HT Ban Chính Đạo): ĐH Phong chuyển ngày 18-12-2011.	200.000
51	Giáo Hữu THƯỢNG MINH THANH (HT Ban Chính Đạo, Long An). ĐH Phong chuyển.	200.000
52	ĐT NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUẾ: Nguyễn Thiện Thuật, Q3. Hồi hướng cứu huyền thất tổ.	200.000
53	ĐT NGUYỄN THỊ THANH NHÂN: Tôn Đản, P14, Q4	200.000
54	ĐH LÊ VĂN SANH (TT Long Vĩnh): Châu Thành, Tây Ninh. Hồi hướng cứu huyền thất tổ	200.000
55	ĐT NGUYỄN THỊ LIỄU (TT Trung Mỹ): Tam Kỳ, Q Nam. Hồi hướng cứu huyền thất tổ.	200.000
56	Thùng tiền tiết kiệm ủng hộ ấn tống của TT Bà Sen mở ngày 17-01-2012.	200.000
57	Phó Ban Hành Thiện NGUYỄN VĂN ĐẸP (TT Hưng Phong): ấp 3, Hưng Phong, G Trôm	250.000
58	Quản Lý Phòng Trù ĐẶNG THỊ TRÚNG (TT Hưng Phong): ấp 3, Hưng Phong, G Trôm.	250.000
59	Ban Cai Quản TTI NGỌC LINH: Hiệp Phước, Nhơn Trạch, Đồng Nai	300.000
60	PTS LÊ THỊ ÁNH TUYẾT, xã đạo Tam Kỳ, Trung Mỹ, Quảng Nam. ACB chuyển 30-12.	300.000
61	ĐT THANH DUNG (CQPTGLĐĐ)	300.000
62	Chơn linh Thái GS VÕ VĂN HỢI (1927-2010), GS HƯƠNG VÂN Đặng Thị Vân: Mỹ Tho	300.000
63	ĐT VÕ THỊ THU CÚC, ĐT VÕ THỊ HẠNH, ĐH PHAN GIA QUANG TRUNG, ĐH PHAN VŨ HẬU TRUNG, ĐH BÙI THIÊN TUÂN: Nguyễn Văn Cừ, P Nguyễn Cư Trinh, Q1	350.000
64	ĐT LÊ THỊ XUÂN HOA (TT Trung Đồng, HT Tr Giáo): Hồi hướng cứu huyền thất tổ.	500.000
65	ĐT THƯ THỒNG + THƯ VẠN (Minh Lý Thánh Hội)	500.000
66	ĐT LÊ THỊ HỒNG PHƯƠNG (TT Long Vĩnh): Tây Ninh. Hồi hướng cứu huyền thất tổ.	500.000
67	ĐT LIỄN, ĐT CÚC (TT Trung Thành, Đà Nẵng)	500.000
68	ĐH LÊ XÍCH HẢI. Hồi hướng Đổ Phiên (Thiện Nghiệp), Lê Thị Đê, Lê Xuân Cương.	500.000
69	ĐH/ĐT VAN DUC NHAT. ACB chuyển ngày 28-12-2011.	1.000.000
70	ĐT NGÔ MINH BÍCH DUYÊN, BÍCH HẰNG, BÍCH HỒNG, BÍCH LOAN, BÍCH PHƯỢNG: Tân Uyên, Bình Dương (gia đình ĐT THANH VÂN).	1.000.000
71	ĐT HUỖNH THỊ TRÂM, ĐT HUỖNH THỊ SƯƠNG (TTi Thanh Quang): xã đạo Kỳ Bi.	1.000.000
72	ĐT ANNA Nguyễn Thị Tuyết Hoa: Thích Quảng Đức, Phú Cường, Thủ Dầu Một, BD	1.000.000
73	Nhà báo LAM ĐIỂN (Báo Tuổi Trẻ)	1.000.000
74	ĐH CHÁNH TRÍ Lê Quang Hồng (TT An Nhứt): Bà Rịa -Vũng Tàu. Hồi hướng cha (Joseph Lê Quang Vy, quy 1971) và mẹ (Maria Térésa Lê Nguyệt Tiên, quy 1967).	1.500.000
75	ĐT NGUYỄN THỊ MÀNH: Hồi hướng giác linh ĐT NGUYỄN THỊ TẢO.	2.000.000
76	ĐH MINH TRÍ Phạm Đức Trí (Chiếu Minh): gởi 2 lần: 1 triệu + 1,5 triệu.	2.500.000
77	ĐT NGUYỄN THU VÂN (Bi, ĐH Ng Thanh Long chuyển 18-01).	2.642.000
	Công quả 100 EUR=2.642.000 VNĐ	

Tổng cộng: **25.662.000 VNĐ**

Chú thích ảnh. Bìa 1: Thánh tịnh Đại Thanh. Xem bài của Thanh Căn, tr. 43-51.
Bìa 3: TT Trung Nguyên (trên) và TT Trung An (dưới): ảnh HT Truyền Giáo. Bìa 4: TT Ngọc Phước Đản (trên): ảnh Lê Quốc Việt (Bạc Liêu); TT Hưng Đông (dưới): ảnh Đạt Linh (Bầu Sen). Xem bài của Đạt Truyền, tr. 53-63.

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

ĐẠI ĐẠO VĂN UYÊN

Hiệp tuyển thơ văn đạo lý – Tập Nguyên, Nhâm Thìn 2012

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN CÔNG OÁNH
Biên tập: LÊ HỒNG SƠN
Vẽ bìa: LÊ ANH HUY
Trình bày & kỹ thuật: DŨ LAN
Sửa bản in: DIỆU NGUYỄN
Liên kết: Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo
Ấn tống : Quý Thiên ân chức sắc, chức việc, tín hữu, đạo tâm
trong Tam Kỳ Phổ Độ. Phát hành mỗi quý (ba tháng một tập).

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
Phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
☎ (04) 37822845 – Fax: (04) 37822841
In 5.000 bản, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại XN In FAHASA
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.
☎ (08) 38153971 – Fax: (08) 38153297
Số xuất bản 144-2012/CXB/109-08/TG, ngày 14-3-2012.
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2012.

SÁCH ẤN TỐNG (KHÔNG BÁN)